

**BAN TUYỂN GIÁO TỈNH ỦY - SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
BÌNH THUẬN**

-----

**TÀI LIỆU  
DẠY VÀ HỌC LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG  
TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**



**Bình Thuận, tháng 7 năm 2020**

## MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu .....	3
Bảng giải thích từ ngữ .....	4
Chủ đề 1: Khái quát về vị trí địa lí, dân cư và quá trình thay đổi đơn vị hành chính trên vùng đất Bình Thuận .....	6
Chủ đề 2: Vùng đất và con người Bình Thuận thời Cổ đại .....	11
Chủ đề 3: Vùng đất và con người Bình Thuận thời Trung đại .....	14
Chủ đề 4: Bình Thuận trong thời Cận đại đến năm 1930 .....	23
Chủ đề 5: Bình Thuận từ năm 1930 đến năm 1954 .....	29
Chủ đề 6: Bình Thuận từ năm 1954 đến năm 1975 .....	40
Chủ đề 7: Bình Thuận từ năm 1975 đến năm 1991 .....	50
Chủ đề 8: Bình Thuận từ ngày tái lập tỉnh <b>tháng 4</b> năm 1992 cho đến nay .....	54
Chủ đề 9: Một số nhân vật lịch sử tiêu biểu .....	61
Chủ đề 10: Một số di tích sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh .....	73
Tài liệu tham khảo .....	93

## LỜI NÓI ĐẦU

Dạy và học lịch sử địa phương là một trong những nội dung quan trọng trong chương trình giáo dục quốc gia hiện nay. Ở cấp trung học cơ sở đã có tài liệu dạy học lịch sử địa phương; song, ở cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh cho đến nay vẫn chưa có tài liệu dạy và học lịch sử địa phương chính thống.

Được sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Sở Giáo dục - Đào tạo phối hợp biên soạn: **“Tài liệu dạy và học lịch sử địa phương trong trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Thuận”**.

Tài liệu này được biên soạn thành 10 chủ đề, gồm:

*Chủ đề 1:* KHÁI QUÁT VỀ VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, DÂN CƯ VÀ QUÁ TRÌNH THAY ĐỔI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TRÊN VÙNG ĐẤT BÌNH THUẬN.

*Chủ đề 2:* VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI BÌNH THUẬN THỜI CỔ ĐẠI.

*Chủ đề 3:* VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI BÌNH THUẬN THỜI TRUNG ĐẠI.

*Chủ đề 4:* BÌNH THUẬN TRONG THỜI CẬN ĐẠI ĐẾN NĂM 1930.

*Chủ đề 5:* BÌNH THUẬN TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1954.

*Chủ đề 6:* BÌNH THUẬN TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975.

*Chủ đề 7:* BÌNH THUẬN TỪ 1975 ĐẾN NĂM 1991.

*Chủ đề 8:* BÌNH THUẬN TỪ NGÀY TÁI LẬP TỈNH NĂM 1992 ĐẾN NAY.

*Chủ đề 9:* MỘT SỐ NHÂN VẬT LỊCH SỬ TIÊU BIỂU.

*Chủ đề 10:* MỘT SỐ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.

Tài liệu được biên soạn theo hướng tiếp cận với Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 **với mục đích cung cấp những nội dung cơ bản, trọng tâm** về tư liệu lịch sử truyền thống của địa phương nhằm **giúp các thầy, cô giáo chủ động** trong việc lựa chọn nội dung giảng dạy lịch sử truyền thống địa phương cho phù hợp với đối tượng học sinh cấp trung học phổ thông **trên địa bàn toàn tỉnh**.

Mặc dù **Ban chỉ đạo và Tổ biên soạn** đã có nhiều cố gắng để **nghiên cứu, cập nhật các tư liệu lịch sử**, đảm bảo tính khoa học và phản ánh thực tiễn lịch sử **truyền thống** của địa phương; song không thể tránh khỏi **những** thiếu sót và hạn chế.

Chúng tôi mong nhận được sự **chia sẻ kinh nghiệm và đóng góp ý kiến** của các nhà nghiên cứu, các thầy, cô giáo giảng dạy môn lịch sử và bạn đọc để **tiếp thu, sửa đổi, bổ sung** cho tài liệu **này** ngày càng **đầy đủ và** hoàn thiện hơn./.

**BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN**

### BẢNG GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Một số từ trong tài liệu	Giải thích
Hàm hộ	Hộ gia đình sản xuất nước mắm.
Diêm dân	Người làm muối.
Hội đồng Kinh tế Tài chính Đông Dương (1928 - 1954)	Là cơ quan tư vấn cho Toàn quyền Đông Dương về tất cả các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế tài chính, có quyền quyết nghị về những vấn đề thuế khóa sau khi được Toàn quyền Đông Dương chuẩn y.
Hội ái hữu	Hình thức tổ chức thấp nhất của những người có quan hệ nghề nghiệp để giúp đỡ và bênh vực quyền lợi cho nhau.
Camp	Trại, doanh trại.
E.S.E.P.I.C	E'coles Superieure d'Education Physique de IndoChine (Trường Cao đẳng Thể dục Thể thao Đông Dương), nay là khu vực thuộc phường Đức Long, Phan Thiết.
Tập kích	Hình thức chiến thuật lợi dụng sơ hở của đối phương và các điều kiện có lợi khác, bất ngờ tiến công tiêu diệt, sát thương đối phương.
Vùng du kích - tranh chấp	Vùng lãnh thổ mà các bên tham chiến giành giạt nhau quyền kiểm soát để tăng thêm lợi thế cho mình (Tù điển Bách khoa quân sự Việt Nam, bản điện tử).
Muối trường kì, mì chiến lược	Nói lên sự gian khổ của đồng bào, chiến sĩ khi chỉ có khoai mì, muối làm lương thực trong suốt thời gian dài.
FULRO	Viết tắt từ <i>Front Unifié pour la Libération des Races Opprimées</i> (tiếng Pháp), FLULRO - Mặt trận thống nhất đấu tranh



	của các sắc tộc bị áp bức. Đây là tổ chức do một số người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên thành lập năm 1964 để chống lại chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Sau tháng 4-1975, được các thế lực thù địch, <b>phản động trong và ngoài nước</b> kích động, FULRO <b>đã có những</b> hoạt động chống phá <b>sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.</b>
Tôm post	Tôm post (còn gọi là tôm ấu trùng, tôm giống) <b>là tên gọi</b> dùng để chỉ những con tôm có kích cỡ nhỏ ở trong các trại giống.
Đường tỉnh (ĐT)	Đường nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện hoặc trung tâm hành chính của tỉnh lân cận. Đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
Đền	Công trình kiến trúc được xây dựng để thờ cúng một vị thánh hoặc những nhân vật lịch sử được tôn sùng như thần thánh. Ở Việt Nam, phổ biến nhất là các đền thờ được xây dựng để ghi nhớ công ơn của các anh hùng có công với đất nước hay công đức của một cá nhân với địa phương được dựng theo truyền thuyết dân gian.
Tiền hiền, hậu hiền	<i>Tiền hiền</i> : là những người có công tập hợp nhân dân lập làng, lập ấp; <i>hậu hiền</i> : là những người có công xây dựng các công trình có tính chất làm nền móng cho làng, ấp, xã như: đình, chùa, lăng, miếu; giúp nhân dân mở mang ruộng đất canh tác và lập làng mới trên cơ sở làng cũ khi làng cũ vì lý do nào đó bị li tán.
<b>Võ ca</b>	Gian trước của các đình, vạ... là nơi dành để làm lễ, hát tuồng nhân mỗi dịp lễ hội.

## Chủ đề 1

# KHÁI QUÁT VỀ VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, DÂN CƯ VÀ QUÁ TRÌNH THAY ĐỔI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TRÊN VÙNG ĐẤT BÌNH THUẬN

## 1. Vị trí địa lí

Xét về khí hậu và văn hóa vùng miền, tỉnh Bình Thuận được xếp vào vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (hoặc Duyên hải Cực Nam Trung Bộ).



An Nam Đại Quốc họa đồ 1838  
(Khu vực tỉnh Bình Thuận xưa)

Theo phân chia khu vực kinh tế, Bình Thuận thuộc vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ.

Phía Đông Bắc và Bắc giáp tỉnh Ninh Thuận; phía Bắc và Tây Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng; phía Tây giáp tỉnh Đồng Nai; phía Tây Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; phía Đông và Đông Nam giáp Biển Đông.

Diện tích tự nhiên 7.813 km<sup>2</sup>.

## 2. Điều kiện tự nhiên

Địa hình được chia thành 3 vùng: rừng núi

(phía Tây), đồng bằng, bờ biển và thềm lục địa (phía Đông).

Thành phố Phan Thiết là trung tâm của tỉnh Bình Thuận, cách Thủ đô Hà Nội 1.532 km về phía Bắc và cách Thành phố Hồ Chí Minh 198 km về phía Nam.

Chiều dài đường bờ biển 192 km từ mũi Đá Chẹt (xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong) đến bãi bồi Bình Châu (xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân).

Với diện tích vùng biển 52.000 km<sup>2</sup>, Bình Thuận là một trong ba ngư trường lớn của Việt Nam (sau Kiên Giang, Cà Mau). Có 4 vịnh là: Cà Ná - Vĩnh Hảo, La Gàn, Phan Thiết và La Gi; 5 mũi đá nhô ra biển: La Gàn, Duồng, Mũi Nhỏ, Mũi Né, Kê Gà; 4 hòn đảo nhỏ là Cù Lao Câu, Hòn Nghè, Hòn Lao, Hòn Bà và cách đất liền 57 hải lí có huyện đảo Phú Quý (Cù Lao Thu).

Bình Thuận có 3 cảng biển lớn: cảng Phan Thiết (tiếp nhận tàu có tải trọng 2.000 tấn), cảng Phú Quý (tiếp nhận tàu có tải trọng 1000 tấn) và Vĩnh Tân (tiếp nhận tàu có tải trọng 3.000 tấn trở lên).

Trên địa bàn tỉnh có 7 con sông:

Sông Lòng Sông dài 50 km bắt nguồn từ cao nguyên Di Linh (tỉnh Lâm Đồng) chảy ra cửa biển Liên Hương (huyện Tuy Phong).

Sông Lũy dài 98 km bắt nguồn từ cao nguyên Di Linh (tỉnh Lâm Đồng), chảy qua huyện Bắc Bình, ra cửa biển Phan Rí Cửa (huyện Tuy Phong).

Sông Quao (sông Cái) dài 71 km, bắt nguồn từ cao nguyên Di Linh (tỉnh Lâm Đồng), chảy qua huyện Hàm Thuận Bắc gọi là sông Cái, đoạn cuối khi đổ ra cửa biển Phú Hải (thành phố Phan Thiết) gọi là sông Phú Hải.

Sông Mường Mán dài 56 km bắt nguồn từ núi Ông (Tây Bắc huyện Hàm Thuận Nam), chảy qua huyện Hàm Thuận Nam, Hàm Thuận Bắc gọi là sông Mường Mán, đoạn cuối khi đổ ra cửa biển Cồn Chà (chảy qua thành phố Phan Thiết) gọi là sông Cà Ty.

Sông Phan dài 58 km bắt nguồn từ núi Ông (phía Nam huyện Tánh Linh) chảy qua Hàm Thuận Nam, Hàm Tân ra cửa biển Tân Hải (thị xã La Gi).

Sông Dinh dài 58 km chảy từ núi Ông (phía Nam huyện Tánh Linh) về Hàm Tân ra cửa biển La Gi.

Sông La Ngà dài 272 km bắt nguồn từ cao nguyên Di Linh (tỉnh Lâm Đồng) chảy qua 3 huyện Hàm Thuận Bắc, Tánh Linh, Đức Linh rồi đổ ra sông Đồng Nai.

### **3. Dân cư**

Tính đến ngày 31-12-2019, tỉnh Bình Thuận có 1.239.200 người; đứng thứ 4/9 tỉnh, thành khu vực Đông Nam Bộ (sau Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Lâm Đồng); đứng thứ 28/63 tỉnh, thành cả nước. Mật độ dân số 150 người/km<sup>2</sup>.

Tỉnh Bình Thuận có 34 dân tộc sinh sống, đông nhất là dân tộc Kinh, tiếp đến là các dân tộc Chăm, **Raglai**, Hoa, Cơ ho, Tày, Chơ ro, Nùng, Mường... Các dân tộc ít người chiếm tỉ lệ trên 7% dân số toàn tỉnh (hơn 86.000 người); trong đó, có 11 xã thuần đồng bào dân tộc ít người vùng cao; 4 xã thuần dân tộc Chăm; 2 xã thuần dân tộc Tày, Nùng, Hoa và 32 thôn xen ghép.

### **4. Khái quát quá trình thay đổi đơn vị hành chính**

Trải qua quá trình hình thành và phát triển từ năm 1693 cho đến nay, đơn vị hành chính của tỉnh Bình Thuận có nhiều thay đổi; cụ thể như sau:

<b>Thời gian</b>	<b>Thay đổi, thành lập đơn vị hành chính</b>
Năm 1693	Thành lập Trấn Thuận Thành.
Năm 1697	Trấn Thuận Thành đổi thành Phủ Bình Thuận. Tên gọi Bình Thuận chính thức xuất hiện từ đây. Có 2 huyện (Yên Phúc/An Phước và Hòa Đa) và 4 đạo (Phan Rang, Phan Thiết, Ma Ly và Phố Hải).
Năm 1832	Tỉnh Bình Thuận có 2 phủ (Ninh Thuận và Hàm Thuận) và 4 huyện (An Phước, Tuy Phong, Hòa Đa, Tuy Định - năm 1854 đổi tên thành Tuy Lý).
Năm 1898	Tỉnh lỵ Bình Thuận được dời từ Hòa Đa (Phan Rí Thành) về Phan Thiết. Ngày 20-10-1898, Vua Thành Thái ra đạo dụ xác lập thị xã Phan Thiết, tỉnh lỵ của Bình Thuận.
Năm 1916	Có 4 huyện (Tuy Phong, Phan Lý Chàm, Hàm Tân, Tánh Linh), 2 phủ (Hòa Đa, Hàm Thuận) và thị xã Phan Thiết.
Năm 1945	Có 6 huyện (Tuy Phong, Phan Lý Chàm, Hàm Tân, Tánh Linh, Hòa Đa, Hàm Thuận) và thị xã Phan Thiết.
Tháng 4-1951	Sáp nhập 3 huyện: Tuy Phong, Hòa Đa và Phan Lý Chàm thành huyện Bắc Bình và 2 năm sau, Phan Lý Chàm lại được tách ra.
Năm 1952	Cắt một phần đất của huyện Hòa Đa và huyện Hàm Thuận để thành lập Khu căn cứ Lê Hồng Phong; huyện Di Linh (tỉnh Lâm Đồng) được giao cho tỉnh Bình Thuận trực tiếp chỉ đạo.
Tháng 7-1954	Bình Thuận có thị xã Phan Thiết và các huyện: Bắc Bình, Phan Lý Chàm, Di Linh, Hàm Thuận, Hàm Tân, Tánh Linh và Khu căn cứ Lê Hồng Phong.
Năm 1962	Chia huyện Tánh Linh thành 2 huyện: Tánh Linh và Hoài Đức theo địa giới hành chính của chính quyền Sài Gòn; giao huyện Di Linh về lại tỉnh Lâm Đồng. Thành lập huyện Thuận Phong là phần đất thuộc quận Hải Long của Chính quyền Việt Nam Cộng hòa (tương đương một phần đất phía Đông Nam huyện Hàm Thuận Bắc và phía Đông Bắc thành phố Phan Thiết hiện nay).
Năm 1966	Giải thể và sáp nhập Khu căn cứ Lê Hồng Phong vào huyện Thuận Phong, Hòa Đa.

Tháng 4-1967	Khu 6 thành lập tỉnh Bắc Bình, gồm: Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý Chàm và K67. Tỉnh Bình Thuận còn lại các huyện: Thuận Phong, Hàm Thuận, Hàm Tân, Tánh Linh, Hoài Đức và thị xã Phan Thiết.
Tháng 8-1968	Giải thể tỉnh Bắc Bình, sáp nhập vào lại tỉnh Bình Thuận, K67 giao về tỉnh Tuyên Đức (tỉnh Lâm Đồng). Khu 6 thành lập tỉnh Bình Tuy, gồm: thị trấn La Gi, huyện Hoài Đức, Tánh Linh, Hàm Tân (theo địa giới hành chính Việt Nam Cộng hòa) <sup>(1)</sup> .
Năm 1970	Huyện Tánh Linh chia thành Nam Thành và Nam Thắng.
Năm 1974	Tách huyện Hàm Tân thành 2 huyện Hàm Tân và Nghĩa Lộ.
Tháng 4-1975	Tỉnh Bình Thuận gồm có: thị xã Phan Thiết, các huyện Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý Chàm, Hàm Thuận, Thuận Phong. Tỉnh Bình Tuy gồm có: thị trấn La Gi, các huyện Hàm Tân, Nam Thắng, Nam Thành (Tánh Linh), Hoài Đức, Nghĩa Lộ.
Tháng 6-1975	Thành lập huyện Hải Ninh. Sáp nhập Nam Thắng, Nam Thành, (Tánh Linh), Hoài Đức thành huyện Đức Linh.
Tháng 9-1975	Thành lập tỉnh Thuận Lâm, gồm 4 tỉnh: Bình Thuận, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Tuyên Đức. Tỉnh Bình Tuy sáp nhập cùng một số địa phương ở Đông Nam Bộ thành lập tỉnh Đồng Nai.
Tháng 10-1975	Sáp nhập huyện Thuận Phong vào huyện Hàm Thuận.
Tháng 11-1975	Sáp nhập các huyện: Nghĩa Lộ, La Gi vào huyện Hàm Tân.
Tháng 12-1975	Chia Thuận Lâm thành 2 tỉnh: Lâm Đồng và Thuận Hải (gồm Ninh Thuận, Bình Thuận và Bình Tuy tách ra từ Đồng Nai).
Tháng 1-1976	Sáp nhập huyện Hải Ninh, Hòa Đa, Phan Lý Chàm và Tuy Phong thành huyện Bắc Bình.

<sup>(1)</sup> Chính quyền Việt Nam Cộng hòa thành lập tỉnh Bình Tuy (tháng 6-1957) gồm 3 quận: Hàm Tân, Tánh Linh và Bình Lâm (Bình Lâm sau đó giải thể, thành lập quận Hoài Đức, tức Đức Linh hiện nay). Đồng thời, thành lập các đơn vị hành chính mới thuộc tỉnh Bình Thuận như: Hải Ninh, Hải Long, Thiện Giáo.

Năm 1976	Tỉnh Thuận Hải, gồm: thị xã Phan Thiết, huyện An Sơn, Ninh Hải, Bắc Bình, Hàm Thuận, Hàm Tân, Đức Linh.
Tháng 12-1977	Thành lập huyện đảo Phú Quý thuộc tỉnh Thuận Hải, gồm 3 xã: Tam Thanh, Ngũ Phụng, Long Hải. Trước năm 1975, Phú Quý thuộc huyện Tuy Phong. Sau năm 1975, Phú Quý thuộc huyện Hàm Thuận, tỉnh Thuận Hải cho đến năm 1977.
Tháng 4-1983	Đơn vị hành chính tỉnh Thuận Hải, gồm 2 thị xã: Phan Rang - Tháp Chàm, Phan Thiết và các huyện: Ninh Phước, Ninh Sơn, Ninh Hải, Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân, Tánh Linh, Đức Linh và Phú Quý.
Tháng 12-1991	Ngày 26-12-1991, tại kì họp thứ 10 (khóa VIII), Quốc hội ban hành Nghị quyết chia tỉnh Thuận Hải thành 2 tỉnh: Bình Thuận và Ninh Thuận. Tỉnh Bình Thuận có 9 đơn vị hành chính, gồm: thị xã Phan Thiết và các huyện: Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân, Tánh Linh, Đức Linh và Phú Quý.
Năm 1999	Thị xã Phan Thiết được nâng cấp lên thành phố trực thuộc tỉnh.
Năm 2005	Thành lập thị xã La Gi từ một phần đất của huyện Hàm Tân
Năm 2010	Tỉnh Bình Thuận gồm 10 huyện, thị xã, thành phố; 127 xã, phường, thị trấn trực thuộc.
Năm 2020	Tỉnh Bình Thuận gồm: 10 huyện, thị xã, thành phố; 124 xã, phường, thị trấn trực thuộc.

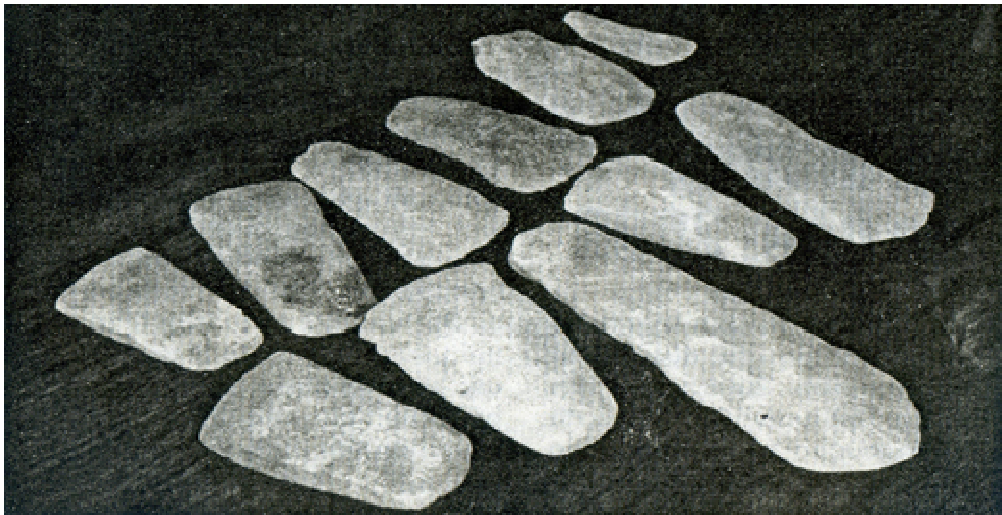


**Chủ đề 2****VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI BÌNH THUẬN THỜI CỔ ĐẠI**

Qua các cuộc khảo cổ tiến hành trên vùng đất Bình Thuận từ trước đến nay tại một số địa danh như: Lầu Ông Hoàng, Động Bà Hòe, Đa Kai, Hàm Mỹ, Đức Bình, Phú Quý, Phú Trường... đã chứng tỏ cách đây 2.500 - 3.000 năm, vùng đất Bình Thuận đã có người nguyên thủy sinh sống. Đặc biệt, tại di chỉ Lầu Ông Hoàng (Phan Thiết), Đức Bình (Tánh Linh), các nhà khảo cổ đã tìm thấy những rìu đồ đá mới<sup>(2)</sup> thuộc thời đại đồ đá mới, những mộ vò<sup>(3)</sup> bằng gốm thô, rất gần với nền văn hóa cổ Sa Huỳnh ở miền Trung của Việt Nam.



Rìu đồ đá mới và mảnh gốm ở di chỉ khảo cổ Lầu Ông Hoàng cách đây 2.500 - 3.000 năm.



Rìu đá ở di chỉ Đức Bình có niên đại khoảng từ 2.000 - 3.000 năm.

<sup>(2)</sup> Rìu là vật dụng đã được sử dụng hàng nghìn năm, dùng để chặt cây lấy gỗ hoặc làm vũ khí. Những chiếc rìu đầu tiên được làm từ đá, về sau thì được làm bằng đồng, sắt, thép...

<sup>(3)</sup> Là phương thức mai táng được người xưa kê những tảng đá lớn xung quanh đáy và có những nôi gốm nhỏ úp ngược làm nắp đậy. Trong mộ vò, người chết được chôn theo tư thế ngồi bó gối cùng với đồ tùy táng, gồm: đồ dùng sinh hoạt, công cụ sản xuất, vũ khí và đồ trang sức... trong đó phổ biến là đồ gốm.

Những hiện vật gốm và các mộ chum<sup>(4)</sup> còn được tìm thấy ở Hàm Mỹ (huyện Hàm Thuận Nam); ngoài ra, đã tìm thấy 8 thanh đàn đá có niên đại khoảng từ 2.500 - 3.000 năm. Đây là bộ đàn đá đẹp nhất được tìm thấy trong nước. Người xưa quan niệm âm thanh của đàn đá như một phương tiện để nối liền cõi âm với cõi dương, giữa con người với trời đất thần linh, giữa hiện tại với quá khứ. Đây thật sự là bộ nhạc cụ quý hiếm của thời tiền sử và là một thành tựu kỹ thuật đáng tự hào của cư dân Bình Thuận thời nguyên thủy.



Đàn đá ở di chỉ Hàm Mỹ có niên đại 2.500 – 3.000 năm.

Tuy là một hòn đảo nằm biệt lập giữa trùng dương nhưng dấu tích phát hiện được ở Cù Lao Thu (huyện Phú Quý) cho thấy trước khi có con người đến từ đất liền, ở đây đã có người cổ đại sinh sống bằng nghề hái lượm và bắt cá ven biển. Người ta đã tìm thấy những mộ vò lớn, trong mộ có chôn theo một số công cụ lao động như: rìu, bôn<sup>(5)</sup> và cả những chiếc vòng đeo tay bằng đá với kỹ thuật chế tác rất tinh xảo.

Từ năm 2010, các nhà khảo cổ đã phát hiện, khai quật di chỉ khảo cổ Phú Trường (thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc), hé mở toàn cảnh bức tranh xã hội cổ đại Bình Thuận. Phú Trường là một di tích thuộc văn hóa Sa Huỳnh, niên đại khoảng thế kỉ IV - I TCN. Di tích này là một khu cư trú và một khu mộ táng của cư dân Sa Huỳnh. Những bằng chứng vật chất cho thấy người cổ Phú Trường là những cư dân nông nghiệp và thủ công nghiệp (làm gốm, dệt vải, luyện kim).

<sup>(4)</sup> Mộ chum/vò: là hình thức dùng những chum/vò bằng gốm đất nung để chôn nguyên thi thể người chết (hung táng), than tro hỏa táng hay cải táng di cốt. Cũng có thể trong chum/vò chỉ có đồ tùy táng mà không có di cốt hay than tro (mộ tượng trưng).

<sup>(5)</sup> Bôn: hình thức tương tự như cái rìu của thợ mộc dùng để đẽo gỗ.

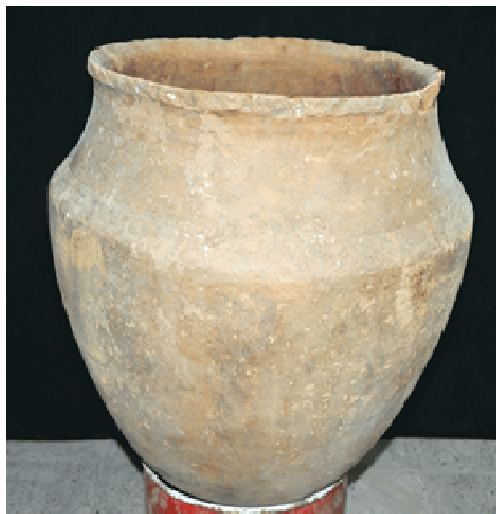




Dao hái tại di chỉ Phú Trường (thế kỉ IV - I TCN).



Mũi giáo tại di chỉ Phú Trường (thế kỉ IV - I TCN).



Mộ vò tại di chỉ Phú Trường (thế kỉ IV - I TCN)

Chủ nhân đầu tiên của vùng đất Bình Thuận là các thị tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Mã Lai - Đa Đảo (Malayo - Polynesian), thuộc nhóm chủng tộc Mongoloid phương Nam. Nhóm cư dân này ban đầu sống dọc theo ven biển miền Trung của Việt Nam và cả Nam Bộ. Tuy nhiên, sự giao thoa với các tộc người thuộc nhóm Môn Khơ me (như Cơ ho, Châu ro...) rất sớm, góp phần hình thành xã hội cổ đại trên đất Bình Thuận.

Từ khoảng giữa thiên niên kỉ I TCN, cư dân cổ ở Bình Thuận là bộ lạc Cau đã bắt đầu biết sử dụng đồ sắt, hình thành nền văn hóa “nông nghiệp ven biển” (Hamu-Li-Thít tên gọi gốc của địa danh Phan Thiết, theo tiếng Chăm có nghĩa là Ruộng biển). Họ cũng chính là chủ nhân của một tiểu quốc mà sau này các sử gia gọi là Panduranga. Đến thế kỉ IV, Panduranga sáp nhập vào quốc gia Lâm Ấp. Đến năm 875 tên quốc gia chính thức được gọi là Champa và tên dân tộc được gọi là dân tộc Chăm.

**Chủ đề 3****VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI BÌNH THUẬN THỜI TRUNG ĐẠI****1. Chính trị - xã hội**

Từ sau thế kỉ II, sự phân chia giai cấp trong xã hội Chăm ngày càng sâu sắc. Tầng lớp quý tộc Bàlamôn giáo là đẳng cấp cao nhất, do nhà vua đứng đầu. Nô lệ là tài sản riêng của tầng lớp quý tộc cao cấp, chủ yếu là để phục vụ trong các dinh thự, các gia đình tầng lớp trên.

Năm 1470, Nhà Lê cho quân đánh đến kinh thành Vijaya (Trà Bàn - Quy Nhơn), Chăm pa suy yếu lần lượt bị sáp nhập vào Đại Việt. Năm 1558, khi Nguyễn Hoàng vào Huế lập chính quyền riêng ở Đàng Trong, quý tộc Chăm nhận sắc phong vương của các Chúa Nguyễn và được giao quyền tự trị khá cao.

Từ năm 1693 vua Chăm là Pô Thót (Bà Tranh) khởi binh chống lại chúa Nguyễn không thành công, vùng đất cuối cùng của vương quốc Chăm pa này được đặt làm Thuận Thành trấn. Tuy nhiên, chúa Nguyễn vẫn chọn người trong hoàng tộc Chăm phong làm Thuận Thành vương. Các Thuận Thành vương chỉ “trị vì”<sup>(6)</sup> còn chính quyền thì nằm trong tay các quan lại do chúa Nguyễn cử đến. Một bộ phận người Kinh đã định cư lâu dài và kết hôn với người Chăm địa phương. Con cháu của họ được gọi là người thổ Kinh Cựu và phải sống ở làng riêng như: làng Xuân Hội, Xuân Quang, Tân Mục, Tuân Giáo... (nay thuộc huyện Bắc Bình).

Vào thế kỉ XVII, một bộ phận người Hoa sau khi chống nhà Thanh (Trung Quốc) thất bại đã xuống thuyền vượt biển tiến về phương Nam, trong số đó nhiều thuyền đã dừng chân, xin chúa Nguyễn cho định cư ở vùng đất Bình Thuận.

Năm 1771, phong trào Tây Sơn bùng nổ. Cuộc khởi nghĩa này đã lật đổ chúa Nguyễn, cháu của chúa Nguyễn là Nguyễn Ánh chạy trốn vào Nam Bộ. Trong suốt 20 năm (1778 - 1798), do vị trí giáp ranh cuối miền Trung đầu miền Nam, Bình Thuận là nơi tranh chấp giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh.

Dưới Triều Nguyễn, tỉnh thành Bình Thuận được xây dựng tại Phan Rí, phủ thành Hàm Thuận tại Phan Thiết và phủ thành Ninh Thuận tại Phan Rang. Ở Phan Thiết, Phan Rí, Phan Rang xây dựng trường học dạy chữ Nho, truyền bá Nho giáo; tại phủ Hòa Đa (nay là huyện Bắc Bình) xây Đền Tiên Nông<sup>(7)</sup> ở thôn Đông An để

<sup>(6)</sup> Đứng đầu về mặt tinh thần.

<sup>(7)</sup> Đền Tiên Nông: là nơi diễn ra nghi lễ chính trong Lễ Tịch điền, là lễ nhà vua đích thân cày ruộng với mục đích cầu khẩn cho nông nghiệp phát triển.

cày tịch điền và thực hiện các nghi lễ về nông nghiệp; xây Văn Miếu ở thôn Bình Thủy để thờ Khổng Tử, đắp Đền Xã Tắc<sup>(8)</sup> ở thôn Thủy Tú để tế trời đất.

## 2. Vài nét về đời sống kinh tế - vật chất

Ngay từ đầu công nguyên, đốt rừng làm rẫy, chăn nuôi gia súc, gia cầm, săn bắn hái lượm, đánh cá là hoạt động thường xuyên của cư dân sinh sống trên vùng đất Bình Thuận xưa. Khi công cụ bằng sắt được sử dụng nhiều, rẫy được phát bằng chà gạc<sup>(9)</sup>, rựa hoặc rìu. Cư dân còn sử dụng một đoạn gỗ ngắn, nhọn đầu để tria giống, làm cỏ rẫy và thu hoạch lúa bằng tay. Những nơi ven sông có truyền thống nông nghiệp ruộng nước, đắp đập ngăn sông làm thủy lợi. Tuy nhiên, đối với một vùng đất khô nóng như Bình Thuận thì việc có nước là quan trọng hàng đầu để phát triển nông nghiệp. Nghi lễ cầu mưa được tiến hành từ rất sớm (lễ Nija Nugar) cùng với việc tìm mạch nước, nguồn nước, đã nảy sinh ra kỹ thuật lấy nước, giữ nước để tưới cho những cánh đồng. Chăn nuôi theo đàn là chủ yếu, để lấy thịt, lấy sữa. Dê là loài vật nuôi được ưa chuộng hơn cả và thường được dùng giết thịt trong các buổi tế lễ. Trâu, bò nuôi để cày ruộng hoặc kéo xe.

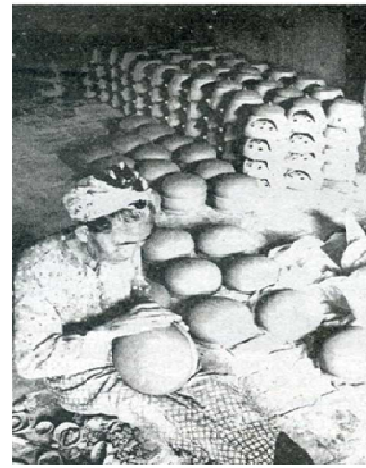
Khi chính quyền của các chúa Nguyễn, vua Nguyễn được thiết lập thì nhiều chính sách nhằm phát triển nông nghiệp cũng được đưa ra nhất là công tác thủy lợi như: “Đập Đồng Mới ở thôn Mã Lăng (thị trấn Lương Sơn - Bắc Bình) do người Chăm xây, đến năm Tự Đức thứ 19 thì sửa lại do sụp lở”<sup>(10)</sup>.

Trong các cộng đồng dân cư ở Bình Thuận thì người Chăm có nghề dệt từ rất lâu đời. Di chỉ khảo cổ Phú Trường cho thấy việc se sợi để dệt vải đã phổ biến và có kỹ thuật tinh xảo. Ngoài dệt, làm gốm cũng là một nghề thủ công khá phát triển. Ban đầu làm gốm chỉ để đảm bảo cho những nhu cầu thiết yếu và đơn giản nhất như làm nồi, bát, đĩa, lu đựng nước.... Sau đó, nhờ trao đổi buôn bán khá thuận tiện nên những đồ gốm từ miền Bắc Việt Nam, từ Trung Quốc cổ đại du nhập vào Bình Thuận.

<sup>(8)</sup> Đền Xã Tắc: là một trong các loại đền tế cổ, được các vị Vua cho lập để tế Xã thần (Thần Đất) và Tắc thần (tức Thần Nông) - hai vị thần của nền văn minh lúa nước.

<sup>(9)</sup> Chà gạc: là dao rừng cán cong, phổ biến trong các dân tộc vùng Tây Nguyên và miền núi Đông Nam Bộ. Lưỡi dao ngắn cắt chéo như mỏ chim. Chuôi dao cắm vào một đoạn tre già. Là công cụ làm rẫy, làm nhà, làm đồ dùng gia đình, dùng trong bếp núc, dùng để tạo ra những đồ mộc có giá trị nghệ thuật, làm vũ khí khi đi săn, chiến đấu. Người tù trưởng, thủ lĩnh quân sự xưa dùng cây chà gạc có ngành biểu thị quyền uy của cộng đồng mình. Là vật sở hữu cá nhân và hầu như là vật bất li thân, kể cả sau khi chết.

<sup>(10)</sup> Đại Nam Nhất thống chí - Quốc sử Quán triều Nguyễn.



Dệt vải và làm gôm của dân tộc Chăm còn được gìn giữ cho đến ngày nay.

Từ khi hình thành vương quốc Chăm cổ đại thì một số ngành thủ công đặc biệt phát triển. Trước hết là chế tạo đồ đựng, đồ trang sức và vũ khí bằng kim loại. Hiện nay, Hoàng tộc Chăm còn lưu giữ được một số vật dụng như: vương miện bằng vàng của vua và hoàng hậu, một bộ đao kiếm và nhiều đồ trang sức chạm trổ điêu khắc công phu.



Vương miện vua Chăm

Những ngôi tháp Chăm và các đình chùa, đền quán của người Kinh, người Hoa còn tồn tại đến ngày nay là minh chứng cho một thời ở Bình Thuận phát triển nghề làm gạch phục vụ xây dựng, điêu khắc trên đá và trên gỗ. Những ngôi tháp hình núi - nơi ngự trị của các vị thần Bàlamôn giáo, nhìn chung là xây bằng gạch, chỉ có một ít chỗ có sử dụng đá, do chịu ảnh hưởng của kiến trúc Khome. Đá còn dùng làm bệ thờ trong tháp, tượng và ngẫu tượng Linga - Yoni như ngày nay chúng ta vẫn thấy. Khi người Kinh xây đình chùa, người Hoa xây đền quán thì những kỹ thuật và kinh nghiệm xây dựng mới được du nhập.



Tháp Chăm Po Sah Inur (Phan Thiết)

Trước thế kỉ X, quan hệ trao đổi của cư dân bản địa với nước ngoài chưa nhiều, nhất là bằng đường biển, do điều kiện kĩ thuật bấy giờ bị hạn chế. Quan hệ trao đổi với các thuyền bè nước ngoài chỉ trong phạm vi cung cấp cho họ nước uống, thực phẩm và bán lâm sản, nhất là gỗ trầm, để đổi lấy những thứ ưa thích hoặc cần dùng như gấm vóc, vàng bạc, đá quý... Từ thế kỉ X trở đi, số lượng hàng hóa được trao đổi buôn bán bằng đường biển nhiều hơn. Phan Rí, Phan Thiết dần dần mang dáng dấp của một đô thị. “Còn như thuyền chài cá, thuyền buôn bán qua lại tấp nập, cư dân trù mật, phố xá liền nhau, thì Phan Thiết cũng là một nơi đô hội nhỏ, mà Phan Rí là thứ hai”<sup>(11)</sup>.



Nhà cổ truyền dân tộc Chăm (Nguồn: Bảo tàng dân tộc học)

Thuở ban đầu, đời sống vật chất của cư dân cổ ở Bình Thuận rất giản dị. Nhà ở đều là nhà sàn, cửa quay về hướng đông, chất liệu bằng gỗ, tre, lá (lá buông, lá dừa). Sau này, bộ phận ở đồng bằng chuyển sang ở

nhà đất cốt tre, lợp tranh hoặc lá dừa, dùng gỗ làm hàng rào. Khi kĩ thuật đóng gạch phát triển, nhà được xây bằng gạch, các đình chùa cũng vậy. Lá dừa và tranh cũng được người Kinh dùng để lợp nhà, tùy công trình có thể dùng ngói để lợp.

Do kinh tế nông nghiệp gắn liền với biển là chủ đạo nên các món ăn cũng chủ yếu là những sản phẩm trồng được, nuôi được, đánh bắt được...Gạo tẻ được ưa chuộng hơn gạo nếp. Lúa mẹ trồng trên rẫy, hạt to, năng suất thấp thường dùng để ủ với loại lá rừng tự nhiên thành rượu cần. Đây là một thức uống không thể thiếu trong các lễ hội. Bánh làm bằng nếp (bánh tét) hay làm bằng trứng gà (bánh gừng) thường chỉ được làm vào dịp lễ tết, cúng thờ. Người Chăm Bàlamôn kiêng ăn thịt bò, Người Chăm Bàni kiêng ăn thịt heo và con dông<sup>12</sup>. Người Chăm xưa kia đã biết dẫn nước biển vào ruộng để làm muối và dùng cá tươi làm nước mắm để sử dụng trong các bữa ăn hoặc trao đổi buôn bán, kể cả với các nước trong khu vực.

Cách ăn mặc của các tộc người cũng đơn giản. Người Kinh, người Hoa thì mặc những kiểu trang phục đem từ vùng đất quê cũ vào, theo thời gian cũng được

<sup>(11)</sup> Đại Nam Nhất thống chí - Quốc sử Quán triều Nguyễn.

<sup>(12)</sup> Một loài bò sát sống ở các động cát.



cải tiến pha trộn cho phù hợp hơn. Người Raglai<sup>(13)</sup>, Cơ ho, Chơ ro nam đóng khố, nữ quần tằm dệt. Còn người Chăm, đàn ông quần xà rông, mặc áo cánh ngắn cài khuy phía trước, áo xẻ ngực; phụ nữ quần váy tằm và mặc áo dài chui đầu.



Thiếu nữ Chăm trong trang phục lễ hội.



Người đàn ông dân tộc Raglai.



Cụ ông dân tộc Kinh.



Thiếu nữ người Hoa trong Lễ hội Nghinh ông.

### 3. Vài nét về đời sống văn hóa - tinh thần

Bình Thuận là một vùng đất đầy nắng và gió; thiên nhiên có phần khắc nghiệt; ven biển có những động cát dài mênh mông như sa mạc. Để tồn tại, con người luôn cầu mong mưa thuận, gió hòa và sinh sôi nảy nở cho người, vật nuôi,

<sup>(13)</sup> Trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, dân tộc Raglai thường được bà con tự khai trong các văn bản hành chính là dân tộc Rắc-lây, Rai, Ra-glay hoặc Roglai.

cây trồng. Chính vì thế tín ngưỡng phồn thực thờ cúng Linga - Yoni là một nghi lễ không thể thiếu liên quan đến nông nghiệp. Cùng với tín ngưỡng đa thần vạn vật hữu linh - thờ cúng Giàng thì việc thờ cúng Pô Inur Nagar (nữ thần mẹ xứ sở của người Chăm) đã có từ những ngày đầu sơ khai trên đất Bình Thuận và là một tín ngưỡng bản địa trước khi các tôn giáo khác du nhập vào.



Po Adhia (Su Cà) là chức sắc cao nhất trong cộng đồng Chăm Balamôn.



Linga - Yoni thế kỷ IX (di chỉ khảo cổ Mương Mán).

Từ sau thế kỉ II, Phật giáo, Balamôn giáo và chữ Phạn của Ấn Độ đã du nhập vào Bình Thuận. Tầng lớp quý tộc và một bộ phận lớn dân chúng đã tiếp thu Balamôn giáo.

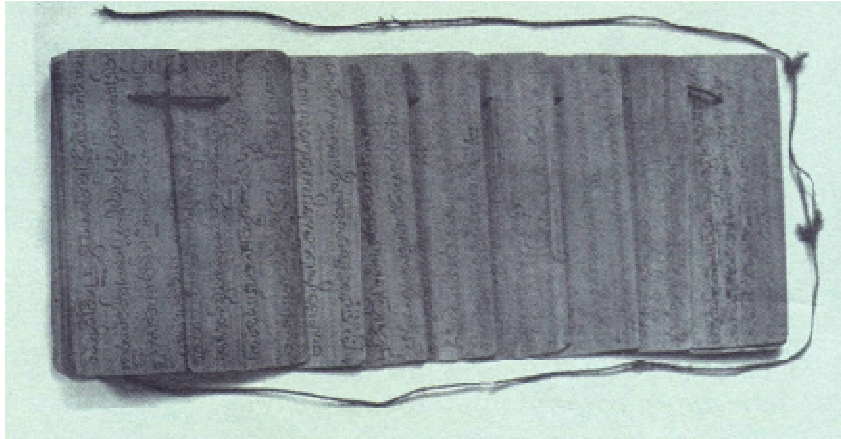
Thông qua con đường buôn bán giữa các nước Đông Nam Á, người Chăm đã tiếp nhận đạo Hồi, đến thế kỉ XVII được bản địa hóa hoàn toàn trở thành một tôn giáo đặc trưng chỉ thấy trong xã hội Chăm Bình Thuận (Hồi giáo Bani).



Tảo mộ trong Lễ Ramurwan của cộng đồng Chăm Hồi giáo Bani.



Từ chữ Phạn của Ấn Độ, người Chăm đã tiếp thu và sáng tạo ra chữ viết của riêng mình. Ngoài chữ viết được tìm thấy trong các bia kí thì người Chăm Bình Thuận còn lưu giữ được chữ viết trên lá buông rất độc đáo.



Chữ Chăm cổ viết trên lá buông (Viện Bảo tàng Chăm Bình Thuận).



Lễ hội Katê của dân tộc Chăm.

Lễ hội Katê được coi là Tết cổ truyền của cộng đồng người Chăm theo đạo Bàlamôn. Đến nay, Tết Katê gắn liền với dân tộc Chăm không phân biệt tôn giáo nào. Lễ hội này thường được tổ chức tại đền tháp và nghi lễ mở cửa tháp, tắm tượng là những nghi lễ quan trọng nhất.

Người Raglai xưa kia đã biết sử dụng kèn bầu, kèn môi, đàn ống tre khá phổ biến. Họ cũng là cư dân biết ghép những thanh đá lại thành đàn đá; cồng chiêng cũng được sử dụng phổ biến trong lễ hội, nhất là dịp Tết đầu lúa hàng năm.

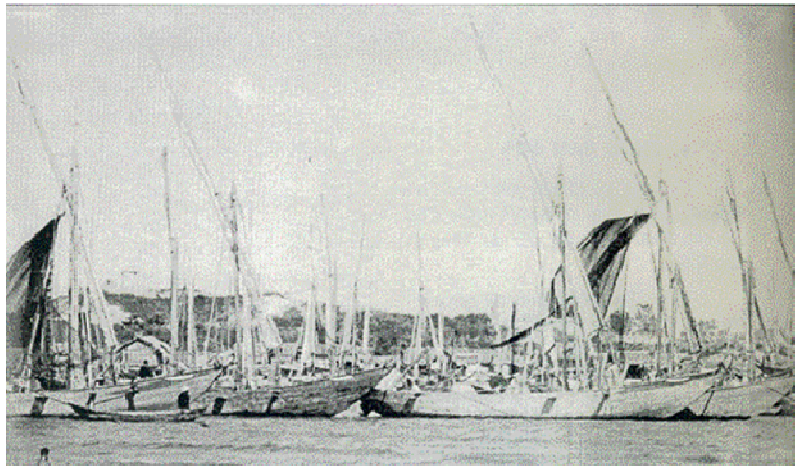
Người Raglai xưa kia đã biết sử dụng kèn bầu, kèn môi, đàn ống



(ảnh: Ngọc Lân)

Đánh cồng chiêng mừng lúa mới của dân tộc Cơ ho.

Từ năm 1697, khi Chúa Nguyễn thành lập phủ Bình Thuận, một số gia đình người Kinh từ Bắc Trung Bộ, Trung Bộ lần lượt lên thuyền vượt biển vào vùng đất mới. Các làng người Kinh đầu tiên thành lập là các làng chài ven biển, xây những đình, vạn để thờ thần Nam Hải (cá Voi), vị thần phù hộ về mặt tinh thần, ân nhân cứu mạng chở che cho người đi biển và làm ăn trên biển. Vạn Thủy Tú (ở Phan Thiết) được xây dựng sớm nhất, từ năm 1762 để thờ cá voi (được xưng tôn là cá Ông). Cứ mỗi lần lễ hội thì tổ chức nghi thức chèo Bả Trạo, một nghi lễ quan trọng mô tả cảnh biển cả và cầu xin thần Nam Hải sự an bình và làm ăn được khấm khá. Ngoài việc lập vạn, người Kinh còn xây dựng các đình làng để thờ Thành Hoàng. Tiêu biểu có Đình làng Xuân An (1794), Xuân Hội (1803), Đức Thắng (1811), Đức Nghĩa (đầu thế kỉ XIX). Chùa thờ Phật cũng được xây dựng từ những ngày đầu khi người Kinh vào định cư tại đất Bình Thuận như: chùa Phật Quang (Phan Thiết) xây đầu thế kỉ XVIII và hiện đang sở hữu bộ kinh khắc gỗ bằng chữ Nho được hoàn thành vào năm 1734 (đời vua Lê Thuần Tông), chùa Linh Quang Tự xây trên đảo Phú Quý vào năm 1747. Người Hoa lập hội quán và xây đền thờ, tiêu biểu có đền Thiên Hậu (ở Phan Rí Thành) xây năm 1725 thường gọi là Chùa Bà, đền Quan Thánh (Phan Thiết) xây năm 1770 thường gọi là Chùa Ông. Múa lân sư rồng là nét văn hóa đặc trưng của người Hoa, nhất là được tổ chức trong các dịp lễ hội. Đặc biệt là lễ hội Nghinh Ông của người Hoa ở Phan Thiết được duy trì thường xuyên. Nói chung, văn hóa Nho giáo đã theo chân người Kinh, người Hoa và được xác lập về cơ bản trên đất Bình Thuận từ thời trung đại.



Cửa biển Phú Hải (Phan Thiết) xưa



Cửa biển Cồn Chà (Phan Thiết) xưa

Tang ma, cưới hỏi của người Hoa cũng không khác nhiều so với người Kinh. Đối với người Kinh, người Hoa thì chế độ phụ quyền đã ăn sâu vào tiềm thức từ lâu đời. Khi qua đời, hầu hết đều chôn “thổ táng”, còn người Chăm Balamôn giữ phong tục “hỏa táng”. Người **Raglai, K’Ho** còn có tục bỏ mả, chia tài sản cho người chết và dựng nhà mồ. Về cưới hỏi, người **Raglai, K’Ho** giống như người Chăm theo chế độ mẫu quyền, nữ là người chủ động cưới, xin “bắt chồng” và con được tính theo dòng mẹ.

Các tộc người trên đất Bình Thuận đều có những nét văn hóa đặc sắc, tôn trọng văn hóa của nhau và cùng sống thuận hòa, trở thành truyền thống nổi bật được lưu truyền và giữ vững cho đến ngày nay.

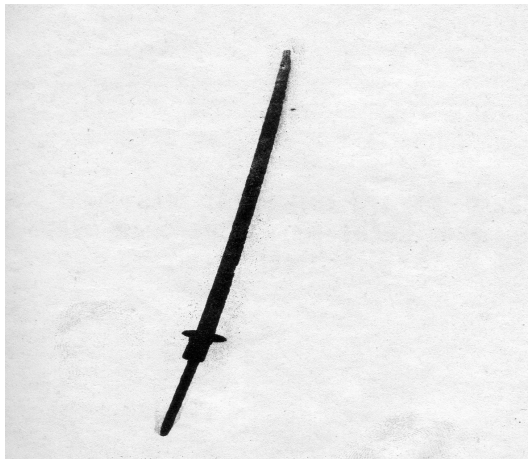
Lịch sử trung đại của vùng đất và con người Bình Thuận khép lại khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Một trang mới của lịch sử vùng đất và con người Bình Thuận được mở ra.

## BÌNH THUẬN TRONG THỜI CẬN ĐẠI ĐẾN NĂM 1930

### 1. Phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX

Sau khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, cùng với phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân cả nước, năm 1861, cụ Phan Trung, người làng Nam Trung (Hòa Đa, nay là huyện Bắc Bình) ra ở huyện Yên Phước (nay thuộc tỉnh Ninh Thuận), đả cử nhân dưới Triều Nguyễn, làm tri huyện Tân Thạnh, tỉnh Gia Định, chiêu mộ hơn 2000 nghĩa binh tập hợp cùng nghĩa quân Trương Định, nghĩa quân Nguyễn Thành Ý tổ chức đánh giặc. Năm 1864, cụ Phan Trung tập hợp nghĩa binh rút ra vùng rừng núi Bình Thuận lập căn cứ Giao Loan (thuộc phía Tây huyện Đức Linh hiện nay, giáp với huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai) chống giặc. Nhân dân tôn vinh cụ danh hiệu “*Bình Tây Phó nguyên soái*”. Trước tình hình đó, thực dân Pháp buộc Triều Nguyễn phải ngăn cản việc làm này nên triệu hồi cụ về kinh.

Từ năm 1867, sau khi thực dân Pháp chiếm đóng 6 tỉnh Nam Kỳ, trong phong trào “tị địa”<sup>(14)</sup> có nhiều sĩ phu và nhân dân yêu nước từ Nam Kỳ lánh ra Bình Thuận tìm cơ hội chống giặc. Trong số sĩ phu yêu nước ra Bình Thuận có cụ Nguyễn Thông đã gắn bó cuộc đời mình với vùng đất này.



Thanh kiếm của nghĩa quân Ung Chiếm  
(Nguồn: Phòng truyền thống  
huyện Hàm Thuận Bắc)

Ngày 25-8-1883, triều đình Huế và Pháp kí Hiệp ước Harmand, thừa nhận sự bảo hộ của nước Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, cắt tỉnh Bình Thuận vào Nam Kỳ thuộc Pháp để trừ khoản tiền “bồi thường chiến phí”<sup>(15)</sup>.

Từ năm 1885 đến năm 1886, hưởng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi, tại Bình Thuận các cụ Phùng Hàn, Phùng Tố, Phạm Đoan, Phạm Xăng, Nguyễn Văn Luận, Dương Hoàng Nghi, Cao Hành, Ung Chiếm... đã chiêu mộ nghĩa binh đánh Pháp

<sup>(14)</sup> Đền một vùng đất mới để lần tránh sự truy đuổi, bắt bớ của địch.

<sup>(15)</sup> Bồi thường chiến phí (bồi thường chiến tranh): đã trở thành quy tắc pháp luật quốc tế trong chiến tranh thời phong kiến; các nước thắng trận cho phép cướp bóc trắng trợn nước bại trận, biến các nước bại trận thành lãnh thổ lệ thuộc, nô dịch các nước lệ thuộc. Dưới chế độ tư bản bồi thường chiến tranh là khoản siêu lợi nhuận mà giai cấp tư sản nước thắng trận sử dụng để bóc lột thuộc địa.



và tay sai. Tuy các phong trào đều bị đàn áp và thất bại nhưng đã cho thấy tinh thần yêu nước của nhân dân vùng đất Bình Thuận không bao giờ lắng xuống.

## 2. Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX

Để chuẩn bị cho cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, năm 1887 thực dân Pháp đặt các cơ quan đại lí tại Bình Thuận, quản lí toàn bộ kinh tế - xã hội với các luật lệ khắt khe. Bình Thuận thuộc Trung Kỳ là “Xứ tự trị” nên triều đình nhà Nguyễn vẫn được Pháp duy trì. Một số trường học Pháp - Việt cũng được xây dựng để truyền bá tư tưởng văn hóa Pháp và đào tạo tay sai. Từ năm 1890, đã có một con đường cái quan nối liền Phan Thiết với Bà Rịa. Để phục vụ cho việc khai thác bóc lột, thực dân Pháp làm thêm đường thuộc địa số 1 (nay là Quốc lộ 1).

Thành Thái năm thứ 10 (1898), Phan Thiết chính thức trở thành đô thị theo tờ trình của Cơ mật viện ngày 26-10-1898 về việc thiết lập các đô thị miền Trung. Năm 1903, Pháp cho xây dựng nhà ga xe lửa Phan Thiết và đến 1910, Phan Thiết đã trở thành một đô thị khá sầm uất, các đường phố được đặt tên và các công sở được xây dựng theo kiến trúc của Pháp. Các xí nghiệp công nghiệp lần lượt ra đời như nhà máy điện, xưởng cơ khí sửa chữa, nhà máy xay xát, sở khai thác muối. Đến năm 1915, xí nghiệp nước khoáng Vĩnh Hảo (nay thuộc xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong) chính thức đi vào khai thác.

Những thay đổi về kinh tế đã tác động đến sự phân hóa xã hội tại Bình Thuận.



Ga xe lửa Phan Thiết năm 1903

Sự thất bại của phong trào Cần vương (1885 - 1886) đánh dấu sự chấm dứt thời kì đấu tranh giành độc lập dân tộc theo khuynh hướng phong kiến với khẩu hiệu “phò vua giúp nước”, tình hình Bình Thuận cũng như Nam Trung kì nói chung trở nên im ắng trong nhiều năm liền. Tuy vậy, tin tức hoạt động của các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản nảy sinh ở miền Bắc và miền Trung nước ta bắt đầu lan truyền vào Bình Thuận, ngày càng thu hút sự chú ý của dư luận, đặc biệt là tầng lớp tiểu tư sản, viên chức.

Cụ Trương Gia Mô, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp là những người đề xướng cuộc vận động Duy Tân (1906 - 1908)<sup>(16)</sup> đã có mặt tại Bình Thuận để tìm những người cùng chí hướng, bàn tính việc thành lập các công ti, hiệp hội nhằm chấn hưng công nghiệp bản xứ, tuyên truyền tư tưởng yêu nước, mở mang dân trí cho nhân dân. Từ năm 1906 đến năm 1908, Liên Thành thương quán (Công ty Liên Thành - là một tổ chức hoạt động cách mạng làm kinh tế gây quỹ hoạt động), Liên Thành thư xã (tuyên truyền và truyền bá các sách báo có nội dung yêu nước), Dục Thanh học hiệu (Trường Dục Thanh) lần lượt ra đời.

Năm 1907, “Dục Thanh học hiệu” (Trường Dục Thanh) được thành lập nhằm hưởng ứng cuộc vận động Duy Tân do cụ Phan Châu Trinh khởi xướng. Ngôi trường do hai người con trai của cụ Nguyễn Thông là Nguyễn Trọng Lợi, Nguyễn Quý Anh xây dựng trong khuôn viên nhà thờ họ Nguyễn. Trường đặt tên Dục Thanh học hiệu với ý nghĩa “giáo dục thanh niên thức dậy ý thức dân tộc, nói giống”, truyền giảng nội dung tiến bộ nhất Bình Thuận lúc bấy giờ, thể hiện tiêu chí của phong trào Duy Tân là “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”<sup>(17)</sup>. Năm 1912, trường bị Pháp theo dõi, ra lệnh đóng cửa và một phần do thiếu người điều hành, phụ trách nên ngưng hoạt động.



Di tích Trường Dục Thanh Phan Thiết

Riêng Liên Thành thương quán, thời gian sau phát triển thành Công ty Liên Thành và tồn tại hơn 70 năm. Trải qua hơn hai phần ba thế kỷ hoạt động, Công ty Liên Thành đã đạt được mục đích xây dựng, phát triển công thương nghiệp theo

<sup>(16)</sup> Duy Tân: theo cái mới.

<sup>(17)</sup> *Khai dân trí*: bỏ lối học tầm chương trích cú, mở trường dạy chữ Quốc ngữ cùng kiến thức khoa học thực dụng, bài trừ hủ tục xa hoa. *Chấn dân khí*: thức tỉnh tinh thần tự lực, tự cường, mọi người giác ngộ được quyền lợi và nghĩa vụ của mình, giải thoát được nọc độc chuyên chế. *Hậu dân sinh*: phát triển kinh tế, cho dân khai hoang làm vườn, lập hội buôn, sản xuất hàng nội hóa...

hướng chấn hưng kinh tế dân tộc trên tinh thần tự lực, tự cường chống lại sự cạnh tranh, chèn ép của các thế lực tư bản ngoại kiều. Quá trình ra đời và tồn tại của tổ chức kinh tế canh tân này gắn bó mật thiết với lịch sử phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân Bình Thuận.

Ngoài địa bàn Phan Thiết, các hoạt động của phong trào Duy Tân còn phát triển ở Tuy Phong như “Hạnh Lan Đường” ở Bình Thạnh và “Hội bình thơ” ở làng Hà Thủy, phủ Hòa Đa (1908); **Võ** ca ở làng Phú Tài, phủ Hàm Thuận. Các “hội bình thơ” này tập hợp những người cùng chí hướng nghe bình giảng về tác phẩm của những chí sĩ như Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi (Trung Quốc), triết gia Jean-Jacques Rousseau, chính trị gia Montesquieu (Pháp), Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu... Các hoạt động như: vận động sĩ phu, nhân dân học chữ Quốc ngữ, đọc thơ yêu nước, cắt tóc ngắn... đã khơi dậy mạnh mẽ lòng yêu nước của nhân dân trong tỉnh.

Từ cuối năm 1908, một bộ phận tổ chức Thiên Địa hội<sup>(18)</sup> do Phan Xích Long đứng đầu, gương cao ngọn cờ “Phản Pháp, phục Nam” cũng đã thâm nhập vào các vùng nông thôn của Bình Thuận. Hội viên Thiên Địa hội đã vài lần tập kích huyện lỵ Tuy Phong, gây tiếng vang lớn và nhận được sự đồng tình của quần chúng địa phương. Sau khi Phan Xích Long bị bắt tại Phan Thiết (3-1913), phong trào vẫn còn hoạt động thêm vài năm nữa rồi bị thực dân Pháp đàn áp, dập tắt. Đối với Bình Thuận, tiếng tăm của Thiên Địa hội đã cổ vũ tinh thần chống Pháp và tay sai trong quần chúng nhân dân.

Cuối tháng 9-1910, người thanh niên Nguyễn Tất Thành, trên hành trình vào Nam để ra nước ngoài tìm đường cứu nước đã dừng chân tại làng Hà Thủy (nay thuộc xã Chí Công, huyện Tuy Phong); sau đó, vào Phan Thiết dạy học tại Trường Dục Thanh.

Thầy giáo Nguyễn Tất Thành dạy chữ Quốc ngữ và Hán văn (lớp nhì) và môn thể dục. Ngoài môn học chính, thầy Nguyễn Tất Thành còn truyền bá lòng yêu quê hương đất nước cho học sinh. Vào những giờ học ngoại khóa hoặc những khi rảnh rỗi, thầy Nguyễn Tất Thành còn đưa học sinh đi tham quan cảnh đẹp ở Phan Thiết như: bãi biển Thương Chánh, đình làng Đức Nghĩa. Một trong những học sinh của trường là ông Nguyễn Kinh Chi, con cụ Nguyễn Hiệt Chi, về sau làm bác sĩ, Thứ

---

<sup>(18)</sup> Thiên Địa hội: là một hội kín bắt nguồn từ Trung Quốc vào thời Khang Hi (Nhà Thanh) với mục đích phản Thanh phục Minh (phản triều đại Nhà Thanh, khôi phục lại triều đại Nhà Minh), khôi phục lại giang sơn của nhà Đại Minh, đánh đuổi quân ngoại tộc Mãn Thanh. Ở Việt Nam là tên gọi một phong trào tự phát của giới dân nghèo, nhằm chống lại ách áp bức của thực dân Pháp vào những năm đầu thế kỷ 20 tại miền Nam Việt Nam, tôn Phan Xích Long làm “hoàng đế”.

trưởng Bộ Y tế Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là học trò trực tiếp của thầy Nguyễn Tất Thành.

Tháng 2-1911, thầy giáo Nguyễn Tất Thành rời Phan Thiết vào Sài Gòn, đến ngày 5-6-1911, xuống tàu **La Touche Tréville** ra nước ngoài tìm đường cứu nước và sau này trở thành lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam.



Tranh vẽ thầy giáo Nguyễn Tất Thành dạy học tại trường Dục Thanh  
(nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh – Chi nhánh Bình Thuận)

### **3. Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược từ năm 1919 đến trước năm 1930**

Từ năm 1919 đến năm 1929 nổi lên hai sự kiện đấu tranh lớn, có sự hưởng ứng tham gia sôi nổi của các tầng lớp nhân dân Bình Thuận.

*Phong trào gửi kiến nghị đòi ân xá cụ Phan Bội Châu.* Cụ Phan Bội Châu (1867 - 1940), quê Nghệ An, nhà chí sĩ có ảnh hưởng và uy tín lớn trong đồng bào cả nước, tiêu biểu cho các cuộc vận động yêu nước chống Pháp đầu thế kỉ XX. Cụ bị thực dân Pháp bắt và kết án tử hình ngày 23-11-1925. Hưởng ứng phong trào đấu tranh của nhân dân cả nước, học sinh trường Pháp - Việt ở Phan Thiết cùng một số nhân sĩ ở Phan Thiết, Hàm Thuận, Tuy Phong tham gia gửi kiến nghị đòi thực dân Pháp trả tự do cho cụ Phan Bội Châu.

*Phong trào để tang và truy điệu cụ Phan Châu Trinh.* Cụ Phan Châu Trinh (1872 - 1926) quê ở Quảng Nam. Cụ được cả nước biết tiếng về tinh thần yêu nước nồng nhiệt với bản tính cương trực, ý chí bất khuất trước bạo quyền, một người luôn thành tâm với nền độc lập, tự do của đất nước. Sau nhiều lần bị tù đày rồi được ân xá, ở Pháp về Sài Gòn hoạt động từ tháng 6-1925, cụ qua đời vào tháng 3-1926. Những ngày này tại nhiều nơi ở Bình Thuận diễn ra các hoạt động chính trị liên tục. Lễ truy điệu được tổ chức tôn nghiêm tại Phan Thiết, Phan Rí... học sinh



trường tiểu học Pháp - Việt ở Phan Thiết<sup>(19)</sup> bãi khóa hưởng ứng. Bọn cầm quyền lo ngại, ra thông báo dọa đuổi học sinh bãi khóa ra khỏi các trường 3 năm; quy định trường nào có 50% học sinh bãi khóa sẽ bị đóng cửa 3 năm và đóng cửa vĩnh viễn nếu 75% học sinh nghỉ học. Trong khi đó, cũng có trên 50 hiệu buôn ở Phan Thiết tự động nghỉ bán, các quầy thực phẩm của người Việt, người Hoa đều tạm dẹp hàng hóa để hưởng ứng. Nhiều nhân sĩ, giáo viên, thương gia, hàm hộ... trong tỉnh Bình Thuận đã họp thành các đoàn vào Sài Gòn tham gia lực lượng của hơn 14 vạn người từ khắp nơi tụ về dự lễ tang cụ Phan Châu Trinh.

Các vùng nông thôn Hàm Thuận cũng hưởng ứng dưới hình thức nhóm họp truyền tụng thơ ca yêu nước. Thơ văn của các cụ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng như tiếng kèn thúc giục lòng yêu nước của nhân dân. Hàng năm, những người yêu nước ở Bình Thuận bí mật tổ chức lễ kỉ niệm ngày mất hai cụ Phan dưới hình thức đám giỗ, đám tiệc để đàm đạo, suy tư về đất nước, dân tộc.

Ngoài ra, còn có phong trào thanh niên, học sinh tìm đọc sách báo tiến bộ. Những năm 1926 - 1929, các nhóm học sinh, thanh niên ở một số huyện trong tỉnh thường tụ họp, đọc sách báo tiến bộ, tìm hiểu thời cuộc. Những nhà có sách báo tiến bộ lúc bấy giờ là nơi lui tới, gặp gỡ của các nhóm học sinh, thanh niên. Không những tìm hiểu thời sự, tin tức trong các báo, họ còn tiếp cận những tác phẩm viết về lịch sử thế giới, lịch sử nhân loại, Cách mạng tháng Mười Nga... nhờ đó nhận thức mới về chính trị - xã hội được nâng lên.

Từ năm 1928, Tân Việt Cách mạng đảng, một tổ chức yêu nước hoạt động ở các tỉnh miền Trung và miền Đông Nam Bộ, đã tác động mạnh mẽ đến phong trào yêu nước tỉnh nhà. Từ Kỳ bộ Tân Việt Nam Kỳ, các đồng chí Nguyễn Đình Kiên, Lê Trọng Mân, Trần Hữu Duyệt, Trần Hữu Chương ra gây cơ sở ở Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa... và thành lập cơ quan liên tỉnh của Tân Việt, lấy tên là Ngũ Trang<sup>(20)</sup>. Lần đầu tiên, các giới trí thức, nhân sĩ ở Bình Thuận được nghe nói về một đảng cách mạng xuất hiện ở tỉnh nhà. Các đảng viên Tân Việt đều ở các nơi khác đến Bình Thuận gây dựng phong trào, vận động quần chúng. Tuy nhiên, trong quá trình vận động đó, ở Bình Thuận chỉ mới có một số ít đảng viên, nên chưa đủ điều kiện thành lập một chi bộ của Đảng Tân Việt. Tuy vậy, phong trào cách mạng ở Bình Thuận đã bắt đầu tiếp thu đường lối cộng sản.

Khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập đầu năm 1930, trên vùng đất Bình Thuận đã có sự hoạt động của những người cộng sản. Song, cuộc đấu tranh lật đổ

<sup>(19)</sup> Nay nằm ở vị trí Trường Tiểu học Đức Thắng 1, số 374 Trần Hưng Đạo, tp Phan Thiết.

<sup>(20)</sup> Cơ quan Liên tỉnh Tân Việt ở 5 tỉnh: Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên và Buôn Ma Thuột.

chế độ thống trị của thực dân, phong kiến còn phải trải qua chặng đường dài 15 năm đầy thử thách, gian khổ và hi sinh.

*Chủ đề 5***BÌNH THUẬN TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1954****1. Bình Thuận từ khi có Đảng đến khi giành chính quyền (1930 - 1945)**

Giữa năm 1930, đồng chí Dương Chước (Trợ Châm), một đảng viên của Chi bộ Hòn Khói, Ninh Hòa (Khánh Hòa) vào làng Đại Nẫm (phủ Hàm Thuận) tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản cho một số thanh niên trong 2 làng Đại Nẫm và Phú Hội, giác ngộ cách mạng cho một số thanh niên ưu tú. Những thanh niên ưu tú được giác ngộ, trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là các đồng chí Nguyễn Ty, Phan Xích, Ngô Đức Tôn. Cuối năm 1930, Chi bộ Tam Tân được thành lập tại đốc Ông Bằng (xã Tân Hải, thị xã La Gi ngày nay) gồm các đảng viên Cao Có, Lê Chạy, Lê Thanh Lư, Hồ Vũ, Nguyễn Hữu Lợi, Nguyễn Gia Bát do thầy giáo Ngô Đức Tôn làm Bí thư Chi bộ. Đây là Chi bộ cộng sản đầu tiên được thành lập tại tỉnh Bình Thuận.

Đội ngũ cách mạng ở Bình Thuận thời gian này chưa đông nhưng Pháp và tay sai không coi nhẹ việc theo dõi, phát hiện hoạt động của những người cộng sản trong tỉnh. Đặc biệt, trong dịp thực dân Pháp ở Đông Dương tổ chức kỉ niệm Cách mạng Tư sản dân quyền Pháp (14-7-1930), vào đêm ngày 12 và đêm ngày 13-7-1930, trên các đường phố Phan Thiết xuất hiện truyền đơn kêu gọi nhân dân đấu tranh, kí tên: *“Đảng Cộng sản. Nam Kỳ lâm thời chấp hành ủy viên Hội”*. Do đó, bọn cầm quyền Pháp tại Bình Thuận tìm mọi cách ngăn ngừa các cuộc biểu tình chống lại chúng, dự đoán có thể xảy ra vào đầu tháng 8-1930.

Mặc dù thực dân Pháp tại Bình Thuận tìm mọi cách ngăn chặn nhưng một đợt hoạt động của những người cộng sản nổ ra, gây bất ngờ cho chúng. Hưởng ứng phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh và kỉ niệm 13 năm ngày nhân dân thế giới chống chiến tranh đế quốc (1/8/1918 - 1/8/1931), các đảng viên tỉnh Bình Thuận phát động đấu tranh *“Chống đế quốc gây chiến tranh, bảo vệ hoà bình”*. Đêm ngày 14 rạng sáng ngày 15-8-1931, mặc dù trời mưa to gió lớn và địch canh giữ nghiêm ngặt, nhưng các đảng viên, quần chúng được phân công đã treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn trên đường phố, chợ, ga tàu trong thị xã và các nơi khác, tạo khí thế cách mạng, tác động lớn đến nhân dân Phan Thiết và nhiều vùng nông thôn trong tỉnh.

Sau đợt đấu tranh, chính quyền phong kiến và thực dân Pháp tổ chức đánh phá, bắt bớ; nhiều đảng viên bị giam cầm, gây nhiều tổn thất cho phong trào cách

mạng Bình Thuận. Từ cuối năm 1931 đến đầu năm 1934, phong trào đấu tranh cách mạng trong tỉnh gặp khó khăn.



Trường tiểu học Pháp - Việt Phan Thiết năm 1937

Trong thời kì vận động dân chủ 1936 - 1939, hòa chung khí thế đấu tranh của cả nước, tại Bình Thuận đã diễn ra một số phong trào đấu tranh tiêu biểu.

Tháng 4-1936, dưới sự lãnh đạo của đồng chí Nguyễn Gia Tú và các ông Phan Lợi, Lâm Đình Trúc, tiểu thương

Phan Thiết, Hàm Thuận ngừng họp chợ Phan Thiết 3 ngày liền để phản đối việc thu thuế cao và phạt tiền vô tội vạ của tên chủ thầu. Trước tình hình đó, Công sứ Bình Thuận phải ra lệnh cho chủ thầu hạ mức thu tiền thuê chỗ ngồi buôn bán, cấm tùy tiện phạt tiền và thu tiền một lần khi người dân gánh hàng vào chợ.

Trong thời gian này, diêm dân ở Hòa Đa, Hàm Tân, Trinh Tường đấu tranh với chủ thầu phải mua, bán muối đúng giá thị trường. Cuộc đấu tranh thắng lợi, chủ thầu phải chấp thuận mua muối từ 16 xu/100 kg tăng lên 2,50 đồng/100 kg và bán lại cho người dân mua về dùng theo đúng giá thị trường. Các cuộc đấu tranh của tiểu thương và diêm dân thắng lợi đã khơi dậy phong trào, nâng cao khí thế, quần chúng càng tin tưởng vào khả năng đấu tranh cho quyền lợi của mình.

Tháng 8-1936, các đảng viên Bình Thuận hưởng ứng phong trào Đông Dương đại hội, thành lập Ủy ban vận động Đông Dương đại hội tại Phan Thiết do các đồng chí Nguyễn Gia Tú, Lâm Đình Trúc và Tống Ngọc Cang đứng đầu. Tuy nhiên, chính quyền thực dân viện cớ “Trung Kỳ là lãnh thổ của Nam triều” ngăn cản không cho tổ chức tại phần đất Cực Nam Trung Kỳ. Tuy không tổ chức được Đông Dương Đại hội tại Bình Thuận, nhưng đảng viên, quần chúng nhân dân đã có kinh nghiệm hoạt động công khai hợp pháp với địch.

Tháng 1-1937, đồng chí Nguyễn Gia Tú - đảng viên năm 1931 đã kết nạp hai quần chúng ưu tú Lâm Đình Trúc, Phan Lợi vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Các đảng viên tuyên bố hình thành tổ Đảng do đồng chí Nguyễn Gia Tú làm Tổ trưởng.

Đầu năm 1937, các đảng viên và cơ sở Bình Thuận phát động lấy ý kiến nhân dân để chuyển cho Justin Godart - phái viên Chính phủ Pháp sang điều tra tình hình Đông Dương. Do phái đoàn không ghé Phan Thiết, tổ Đảng cử đồng chí Lâm

Đình Trúc mang nội dung yêu sách của nhân dân Bình Thuận vào Sài Gòn chuyển đến Godart.

Tháng 2-1937, tổ Đảng phân công đồng chí Lâm Đình Trúc vận động gần 400 nông dân vùng Ngã Hai (nay là thuộc xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam) phá đập Đồng Đế, phản đối việc thu phí nước sản xuất của tên chủ đồn điền Caset. Công sứ Bình Thuận buộc chủ đồn điền chấp nhận điều kiện, không cản đập nước thu phí. Từ tác động thắng lợi của nông dân Ngã Hai, đồng chí Lâm Đình Trúc cùng nông dân người Kinh, người Chăm ở phủ Hòa Đa, Phan Lý đấu tranh, làm đơn kiện tên Langlet - chủ đập nước Đồng Mới (nay thuộc Sông Lũy, huyện Bắc Bình) bóc lột, tăng thu tiền phí sử dụng nước canh tác đồng ruộng. Công sứ Bình Thuận phải buộc chủ đập nước Đồng Mới chấp thuận giảm phí mua nước canh tác nông nghiệp cho nông dân.

Ngày 12-7-1937, phối hợp với cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy Trường Thi (Nghệ An) đòi dân sinh, dân chủ, công nhân các ga đường sắt trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (sông Lòng Sông, Mương Mán) đồng loạt bãi công. Tại ga sông Lòng Sông (huyện Tuy Phong), khoảng 200 công nhân, trong đó có một số người là hội viên Công hội đỏ<sup>(21)</sup>, tổ chức cuộc bãi công kéo dài một tuần lễ, góp phần làm cho tuyến đường sắt Nam Đông Dương tê liệt. Công nhân ga sông Lòng Sông đưa ra yêu cầu tăng lương 10% và đổi tên chủ ga người Pháp đi nơi khác. Cuộc đấu tranh giành thắng lợi, các yêu sách của công nhân được giải quyết.

Tháng 8-1937, cùng với các địa phương khác, tỉnh Bình Thuận diễn ra cuộc bầu cử nghị viên Viện Dân biểu Trung Kỳ. Tổ đảng vận động, ủng hộ hai người có cảm tình với đảng cộng sản ra tranh cử là: ông Huỳnh Khánh Tông - Hiệu trưởng Trường tư thực ở Phan Rí và ông Huỳnh Văn Đậu - một cổ đông của Công ti Liên Thành. Do sự sắp đặt của bọn cầm quyền, hai ông tuy được nhiều phiếu nhưng không hơn số phiếu của người đại diện chính quyền thống trị. Tuy nhiên, ông Huỳnh Văn Đậu cũng trúng cử vào Hội đồng Kinh tế tài chính Đông Dương và theo quy định, đương nhiên là nghị viên Viện Dân biểu Trung Kỳ. Tại các cuộc họp Viện Dân biểu Trung Kỳ, nghị viên Huỳnh Văn Đậu đã đóng góp ý kiến cùng các đại biểu Mặt trận Dân chủ đấu tranh, bác bỏ dự án tăng thuế của Khâm sứ Trung Kỳ vào tháng 9-1938.

Sau cuộc bầu cử Viện Dân biểu Trung Kỳ và Hội đồng Kinh tế tài chính Đông Dương, phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ của quần chúng tiếp tục phát

<sup>(21)</sup> Vợ chồng Trần Đình Quảng, Trần Thị Diễm bị địch bắt trong đợt đấu tranh kỉ niệm ngày Nhân dân thế giới chống chiến tranh đế quốc năm 1931. Năm 1932, sau khi ra tù, xin làm công nhân xe lửa, tham gia tổ chức Công hội đỏ do các đảng viên công nhân xe lửa thuộc Xứ ủy Nam Kỳ lãnh đạo.

triển. Khắp nơi trong tỉnh, diễn ra phong trào đấu tranh của công nhân, người lao động như: công nhân nhà máy đèn Phan Thiết đòi chủ lập thêm kíp lao động, thay nhau làm việc để phát điện suốt ngày đêm và trả lương làm việc ngày chủ nhật. Người dân làm nghề xe kéo cũng đấu tranh thành công, buộc chủ xe phải giảm tiền thuê xe từ 50 xu xuống còn 30 xu/ngày. Nông dân Hàm Thuận cũng tổ chức đấu tranh đòi giảm tô, tăng giá ngày công. Các hội ái hữu thợ may, thợ cắt tóc, người đánh xe ngựa phối hợp đấu tranh với các giới lao động khác, qua đó tạo nên sức mạnh đoàn kết của những người lao động.

Tháng 9-1939, thực dân Pháp đàn áp Đảng Cộng sản, đoàn thể quần chúng, các tổ chức dân chủ. Quyền lợi tự do mà quần chúng nhân dân giành được đều bị hủy bỏ. Hàng loạt cuộc khám xét, bắt bớ diễn ra khắp nơi. Các đảng viên Bình Thuận bị bắt, hi sinh trong tù (đồng chí Lâm Đình Trúc), lánh đi nơi khác (đồng chí Nguyễn Gia Tú, Phan Lợi). Cuộc khủng bố của địch chỉ phá vỡ một phần tổ chức cơ sở cách mạng ở Bình Thuận. Tuy nhiên, do không liên lạc được với Đảng, không tiếp nhận được chủ trương, đường lối mới của trên, nên đảng viên, quần chúng cốt cán trong tỉnh bị động, phong trào đấu tranh dần chìm lắng.

Bước sang những năm 1939-1945, cùng với cả nước, nhân dân Bình Thuận chuyển sang một thời kì đấu tranh mới, thời kì đấu tranh giải phóng dân tộc.

Tháng 7-1940, đồng chí Trần Hữu Dực, Xứ ủy viên Trung Kỳ vào Bình Thuận gặp đồng chí Nguyễn Tương (một đảng viên năm 1931) tại làng Bình An (nay thuộc xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc) chuẩn bị khôi phục tổ chức đảng tại Bình Thuận đáp ứng nhiệm vụ mới. Tuy nhiên, việc khôi phục tổ chức cách mạng đang tiến hành thì tháng 9-1941, mật thám Pháp phát hiện tổ chức đảng, bắt Xứ ủy viên Trần Hữu Dực và các đảng viên Bình Thuận như đồng chí Nguyễn Tương, Trần Hoàn, Phan Lợi, Nguyễn Gia Tú, Lê Văn Triều, Hồ Hữu Ý giam cầm.

Sau khi Nhật đảo chính Pháp, từ tháng 4-1945, cùng với nhiều đảng viên khác, các đảng viên quê Bình Thuận được thả tự do, quay về Bình Thuận hoạt động. Đầu tháng 6-1945, để lãnh đạo nhân dân trong tỉnh đứng lên đánh đổ Nhật - Pháp, các đồng chí Nguyễn Sắc Kim, Nguyễn Tương, Nguyễn Nhơn, Nguyễn Chúc, Thái Hựu họp tại khu rừng cách Camp Esepic<sup>(22)</sup> 4 km về phía Nam. Tại cuộc họp này, Ban Vận động Việt Minh lâm thời tỉnh Bình Thuận được thành lập, do đồng chí Nguyễn Sắc Kim phụ trách chung.

Từ ngày 13 đến 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (tỉnh Tuyên Quang) nhận định: “**Cơ hội** tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới” và

<sup>(22)</sup> Trường cao đẳng thể dục Đông Dương (nay thuộc phường Đức Long, tp Phan Thiết).

quyết định phát động toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai trước khi quân Đồng Minh vào Đông Dương. Đêm ngày 13-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập, ra Quân lệnh số 1 hạ lệnh tổng khởi nghĩa. Tin tức nhiều tỉnh miền Trung khởi nghĩa giành chính quyền lan truyền đến Bình Thuận. Tình hình trong nước có những chuyển biến hết sức thuận lợi cho cách mạng, lãnh đạo Việt Minh tỉnh Bình Thuận tổ chức Hội nghị tại làng Bình Lâm, phủ Hàm Thuận quyết định một số vấn đề để chuẩn bị khởi nghĩa. Khi biết tin Nhật đầu hàng Đồng Minh, Ban vận động Việt Minh lâm thời tỉnh quyết định phát động quần chúng đấu tranh rải truyền đơn, treo biểu ngữ trong thị xã Phan Thiết.

Tối ngày 17-8-1945, lực lượng cơ sở thị xã Phan Thiết treo cờ đỏ sao vàng trước cổng Tòa sứ Pháp<sup>(23)</sup>, trại lính Bảo an<sup>(24)</sup> và biểu ngữ trên cầu Quan (cầu gỗ - nay là cầu Dục Thanh) với nội dung: “Đả đảo chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim”, “Tước vũ khí quân đội phát xít Nhật ở Đông Dương”, “Dựng chính phủ nhân dân cách mạng lâm thời”, “Việt Nam hoàn toàn độc lập”. Truyền đơn, biểu ngữ, cờ đỏ sao vàng xuất hiện nhiều nơi trong thị xã Phan Thiết đã động viên tinh thần quần chúng nhân dân, đồng thời làm cho tay sai thân Nhật hoang mang dao động. Các tổ chức thân Nhật mất người đứng đầu, bị phân hóa, tan rã. Lúc này, các phủ, huyện trong tỉnh Bình Thuận đều thành lập Ban vận động Việt Minh lâm thời và nhận sự chỉ đạo của tỉnh.

Đêm ngày 23-8-1945, tại trụ sở bí mật Lò Bún trong con hẻm đường Khải Định (nay là hẻm 37, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Đức Nghĩa)<sup>(25)</sup> sau nhà hàng Cérani<sup>(26)</sup>, Ban vận động Việt Minh lâm thời tỉnh họp bàn việc tiếp nhận chính quyền. Căn cứ tình hình chung, Ban vận động Việt Minh lâm thời tỉnh đã quyết định việc tổ chức giành chính quyền không dùng bạo lực quần chúng. Đây là một chủ trương nhạy bén, kịp thời vào lúc này.

<sup>(23)</sup> Nay là trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

<sup>(24)</sup> Nay là trụ sở Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Thuận.

<sup>(25)</sup> Trụ sở bí mật của Việt Minh tỉnh Bình Thuận từ tháng 6 đến tháng 8-1945 (còn gọi là trụ sở Lò Bún, vì gần lò làm bún). Nơi đây là chỗ ở của ông Tư Đूं (chủ lò bún), một gia đình lao động yêu nước, là nơi hầu hết các đồng chí lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 của tỉnh Bình Thuận hay lui tới hội họp. Nhà này đã sang lại cho một người khác và mặt trước bên ngoài đã sửa lại, còn bên trong vẫn giữ nguyên như cũ. Hiện ngôi nhà đã được Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết dựng bia di tích.

<sup>(26)</sup> Nhà hàng Cérani: Nay là Trung tâm văn hóa thành phố Phan Thiết, 113-115, đường Trần Phú, phường Đức Nghĩa, thành phố Phan Thiết (Ngã Bảy).





Một số đồng chí trong Ban vận động Việt Minh tỉnh Bình Thuận tháng 8-1945  
(Ảnh chụp tháng 12-1980)

Sáng ngày 24-8-1945, hai đồng chí Nguyễn Nhơn, Nguyễn Tương, đại diện Việt Minh tỉnh đến nhà số 8, đại lộ Sài Gòn (nay là đường Trần Hưng Đạo, Phan Thiết) gặp tỉnh trưởng Huỳnh Dur tiến hành bàn giao và tiếp quản các công sở. Chiều ngày 24-8, tại đồn bảo an, cờ đỏ sao vàng tung bay trên đỉnh cột cờ trước cổng, lính bảo an xếp hàng chờ đón đại diện Ban vận động Việt Minh lâm thời tỉnh. Sau khi nghe đại diện Ban vận động Việt Minh lâm thời tỉnh nói về tình hình và nhiệm vụ cứu nước của toàn dân lúc này, toàn thể binh lính bồng súng chào lá cờ đỏ sao vàng thiêng liêng của Tổ quốc, giao nộp 30 khẩu súng trường cho cách mạng. Quân Bảo an được đổi tên thành Giải phóng quân do đồng chí Đoàn Tử Bầy chỉ huy chung, gồm 2 đại đội: Đại đội 1 do Tôn Thất Trì làm Đại đội trưởng, Đại đội 2 do Cao Huy Tôn làm Đại đội trưởng.

Ngày 24-8-1945, chính quyền thuộc về nhân dân, chấm dứt 80 năm đô hộ của thực dân Pháp trên đất Bình Thuận. Sáng 25-8-1945, đồng bào các nơi (chủ yếu ở phủ Hàm Thuận) về Phan Thiết cùng đồng bào thị xã chuẩn bị tham dự mít tinh vào buổi chiều cùng ngày. Vào lúc 2 giờ 30 phút chiều ngày 25-8-1945, hàng ngàn quần chúng diễu hành trước Tòa Công sứ Bình Thuận và tiến ra sân vận động thị xã Phan Thiết. Tại sân vận động, thay mặt Ban vận động Việt Minh lâm thời tỉnh, các đồng chí Nguyễn Nhơn, Nguyễn Tương phát biểu ý kiến trước quần chúng nhân dân.

Sau 15 năm đấu tranh cách mạng, nhân dân Bình Thuận cũng như nhân dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã giành được độc lập dân tộc. Sau khi cuộc mít tinh kết thúc, quần chúng diễu hành qua các phố trong thị xã. Cuộc mít tinh mừng chính quyền về tay nhân dân diễn ra thành công.



Cùng với thị xã Phan Thiết, nhân dân các phủ, huyện trong tỉnh cũng nổi dậy giành chính quyền.

Phủ Hàm Thuận giành chính quyền cùng thời gian với tỉnh. Vào sáng ngày 24-8-1945, khi các đại biểu Việt Minh tỉnh gặp tỉnh trưởng để tiếp quản thì bộ máy chính quyền phong kiến phủ Hàm Thuận tự tan rã. Chiều cùng ngày, nhân dân Hàm Thuận về Phan Thiết dự mít tinh tại sân vận động. Những ngày sau đó, bộ máy tay sai từ phủ, tổng đến xã lần lượt ra trình diện, nộp ấn tín cho chính quyền cách mạng.

Ở phủ Hòa Đa, huyện Phan Lý, ngày 25-8-1945, quần chúng nhân dân tiến vào phủ Hòa Đa buộc đề lại phủ và cai đội đầu hàng, giao ấn tín, vũ khí cho chính quyền cách mạng. Sáng 26-8-1945, nhân dân dự mít tinh tại sân vận động Chi Lăng, nghe đồng chí Ngô Độc (người tham gia nhóm Việt Minh hoạt động bí mật ở Phan Rí Cửa) kêu gọi nhân dân ủng hộ chính quyền mới, ủng hộ Việt Minh, quyết giữ độc lập vừa giành được.

Ngày 29-8-1945, nhân dân các dân tộc Kinh, Chăm ở Phan Lý trang bị gây gộc do các ông Lê Thượng Ích, Nguyễn Xuân Thăng... dẫn đầu, tiến vào huyện đường Phan Lý. Tri huyện và đề lại giao nộp ấn tín, vũ khí cho lực lượng khởi nghĩa. Sau đó, tại sân vận động huyện Phan Lý diễn ra mít tinh mừng chính quyền về tay nhân dân.

Huyện Tánh Linh, ngày 26-8-1945, đông đảo đồng bào dân tộc Kinh, Chăm, Raglai, nòng cốt là những đồng chí như Lê Văn Triều, Nguyễn Giáp, cùng với đồng chí Nguyễn Gia Tú là đại diện của Việt Minh tỉnh đến huyện đường. Tri huyện Cao Đỉnh đọc thư Việt Minh huyện, giao nộp lại nha môn, ấn tín, vũ khí cho lực lượng khởi nghĩa. Cuộc mít tinh mừng thắng lợi diễn ra tại huyện đường.

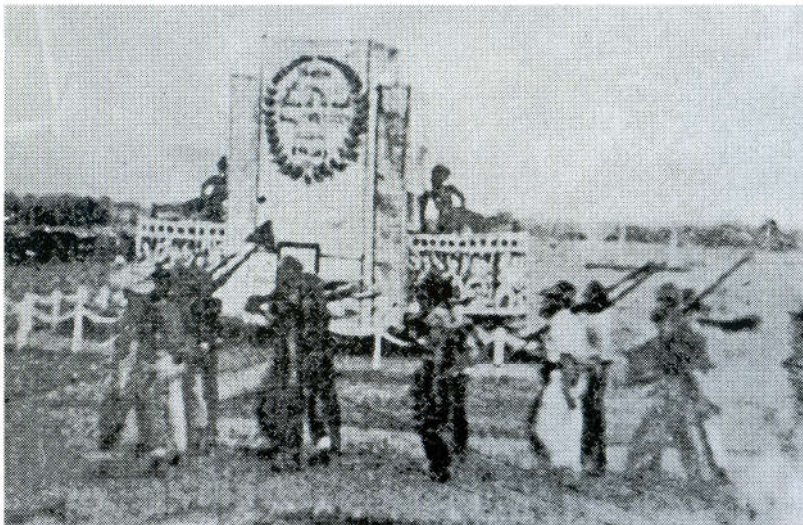
Tại Tuy Phong, ngày 27-8-1945, nhân dân các làng, xã trong huyện tham dự mít tinh tại sân vận động Long Hương. Đồng chí Võ Đăng thay mặt Việt Minh huyện đọc Bản Chương trình Việt Minh, tuyên bố chính quyền về tay nhân dân. Cuộc mít tinh trở thành cuộc tuần hành thị uy, tiến về huyện đường. Đại diện lực lượng khởi nghĩa gặp tri huyện thu ấn tín, sau đó đến nhà lao huyện bắt cai ngục, tịch thu vũ khí, thả tù nhân.

Trên đảo Phú Quý, được lệnh từ đất liền phải bắt hết lính khố xanh<sup>(27)</sup>, tránh đổ máu. Tối ngày 28-8-1945, cơ sở cách mạng tổ chức họp chuẩn bị khởi nghĩa.

<sup>(27)</sup> *Lính khố xanh*: lính đóng ở các tỉnh. Tên gọi khố xanh xuất phát từ quân phục gồm quần áo, đội nón dẹt (sau đổi nón chóp) và giải thắt lưng màu xanh buộc ở bụng, đầu thắt lưng buông thõng xuống giữa hai chân giống như cái khố nên người dân Việt mới gọi là “khố xanh” (lính mặc quần chứ không phải khố). Đây là các đơn vị quân đội người bản xứ do người Pháp thành

Chiều 1-9-1945, lính khố xanh đóng trên đảo được đưa đến bến thuyền để về đất liền, bất ngờ lực lượng cách mạng xuất hiện tuyên bố tước vũ khí, buộc đầu hàng. Nhân dân tham gia mít tinh tại chùa Linh Quang Tự mừng chính quyền cách mạng được thành lập trên đảo.

Ở huyện Hàm Tân, đêm ngày 25-8-1945, diễn ra cuộc họp của một số thanh niên cốt cán, cử người tiếp xúc với Việt Minh tỉnh. Sáng ngày 26-8-1945, nhóm thanh niên Hàm Tân lên đường ra Phan Thiết; cùng thời gian này, một số đảng viên (thuộc chi bộ Tam Tân trước đây) chủ động lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền ở các xã phía Bắc huyện. Ông Ngô Quang Minh, nhân danh Việt Minh huyện tuyên bố từ nay chính quyền về tay nhân dân. Sáng ngày 28-8-1945, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh cấp giấy ủy nhiệm cho anh Đỗ Đơn Thơ - đại diện thanh niên Hàm Tân về huyện tổ chức giành chính quyền. Ngày 2-9-1945, tại sân vận động La Gi diễn ra buổi mít tinh mừng chính quyền về tay nhân dân. Ngày 3-9-1945, tri huyện Hàm Tân giao nộp sổ sách, ấn tín cho chính quyền cách mạng, chấm dứt chế độ phong kiến, thực dân ở Hàm Tân.



Lễ đài buổi mít tinh mừng ngày Độc lập 02-9-1945 tại sân vận động Phan Thiết

Địa bàn huyện Đức Linh trong cách mạng tháng 8-1945, vùng Võ Đất do tổ chức Đảng huyện Xuân Lộc, tỉnh Biên Hòa lãnh đạo. Võ Đất đã thành lập các tổ chức chính trị quần chúng; trong đó, Thanh niên Tiền phong là lực lượng đông đảo. Họ đã tổ chức giành chính

quyền, bắt hương cả, hương trưởng trong làng, tịch thu của cải sung vào công quỹ.

Vào ngày 02-9-1945, tại Hà Nội diễn ra lễ mít tinh chào mừng Chính phủ lâm thời ra mắt đồng bào; Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố với toàn thể đồng bào cả nước và thế giới, nước Việt Nam Dân chủ

---

lập nhằm phụ trợ cho quân chính quy Pháp trong việc đánh dẹp, bảo vệ an ninh thời Pháp sau khi chúng chiếm được Nam Kỳ, rồi Bắc Kỳ. Ngoài lính khố xanh còn có *lính khố đỏ* (lính chính qui người bản xứ, trang phục như lính khố xanh, thắt lưng màu đỏ) và *lính khố vàng* đóng ở kinh đô Huế, *lính khố lục* canh gác ở các phủ, huyện.

Cộng hòa ra đời. Cùng với đồng bào cả nước, trên sân vận động Phan Thiết, đồng bào tỉnh Bình Thuận tổ chức mít tinh mừng thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

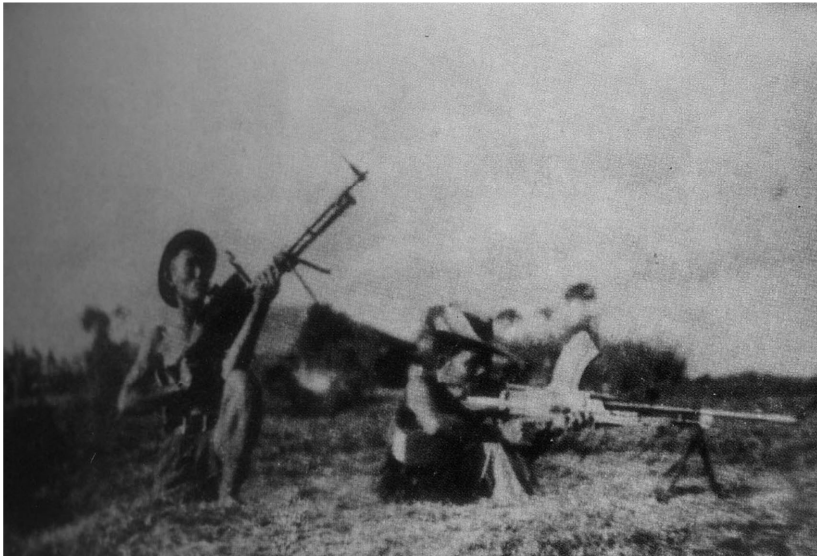
## **2. Bình Thuận kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)**

Đến năm 1945, hơn 90% dân số Việt Nam mù chữ do chính sách “ngu dân” của thực dân Pháp. Ngày 8-9-1945, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí ban hành Sắc lệnh quy định việc học chữ Quốc ngữ không mất tiền cho mọi người. Thực hiện chủ trương trên, lãnh đạo Việt Minh tỉnh Bình Thuận phát động phong trào học tập trong toàn dân. Tại các làng, hình thành các lớp học cho các lứa tuổi chưa biết chữ. Để kiểm tra chất lượng học tập, các nơi công cộng như: đình làng, chợ, hình thành các trạm bình dân học vụ. Ai đọc được chữ do trạm kiểm soát đưa ra thì mới được qua trạm. Nhằm tạo thuận lợi cho người học, nhiều chữ đặt theo ca dao, hò vè như: *O tròn như quả trứng gà, Ô thì đội mũ, Ơ thì mang râu*. Phong trào bình dân học vụ đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân nên được duy trì và phát triển khắp nơi, kéo dài đến khi thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai. Nhiều người từ vùng tạm chiếm vẫn ra vùng căn cứ Hàm Tân thi lấy bằng công nhận xóa mù chữ.

Từ ngày 17 đến 24-9-1945, Chính phủ tổ chức “Tuần lễ vàng” để thu nhận tiền, vàng, đồ vật của nhân dân quyên góp, ủng hộ quốc gia. Cùng với đồng bào cả nước, đông đảo người dân tỉnh Bình Thuận nhiệt tình hưởng ứng phong trào “Tuần lễ vàng”. Nhiều phụ nữ ủng hộ nhẫn, bông tai vàng; người không có vàng thì ủng hộ tiền. Bà Nguyễn Thị Thềm, hậu duệ hoàng tộc Chăm ủng hộ cả cổ vật bằng vàng do vua Chăm trước đây lưu lại. Cùng với phong trào ủng hộ vàng được phát động, phong trào “Hũ gạo đồng tâm”, “Hũ gạo cứu quốc”, “Hũ gạo nuôi quân”... cũng diễn ra sôi nổi, thường xuyên trong các gia đình. Hàng ngày, đến lúc nấu cơm, mỗi gia đình để dành một ít gạo bỏ vào hũ đặt cạnh bếp, đến cuối tháng đem ra kho gạo nuôi quân của làng để ủng hộ. Tuần lễ vàng, hũ gạo nuôi quân thể hiện lòng yêu nước của nhân dân, là nguồn tiếp tế cho du kích, bộ đội.

Ngày 6-1-1946, cử tri cả nước bỏ phiếu bầu cử Đại biểu Quốc hội đầu tiên của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tỉnh Bình Thuận có 2 ứng cử viên vinh dự trúng cử trở thành Đại biểu Quốc hội khoá I là đồng chí Nguyễn Tương và bác sĩ Huỳnh Tấn Đồi.

Không từ bỏ dã tâm, thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta một lần nữa. Sau khi thực dân Pháp đánh chiếm Sài Gòn và các tỉnh Nam Bộ, Trung ương nhận định thời gian đến, địch sẽ tái chiếm các tỉnh Cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên. Ngày 28-1-1946, lính Pháp từ Di Linh theo tỉnh lộ 8 đánh xuống Phan Thiết. Đến km 42 gặp lực lượng ta chặn đánh, phải rút về lại Di Linh. Ngày 31-1-



Du kích xã Hồng Sơn chống Pháp bảo vệ xóm làng.

1946, trận đánh Pháp đầu tiên của lực lượng dân quân tự vệ Bình Thuận diễn ra tại đốc Hội Long (Hòa Minh, Tuy Phong) làm chậm cuộc tiến quân của địch. Trưa cùng ngày, địch vào đến cầu Phú Long (nay thuộc thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc) bị một phân đội của Đại đội 4, Chi

đội 1 Giải phóng quân cùng dân quân Xóm Lụa chặn đánh quyết liệt diệt một xe quân sự. Đến 14 giờ cùng ngày, chúng tiến vào Phan Thiết thì bị Đại đội 1, Chi đội 1 chặn đánh tại ga xe lửa, kho bạc. Sau khi chiếm đóng một số nơi ở Bình Thuận, tên giám binh Đ'raelaibg và tên công sứ Lemonle trở lại cai trị Bình Thuận, kêu gọi các công chức cũ ra làm việc, xúc tiến lập bộ máy tề nguỵ<sup>(28)</sup>. Nhưng với tinh thần yêu nước, nhiều công chức cũ đã không hợp tác với địch và đi theo kháng chiến, nhiều đồng bào không bị mắc mưu địch.

Trong thời gian tạm hòa hoãn với thực dân Pháp, Trung ương Đảng tập trung củng cố lại lực lượng vũ trang, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam giải thể các chiến khu, thành lập các đại đoàn. Đại đoàn 27 chỉ huy các Trung đoàn 79 (Đắc Lắc, Phú Yên), 80 (Khánh Hòa), 81 (Ninh Thuận), 82 (Bình Thuận).

Ngày 25-6-1946, Trung đoàn 82 được thành lập gồm 3 đại đội: Phan Đình Phùng hoạt động ở Hàm Thuận, Hoàng Hoa Thám hoạt động ở Hàm Tân và Quang Trung hoạt động ở 3 huyện phía Bắc tỉnh (năm 1948, sáp nhập với Trung đoàn 81 thành liên Trung đoàn 81/82 và đến năm 1950 thành lập Trung đoàn 812).

Tháng 4-1947, thực hiện chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy Bình Thuận xây dựng căn cứ Triền, Ô Rô làm nơi đứng chân các cơ quan lãnh đạo. Tháng 7-1949, Hàm Tân hoàn toàn giải phóng trở thành huyện căn cứ. Tháng 10-1950, Hội nghị cán bộ tỉnh ở Ô Rô đề ra nhiệm vụ, xây dựng vùng đất giáp ranh giữa Hàm Thuận và Hòa Đa thành Khu căn cứ kháng chiến Lê Hồng Phong.

<sup>(28)</sup> Bộ máy của thực dân Pháp lập ra bao gồm người Pháp và những người Việt hoạt động trong bộ máy của Pháp trước năm 1945 ở nông thôn nhằm kìm kẹp, đàn áp nhân dân, nhất là những vùng bị Pháp tạm chiếm.

Sáng ngày 14-6-1947, một tiểu đội của đơn vị Hoàng Hoa Thám do Đại đội trưởng Nguyễn Minh Châu chỉ huy cải trang thành lính địch, có 3 người lính lê dương<sup>(29)</sup> theo cách mạng tham gia đóng vai quân Pháp đi tuần đã tập kích vào đồn



Súng Vít-ke ta thu được  
trong trận đánh Lầu Ông Hoàng 14-6-1947

Lầu Ông Hoàng. Trận đánh diễn ra trong 10 phút, ta diệt 20 tên địch, thu giữ 1 đại liên Vít-ke, 1 trung liên Bren, 2 tiểu liên, nhiều thùng đạn, lựu đạn, súng trường và quân trang, quân dụng... Đây là trận tập kích đầu tiên trên chiến trường Bình Thuận, mở đầu cho cách đánh truyền thống của bộ đội Cục Nam Trung Bộ.



Bộ đội Trung đoàn 82 tại Bàu Thiều (căn cứ Lê Hồng Phong) năm 1948

Mở màn chiến dịch Đông - Xuân 1950 - 1951, trong khi ta đưa lực lượng ra Ninh Thuận chuẩn bị nổ súng thì địch đưa quân càn quét mạnh vào vùng Bắc Bình Thuận để thực hiện dồn dân, đồng thời giải vây cho chúng ở Ninh Thuận. Trong 2 ngày 20 và 21-1-1951, tiểu đoàn lính Pháp đánh vào xóm Cát Bay, với chủ trương “đốt sạch, phá sạch, giết sạch”, chúng đã tàn sát, giết hại 178 người dân vô tội, làm bị thương 50 người, bắn giết hàng trăm trâu bò, đốt 200 nóc nhà và dồn số dân còn

<sup>(29)</sup> Lính Lê Dương: đây là cách gọi Việt hóa của một từ tiếng Pháp là Légion (đọc là Lê-giông, lâu ngày người Việt gọi trại thành Lê Dương), là nơi tập hợp những người nước ngoài được thuê để chiến đấu cho nước Pháp - là đội quân đánh thuê chuyên nghiệp.

sống ở các thôn xung quanh về Long Hương. Tháng 4-1952, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Trung ương Cục miền Nam trên đường ra Bắc, ghé lại Bình Thuận. Đồng chí đã có nhiều ý kiến về các mặt, trong đó có việc chỉ đạo áp dụng cách đánh đặc công ở Nam Bộ vào chiến trường Bình Thuận.

Tháng 8-1952, tại Khu căn cứ Lê Hồng Phong, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ II được tổ chức. Đại hội tập trung thảo luận báo cáo chính trị, rèn luyện tư tưởng, bảo đảm nhiệm vụ sắp tới. Báo cáo đã nêu lên những ưu, khuyết điểm các mặt hoạt động những năm qua, đánh giá các mặt chỉ đạo, phát huy thành tích đạt được, khắc phục các vấn đề còn tồn tại. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 17 đồng chí; đồng chí Nguyễn Côn - Thường vụ Liên khu ủy, Bí thư Ban cán sự Cục Nam kiêm bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận; đồng chí Nguyễn Gia Tú - Phó bí thư, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh. Ngày 18-9-1952, quân dân Bình Thuận làm nên chiến thắng Ngã Hai là chiến thắng đầu tiên bằng chiến thuật đặc công trên chiến trường Bình Thuận, cũng là lần đầu trên chiến trường Cục Nam Trung Bộ. Ngày 31-7-1954, diễn ra trận đánh tiêu diệt đồn Sông Dinh (Tánh Linh), đây là trận đánh cuối cùng của quân dân Bình Thuận trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954).



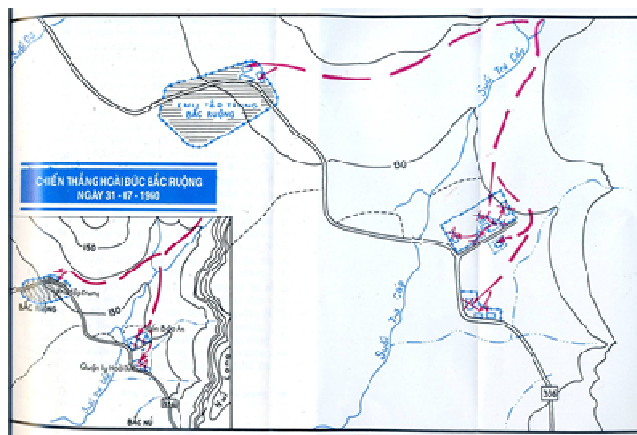
Bản đồ: Hình thái tổ chức mạng lưới hành chính Bình Thuận kháng chiến chống Pháp (1945-1954)



**Chủ đề 6****BÌNH THUẬN TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975**

Sau các cuộc chuyển quân tập kết ra Bắc trong vòng 80 ngày (từ ngày 1-8 đến ngày 20-10-1954), phần lớn cán bộ, đảng viên tỉnh Bình Thuận ở lại địa phương cùng nhân dân tham gia đấu tranh chính trị đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ. Cuối năm 1954 đầu năm 1955, phong trào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ của quần chúng diễn ra nhiều nơi trong tỉnh. Đến cuối năm 1959, Nghị quyết Hội nghị **lần thứ 15 của** Trung ương chính thức được phổ biến và triển khai tại Bình Thuận. Ngày 2-9-1959, đơn vị 2/9 là trung đội vũ trang đầu tiên của Bình Thuận được thành lập trong kháng chiến chống Mỹ.

Giữa năm 1960, đồng bào căn cứ phần lớn bị địch dồn về các khu dinh điền, làm mất dần chỗ đứng chân của lực lượng cách mạng. Tỉnh ủy quyết định đánh Bắc Ruộng - Chi khu quận Hoài Đức để giải phóng dân, xây dựng căn cứ, tạo thế và lực mới. Đêm 31-7-1960, cán bộ, chiến sĩ lực lượng 2/9 tổ chức tấn công, phát động quần chúng nổi dậy làm chủ chi khu, đưa hơn 4000 đồng bào về lại căn cứ. Chiến thắng Hoài Đức - Bắc Ruộng là kinh nghiệm và bài học quý báu về việc vận dụng Nghị quyết 15-NQ/TW, tháng 1/1959 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) bàn về đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam vào tình hình thực tế địa phương một cách sáng tạo, dũng cảm, đầy tinh thần trách nhiệm trước nhân dân của Tỉnh ủy Bình Thuận. Chiến thắng có ý nghĩa lịch sử quan trọng vì đây là trận đánh diệt chi khu, huyện lỵ đầu tiên của Bình Thuận và Cục Nam Trung Bộ; là cuộc tấn công quân sự, kết hợp chặt chẽ với tấn công chính trị, nổi dậy của quần chúng đầu tiên ở Bình Thuận trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Hoài Đức - Bắc Ruộng còn là chiến thắng lớn đầu tiên trong kháng chiến chống Mỹ của lực lượng vũ trang tỉnh Bình Thuận, là chiến thắng lớn trên chiến trường Cục Nam Trung Bộ lúc bấy giờ.



Bản đồ: Chiến thắng Hoài Đức - Bắc Ruộng ngày 31-7-1960

Tháng 12-1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập, ra lời kêu gọi các tầng lớp nhân dân miền Nam đoàn kết chống Mĩ, cứu nước. Cuối năm 1962, Ủy ban Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Bình Thuận được thành lập. Các thành viên của Mặt trận tỉnh Bình Thuận như Hội thanh niên giải phóng, Phụ nữ giải phóng, Nông hội... được thành lập, bầu ban chấp hành, phát triển đến cơ sở, thu hút đông đảo hội viên tham gia.

Từ năm 1961, ở Bình Thuận và Bình Tuy, Mĩ - ngụy triển khai chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, với kế hoạch Staley Taylor bằng nhiều hình thức như: kiện toàn hệ thống chính quyền các cấp, phát triển lực lượng, đánh phá vùng giải phóng mà cốt lõi là gom dân lập “Áp chiến lược”<sup>(30)</sup>. Dịch xây dựng một số “áp chiến lược kiểu mẫu”<sup>(31)</sup> kiên cố như ấp Đất Đỏ ở vùng ven thị xã Phan Thiết, Lương Sơn (Hòa Đa), Đại Năm, Tân Phú Xuân (Hàm Thuận); các ấp của đồng bào Thiên Chúa giáo di dân như Thuận Nghĩa, Phường Lạc (Thiện Giáo)... được trồng tre bao bọc.

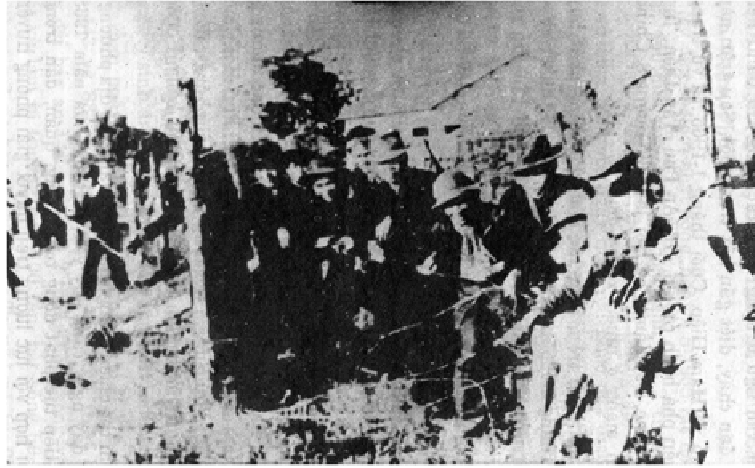
Tháng 7-1961, để phù hợp với việc chỉ đạo chiến trường, Liên khu V được tách thành hai Khu 5 và 6. Bình Thuận thuộc Khu 6 do Trung ương Cục miền Nam trực tiếp chỉ đạo.

Những năm 1961 - 1963, ta đề ra phương hướng hoạt động cụ thể ở từng vùng. Ở vùng địch tạm chiếm, kết hợp 3 mũi giáp công, đẩy mạnh trừ gian diệt ác, xây dựng cơ sở, phát triển thực lực. Ở vùng du kích - tranh chấp, đẩy mạnh hoạt động du kích là chính, kết hợp với hoạt động hợp pháp. Ở vùng căn cứ giải phóng, đẩy mạnh hoạt động vũ trang, xây dựng chính quyền, phát triển chiến tranh du kích.

---

<sup>(30)</sup> Do Chính quyền Ngô Đình Diệm lập ra từ 3-1962, chủ yếu theo kinh nghiệm của Anh ở Malaixia,... được coi là quốc sách, là xương sống của chính sách bình định nông thôn 18 tháng ở Miền Nam Việt Nam với dự án xây dựng 17.000 ấp. Là khu dồn dân ở nông thôn Miền Nam Việt Nam, có công trình phòng thủ bao quanh (thường gồm ba hào, hai thành cài chông mìn, dây thép gai), tổ chức thành các nhà liền kề nhau, được kiểm soát rất chặt chẽ, hoạt động theo một quy chế nghiêm ngặt nhằm tách du kích ra khỏi nhân dân và tách nông dân ra khỏi phong trào cách mạng, thực hiện “tát nước bắt cá”, đánh phá tận gốc phong trào đấu tranh cách mạng miền Nam Việt Nam. Nhưng kế hoạch này đã bị nhân dân miền Nam Việt Nam làm thất bại.

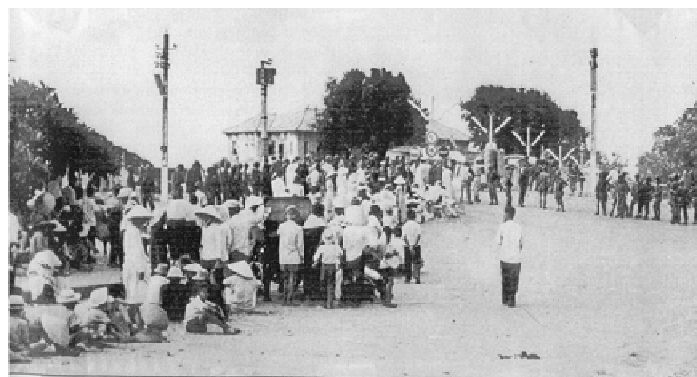
<sup>(31)</sup> Ấp được xây dựng theo hình ngũ giác, mỗi cạnh dài 300 m, trong ấp có 5 con đường chạy vào trung tâm (dân gọi là ấp chiến lược 5 sao). Hai bên đường là nhà dân, giữa ấp là nhà trường và hội trường. Có 2 cổng ra vào ấp, 1 cổng hướng Tây và 1 hướng Bắc, xung quanh có hào sâu 4 m và vành đai cao 2m, có 1 hàng rào đơn bằng dây thép gai bên ngoài cùng. Bên trong lớp rào, dưới lòng hào có lớp chông, gài mìn để chống ta đột nhập. Hai cổng ra vào ban đêm đóng kín, có gài lựu đạn. Ban ngày chúng bố trí 3 vọng gác: 2 cổng chính (Bắc, Tây) và 1 hướng Nam.



Quân dân Hàm Thuận phá “ấp chiến lược” làm chủ quê hương

Từ năm 1963, quân dân Bình Thuận đẩy mạnh phong trào phá “ấp chiến lược”, chống việc lập vành đai, dồn dân, rào ấp của địch bằng nhiều hình thức. Nhân dân đấu tranh chống địch cướp đất rào làng, kéo dài việc dời nhà vào “ấp chiến lược” hoặc “ngày rào đêm phá”<sup>(32)</sup>. Nhiều cuộc đấu tranh giành được thắng lợi như ngày 8-8-1962, khoảng 100 phụ nữ Kim Bình (Hàm Thuận) đấu tranh quyết liệt với một tiểu đoàn địch, không cho chúng lừa dân về lập ấp Kim Hải ở Phan Thiết.

Phong trào đấu tranh của thanh niên, học sinh, Phật tử, binh lính ở thị trấn, thị xã cũng nổi lên đều khắp. Ngày 4-8-1963, nhân việc Đại đức Thích Nguyên Hương tự thiêu trước cổng Tỉnh đường Bình Thuận (nay là trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh), hàng ngàn Phật tử đã xuống đường biểu tình, đòi chính quyền trả thi hài Đại đức, thả đảo Mĩ - Diệm đàn áp Phật giáo.



Nhân dân Phan Thiết biểu tình đòi dân sinh dân chủ (6-1963)

Cuối năm 1964, toàn tỉnh mở chiến dịch Đông - Xuân. Tháng 12-1964, ta tập kích chi khu quận lỵ Thiện Giáo. Cuối tháng 2-1965, ta giải phóng quận Hoài Đức và đại bộ phận nông thôn huyện Tánh Linh. Khu căn cứ miền núi của tỉnh được

<sup>(32)</sup> Ngày địch rào thì đêm ta phá.

mở rộng, trở thành hậu phương cung cấp nhân, tài, vật, lực cho tỉnh và quân khu. Đường liên lạc của tỉnh được nối liền từ miền núi xuống đồng bằng.

Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ thất bại, khi mất hơn 30 tháng vẫn không bình định được miền Nam. Tháng 11-1963, chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ. Những năm 1964 - 1965, tại Bình Thuận, Bình Tuy, địch ra sức củng cố lực lượng, ráo riết bắt thanh niên đi lính, thành lập thêm các đơn vị: Phòng vệ dân sự, Bình định hương thôn... Đồng thời, với việc đổi tên “Áp chiến lược” thành “Áp tân sinh”<sup>(33)</sup>, chính quyền Việt Nam Cộng hòa tại Bình Thuận lập ra các khu Chiêu hồi<sup>(34)</sup>, làng tị nạn cộng sản<sup>(35)</sup>, gom dân về thị xã, thị trấn như: Liên Hương, Phan Rí Cửa, Chợ Lầu, Ma Lâm, Phan Thiết... nhằm cắt đứt mối liên hệ giữa dân với cách mạng. Đối với vùng căn cứ giải phóng, địch đánh phá bằng nhiều hình thức: càn quét lớn dài ngày, bắn pháo, ném bom, rải chất độc hóa học...

Để cứu nguy cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa khỏi bị sụp đổ, Mĩ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, giữa năm 1965 đưa lực lượng Mĩ và đồng minh trực tiếp tham chiến tại chiến trường miền Nam.

Đầu tháng 11-1965, lực lượng Mĩ trực tiếp tham chiến, càn quân vào vùng giải phóng Hoài Đức. Tại đây, địch đã đối đầu với lực lượng Quân khu 6, tỉnh Bình Thuận và huyện Hoài Đức. Trận đánh thắng Mĩ đầu tiên của bộ đội và du kích trên chiến trường Bình Thuận diễn ra tại xã Đức Chính, Hoài Đức (nay thuộc xã Nam Chính, huyện Đức Linh). Tiếp đó, địch dùng chiến thuật “Trục thẳng vận”<sup>(36)</sup> càn quét vùng căn cứ giải phóng, rải chất độc hóa học phá hoại mùa màng, gom dân lập ấp. Thế ăn ở, sản xuất, chiến đấu của quân dân Bình Thuận bị đảo lộn.

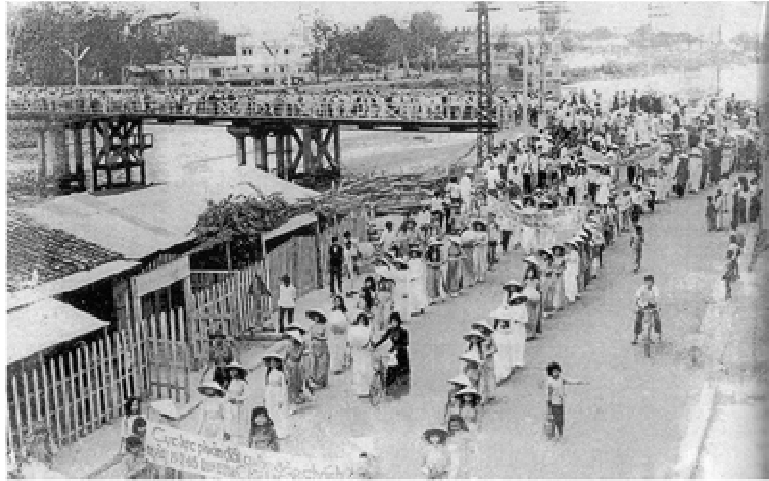
---

<sup>(33)</sup> Khu dồn dân mới thay thế cho “Áp chiến lược”, mục đích cơ bản vẫn giống áp chiến lược, nhưng biện pháp thực hiện có phần mị dân hơn, dùng viện trợ của Mĩ để mua chuộc dân.

<sup>(34)</sup> Chiêu dụ những người tham gia cách mạng và nhân dân ta bị bắt hoặc tự từ bỏ cách mạng theo về với mình, và sử dụng những người này làm việc cho mình nhằm đánh lại cách mạng.

<sup>(35)</sup> Cách gọi khác của “Áp chiến lược”

<sup>(36)</sup> Chở lực lượng địch hành quân bằng trục thẳng bất ngờ đến khu vực giao tranh để ứng cứu, giải vây binh lính của chúng và càn quét, tiêu diệt lực lượng hoặc cơ quan chỉ huy của cách mạng.

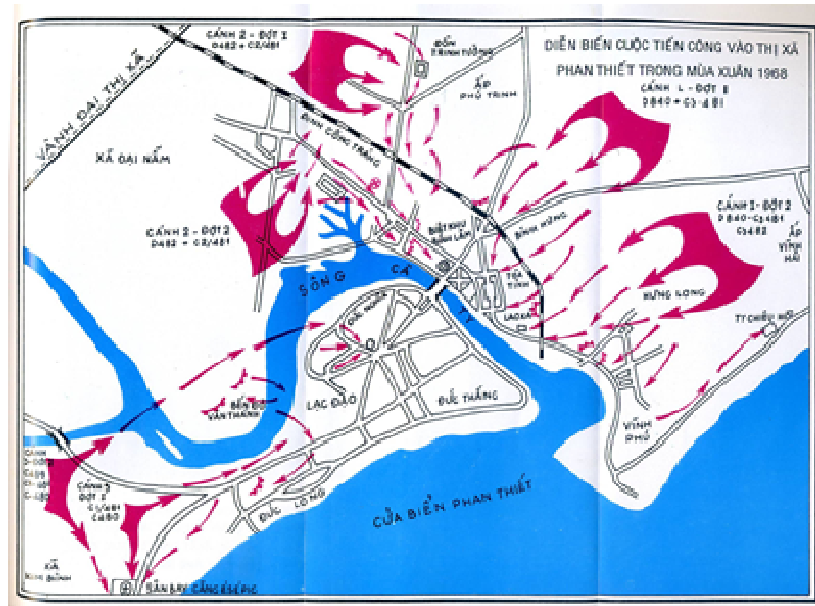


Thanh niên - học sinh Phan Thiết biểu tình chống Mỹ - Thiệu 1965

Qua các cuộc đối đầu quyết liệt, quân dân Bình Thuận đã hiểu được điểm mạnh, yếu của Mỹ và tìm cách đánh Mỹ. Đến cuối năm 1967, ta đã bẻ gãy về cơ bản chiến thuật “Trục thăng vận” trên chiến trường Bình Thuận. Phong trào chống Mỹ ở Bình Thuận đã mở ra cục diện mới tạo thêm thế và lực bám được địa bàn, giành quyền chủ động chiến trường, phát triển lực lượng cả ở vùng sâu, vùng yếu. Từ thế đứng ổn định, quân dân tỉnh nhà mới có điều kiện góp phần tích cực vào cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân năm 1968 của cả miền Nam.

Ngày 8-1-1968, Thường vụ Khu ủy và Quân khu ủy Khu 6 nhận được quyết định và mệnh lệnh của Trung ương Cục, Bộ Tư lệnh Miền về việc chuẩn bị bước vào “Tổng công kích, tổng khởi nghĩa” theo tinh thần Nghị quyết tháng 1-1968 của Bộ Chính trị. Thường vụ Khu ủy và Quân khu ủy Khu 6 hạ quyết tâm, phối hợp với toàn miền thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa, đánh vào các thị trấn, thị xã, khu vực quan trọng của đối phương; trong đó, tập trung đánh dứt điểm hai thị xã lớn là Phan Thiết và Đà Lạt mà Phan Thiết là trọng điểm số một.

Sau 45 ngày đêm Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân (từ ngày 31-1 đến ngày 15-3-1968), quân và dân Bình Thuận đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 3500 tên địch (có hàng trăm lính Mỹ), phá hủy 4 kho xăng (hơn 1 triệu lít), 1 kho đạn 300 tấn; giải thoát hơn 700 tù chính trị bị địch giam giữ; phá nhiều “ấp chiến lược”. Mặc dù kết quả không đạt được như quyết tâm đề ra là “đánh chiếm và làm chủ thị xã”, nhưng đã gây thiệt hại nặng cho địch, làm cơ quan đầu não của địch tại Phan Thiết có lúc tê liệt, rối loạn; thế và lực địch suy sụp.



Bản đồ: Diễn biến cuộc tiến công vào thị xã Phan Thiết trong tết Mậu Thân năm 1968

Qua 3 năm chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ (1965-1968), quân dân Bình Thuận phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, dựa vào sức mình là chính; từng bước làm thất bại các cuộc phản công của địch; sau đó chủ động tấn công địch, góp phần cùng toàn Khu 6, toàn miền Nam làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, buộc Mĩ phải ngồi vào bàn đàm phán ở Paris. Từ thế chủ động thì giờ Mĩ nằm trong thế bị động, phải chuyển sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969 - 1973) ở miền Nam Việt Nam, triển khai đồng thời 3 loại chiến tranh: giành dân, phong tỏa, hủy diệt để bình định nông thôn. Từ năm 1969 đến 1972, địch từng bước thực hiện cảnh sát hóa, quân sự hóa bộ máy ở cơ sở để dễ bề khống chế nhân dân. Chúng liên tục bắn phá vùng tranh chấp, ủi, cào nhà, xúc dân vào lập ấp chiến lược ở các trục đường, gần đồn, quanh thị trấn, quận lỵ. Quanh ấp, đồn, địch phòng thủ kiên cố bằng những hàng rào kẽm gai và bãi mìn dày đặc... đã gây cho ta nhiều tổn thất: Lực lượng hoạt động bí mật trong vùng địch kiểm soát bị đánh phá, ngoài vùng giải phóng bị hi sinh; Đồng bào, chiến sĩ phải sống trở lại cảnh “muối trường kì, mì chiến lược”<sup>(37)</sup>. Nhiều cơ sở trong vùng địch kiểm soát không hoạt động được. Lực lượng ta đột nhập vào “ấp chiến lược” liên tiếp hi sinh, nhất là khi vượt qua những bãi mìn.

Nhằm củng cố lại phong trào, giữ địa bàn, giành lại những vùng nông thôn đã mất, hai tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy đã liên tiếp mở các đợt hoạt động cao điểm Đông - Xuân (1968 - 1969), Hè - Thu 1969 và Xuân - Hè 1970. Từ năm 1968 đến năm 1972, ta đánh địch trên khắp các chiến trường, gây cho địch nhiều tổn thất như: 8 lần tấn công vào căn cứ Sông Mao, một căn cứ quân sự lớn của Mĩ - ngụy

<sup>(37)</sup> Trong thời gian dài, muối và khoai mì là 2 loại thực phẩm mà đồng bào và bộ đội ta sử dụng trong điều kiện khó khăn, thiếu thốn.





du kích chiến tranh, vây lấn, sẵn sàng tiến lên giành thắng lợi mới. Trong kế hoạch mùa khô 1974 - 1975, Bộ Tư lệnh Miền giao nhiệm vụ Quân khu 6 giải phóng 2 huyện Hoài Đức và Tánh Linh (tỉnh Bình Tuy).

Thực hiện chỉ đạo của cấp trên, đêm ngày 9 rạng sáng ngày 10-12-1974 ta nổ súng đồng loạt tấn công giải phóng Tánh Linh. Ngày 16-3-1975, Trung đoàn 812 cùng bộ đội địa phương tiếp tục tấn công Chi khu Hoài Đức. Ngày 23-3-1975 huyện Hoài Đức được hoàn toàn giải phóng. Địch lâm vào thế co cụm, phòng thủ và bị động đối phó, tinh thần hoang mang.



Trung đoàn 812 làm lễ xuất quân trong chiến dịch Hoài Đức - Bắc Ruộng (Tánh Linh) ngày 9-12-1974.

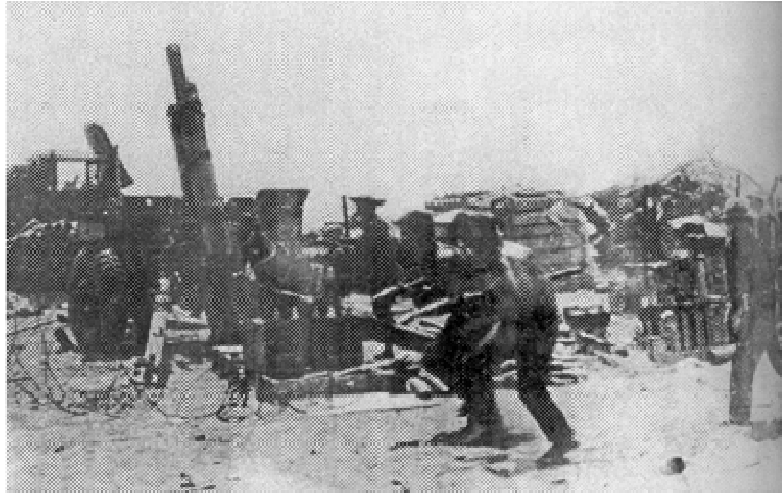


Tiểu đoàn 482 trước giờ ra trận năm 1975.

Những ngày cuối tháng 3 đầu tháng 4-1975, tin chiến thắng từ các nơi làm quân và dân Bình Thuận tăng thêm khí thế cách mạng. Đồng bào trong ấp bỏ về đất cũ. Hàng nghìn binh lính bại trận của địch từ chiến trường Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng bại trận chạy về Phan Thiết, La Gi khiến nội bộ địch thêm náo loạn.

Chớp thời cơ, cùng với tinh thần chủ động tự giải phóng địa phương mình, ngày 5-4-1975, Tỉnh ủy Bình Thuận họp, quyết tâm giải phóng Ma Lâm (Chi khu quận lỵ Thiện Giáo) và các ấp dọc đường 8, Quốc lộ 1A, áp sát Phan Thiết, sau đó sẽ phối hợp với bộ đội chủ lực giải phóng Phan Thiết và toàn tỉnh.

Ngày 8-4-1975, các lực lượng Quân khu 6, tỉnh Bình Thuận nổ súng tấn công và giải phóng Chi khu Thiện Giáo (Ma Lâm), mở màn cho Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 tại Bình Thuận.



Quân ta tấn công tiêu diệt Chi khu quận lỵ Thiện Giáo, giải phóng Ma Lâm ngày 8-4-1975.

Ngày 14-4-1975, hàng loạt địa phương phía Bắc tỉnh được giải phóng: Tuy Phong, Hoà Đa, Phan Lý, Hải Ninh. Chiều 14-4-1975, Phú Long - vành đai phòng thủ của địch phía Bắc Phan Thiết rơi vào tay quân giải phóng.

Ngày 19-4-1975, Phan Thiết được giải phóng, được chọn là ngày giải phóng tỉnh Bình Thuận.

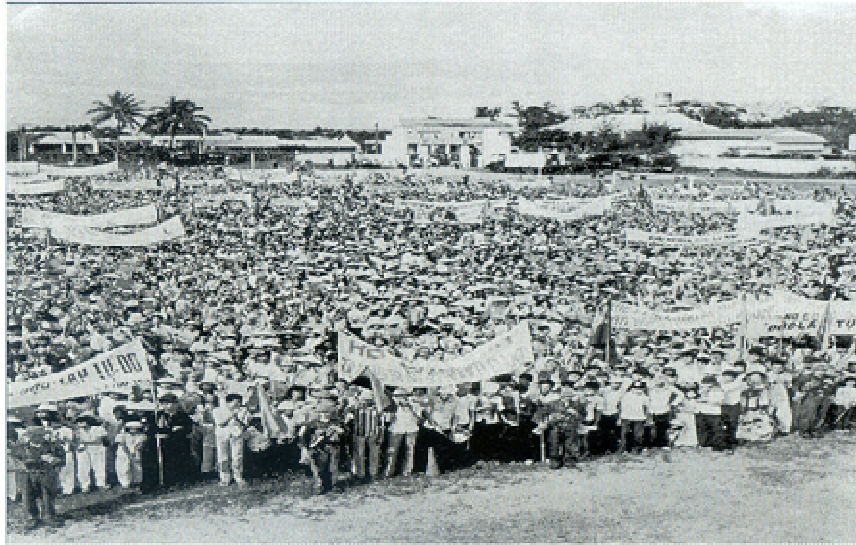
Ngày 23-4-1975, giải phóng hoàn toàn tỉnh Bình Tuy (huyện Hàm Tân và thị xã La Gi hiện nay).



Quân giải phóng tiến vào thị xã Phan Thiết ngày 19-4-1975.



Trung ương Cục miền Nam và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trao tặng.



Nhân dân Bình Thuận mít tinh tại Phan Thiết, ngày 30-4-1975 mừng giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước.



**BÌNH THUẬN TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 1991****1. Khắc phục hậu quả chiến tranh**

Một thời gian không lâu sau khi quê hương được giải phóng, tuy đội ngũ cán bộ chưa đông nhưng chính quyền cách mạng của tỉnh cũng đã tiếp quản và khẩn trương bắt tay điều hành, thiết lập trật tự an ninh ở khắp huyện, thị, xã, phường; đồng thời, quan tâm đến thực hiện các chính sách nhằm bước đầu ổn định đời sống của nhân dân, nhất là tầng lớp lao động.

Hàng chục vạn người trước đây bị địch dồn vào các khu tập trung hoặc các thị trấn, thị xã nay được trở về đất cũ làm ăn. Cùng với kế hoạch chống đói, chống dịch bệnh được tiến hành kịp thời, thường xuyên, là các hoạt động xây dựng cuộc sống mới. Bộ đội được huy động tháo gỡ bom mìn, giúp dân khai hoang đất, sửa chữa kênh mương, làm thủy lợi để nhân dân sản xuất kịp thời vụ.

Thực hiện chính sách hòa hợp dân tộc, tỉnh đã tiếp nhận đông đảo binh lính, sĩ quan, công chức chế độ cũ trình diện để học tập cải tạo, sớm trở về đoàn tụ gia đình, hòa nhập với cuộc sống mới.

Thời kì đầu, các chủ trương, chính sách của cách mạng được ban hành về cơ bản là đúng, tạo sự phấn khởi, tin tưởng trong nhân dân. Song trong quá trình thực hiện có nơi, có lúc chưa tốt do nhận thức giáo điều, cứng nhắc và bệnh ấu trĩ của một số cán bộ thừa hành. Hơn nữa, các thế lực thù địch còn lợi dụng tình hình an ninh trật tự chưa ổn định để tiếp tục chống phá ta, ra sức tuyên truyền kích động, tổ chức hàng ngàn vụ vượt biên trốn ra nước ngoài bằng đường biển; hoạt động vũ trang chống đối, giết cán bộ ta, gây hoang mang trong xã hội lúc bấy giờ.

**2. Tiến hành xây dựng quê hương Thuận Hải (1976 - 1991)**

Đầu năm 1976, thực hiện chủ trương của Trung ương, 3 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và Bình Tuy sáp nhập thành tỉnh Thuận Hải. Đảng bộ tỉnh Thuận Hải đã lãnh đạo nhân dân khắc phục khó khăn, phát triển sản xuất, ổn định đời sống.

Trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn về vật tư, nguyên liệu, vốn liếng sau ngày giải phóng, nhân dân Thuận Hải đã tích cực khai hoang phục hóa, bảo đảm được 80% nhu cầu lương thực toàn tỉnh. Đồng thời, đã sớm chú trọng đến việc trồng cây bông vải, phấn đấu đưa Thuận Hải trở thành vùng trung tâm bông vải của cả nước. Bước đầu, tỉnh xây dựng một số vùng kinh tế mới như Hàm Kiệm,



Phú Sơn (Hàm Phú) và các khu định canh, định cư các xã dân tộc thiểu số thuộc liên huyện Nam Sơn<sup>(38)</sup>.

Tỉnh đã xác lập được quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, 95% hộ dân với hơn 85% ruộng đất đã đi vào con đường làm ăn tập thể, 74% lao động biển với 82% công suất đánh bắt cũng đã tập thể hóa. Các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp thu hút 79% lao động. Những thành quả đạt được cho đến sau này của ngành nông nghiệp, phải kể đến nhờ việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Đúc Linh, Tánh Linh chẳng những là trọng điểm trồng lúa nước mà còn phát triển cây cao su, tiêu; đồng thời, trên các vùng đất khô hạn toàn tỉnh trồng hơn 20 000 ha điều (đào lộn hột).



Nhân dân Hàm Thuận làm thủy lợi chống hạn sau hòa bình lập lại 1975



Bí thư Tỉnh ủy Lê Văn Hiền thăm vụ lúa nước đầu tiên ở xã Đông Tiến, huyện Hàm Thuận (nay là huyện Hàm Thuận Bắc)

<sup>(38)</sup> Nam Sơn: Căn cứ địa kháng chiến của Khu 6 trong kháng chiến chống Mĩ (khu vực rừng núi của huyện Tánh Linh, xã Đông Giang thuộc tỉnh Bình Thuận và huyện Di Linh thuộc tỉnh Lâm Đồng).

Cơ sở công nghiệp trong tỉnh nhỏ bé, được huy động tập trung trước hết vào việc sản xuất nông cụ, sửa chữa và đóng mới tàu thuyền phục vụ nhu cầu đánh bắt hải sản. Đồng thời cũng đẩy mạnh sản xuất vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, đáp ứng nhu cầu thiết yếu để ổn định đời sống của nhân dân.

Công nghiệp quốc doanh đã có bước phát triển với việc hình thành hệ thống cơ khí từ tỉnh đến huyện phục vụ sản xuất, đồng thời nâng cao công suất các xí nghiệp muối, đường, gốm... xây dựng các xí nghiệp mây tre lá, thủ công mỹ nghệ, sơn mài... của các hợp tác xã tiêu thủ công nghiệp.

Văn hóa - xã hội cũng có những kết quả đáng ghi nhận. Công tác xóa nạn mù chữ được thực hiện đều khắp trong nhân dân; chăm lo tổ chức bổ túc văn hóa nhằm nâng cao trình độ học vấn cho cán bộ. Đến cuối năm 1976, toàn tỉnh đã có 10.000 học sinh thuộc hệ giáo dục phổ thông. Đến năm 1983, tỉnh có 3 trường sư phạm, 13 trường bổ túc văn hóa tập trung, 1 trường thanh niên các dân tộc. Ngành y tế cũng có cố gắng mới trong chăm sóc sức khỏe cho người dân, trung bình 10.000 dân có 29 giường bệnh (năm 1983).

Dựa vào các phong trào Bảo vệ an ninh Tổ quốc, quốc phòng toàn dân được phát động sâu rộng, ta giải quyết xong vấn đề FULRO chủ yếu bằng vận động chính trị, có kết hợp quân sự. Trật tự trị an được giữ vững tạo điều kiện thuận lợi, an toàn cho các ngành hoạt động trong tỉnh. Năm 1978, tỉnh Thuận Hải tham gia làm nghĩa vụ quốc tế tại Campuchia, giúp bạn xây dựng các công trình về giáo dục, y tế, thương nghiệp và chiến đấu chống bọn diệt chủng.

Từ năm 1983 đến năm 1986, tình hình khó khăn chung của cả nước có ảnh hưởng nhất định đến sản xuất, phân phối lưu thông và đời sống nói chung của nhân dân trong tỉnh. Đại hội VI của Đảng (12-1986) đã kịp thời đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Dựa vào phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm (1986 - 1990) và 3 chương trình kinh tế lớn, tỉnh Thuận Hải đã có những chuyển biến, nhất là trong sản xuất, lưu thông lương thực. Cơ chế khoán trong nông nghiệp đã tạo ra năng lực sản xuất mới với mức đạt 299 000 tấn lương thực trong thời gian này. Chính sách kinh tế nhiều thành phần đã làm cho thị trường hàng hóa phong phú, đa dạng, cung ứng thuận lợi cho người tiêu dùng. Việc xây dựng các công trình trọng điểm và cơ sở hạ tầng được đẩy mạnh với tổng số vốn đầu tư 5 năm hàng trăm tỉ đồng. Điện lưới quốc gia đã về đến các huyện lỵ, kể cả Phú Quý. Các công trình thủy lợi được xây dựng, trong đó có hồ Sông Quao, bắt đầu phát huy tác dụng.

Tuy vậy, thời gian từ năm 1976 đến năm 1991 cũng bộc lộ nhiều hạn chế, vướng mắc nhất là trong cơ chế quản lý kinh tế - xã hội. Thời kì đổi mới đưa lại nhiều thuận lợi song cũng xảy ra không ít khó khăn.

### 3. Các kì Đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận Hải (1977 - 1986)

Thời gian	Đại hội
Từ ngày 26-2 đến ngày 3-3-1977	Đảng bộ tỉnh Thuận Hải tiến hành Đại hội lần IV tại thị xã Phan Rang - Tháp Chàm. Đồng chí Lê Văn Hiến được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, các đồng chí Trần Đệ, Trần Ngọc Trác được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.
Từ ngày 16-10 đến ngày 23-10-1979	Đảng bộ tỉnh Thuận Hải tiến hành Đại hội lần V tại thị xã Phan Thiết. Đồng chí Lê Văn Hiến được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Trần Đệ, Trần Ngọc Trác được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.
Từ ngày 03-3 đến ngày 07-3-1983	Đảng bộ tỉnh Thuận Hải tiến hành Đại hội lần VI tại thị xã Phan Thiết. Đồng chí Lê Văn Hiến được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Trần Đệ, Trần Ngọc Trác được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.
Từ ngày 12-10 đến ngày 18-10-1986	<p>Đảng bộ tỉnh Thuận Hải tiến hành Đại hội lần VII tại thị xã Phan Thiết. Đồng chí Mãn Tấn Dũng được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Nguyễn Trung Hậu, Ngô Triều Sơn được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Sau đó, đồng chí Nguyễn Trung Hậu thay đồng chí Mãn Tấn Dũng làm Bí thư Tỉnh ủy.</p> <p>Tháng 4-1992, khi chia tách tỉnh Thuận Hải thành Ninh Thuận và Bình Thuận, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Bình Thuận do đồng chí Ngô Triều Sơn làm quyền Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Đinh Trung làm Ủy viên Thường vụ trực Đảng.</p>

*Chủ đề 8***BÌNH THUẬN TỪ NGÀY TÁI LẬP TỈNH NĂM 1992 ĐẾN NAY****1. Tái lập tỉnh, xây dựng và phát triển quê hương theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa (1992 - 2020)**

Ngày 26 - 12 - 1991, tại kì họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã ra Nghị quyết chia tỉnh Thuận Hải thành 2 tỉnh: tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Bình Thuận. Tại thời điểm này, tỉnh Bình Thuận có 9 đơn vị hành chính gồm: thị xã Phan Thiết và 8 huyện: Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân, Đức Linh, Tánh Linh, Phú Quý. Vào năm 1999, thị xã Phan Thiết được nâng cấp lên thành phố trực thuộc tỉnh. Năm 2005, thành lập thị xã La Gi từ một phần đất của huyện Hàm Tân.

Các kỳ đại hội Đảng bộ tỉnh từ lần thứ VIII (tháng 11 - 1992) đến lần thứ XIII (tháng 10 - 2015) đã bầu các Ban Chấp hành Đảng bộ mới, vạch ra nhiệm vụ, phương hướng chủ yếu, ổn định và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Từ năm 1992 đến năm 2020, tỉnh Bình Thuận đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật; trong số đó, phải kể đến một số thành tựu như sau:

*Phát triển du lịch - ngành dịch vụ không khói*

Ngày 24-10-1995, nhật thực toàn phần diễn ra tại Việt Nam, kéo dài từ Lộc Ninh, Bình Long, Định Quán qua Nam Bảo Lộc, Phan Thiết - Mũi Né. Trong các địa điểm trên thì quan sát nhật thực toàn phần tại Phan Thiết - Mũi Né thích hợp nhất. Phan Thiết - Mũi Né là vùng du lịch biển, giao thông thuận tiện. Qua sự kiện này, ngành du lịch Bình Thuận được khắp nơi biết đến và ngày càng phát triển. Vào dịp kỉ niệm 10 năm nhật thực toàn phần diễn ra tại Việt Nam (1995 - 2005), Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định lấy ngày 24-10 hàng năm làm ngày Du lịch Bình Thuận. Đến năm 2007, Bình Thuận có những khu nghỉ dưỡng 3 sao, 4 sao như Sài Gòn - Mũi Né, Panadus, làng Thụy Sĩ... diện tích khác nhau (từ 2.000 m<sup>2</sup> - 10.000 m<sup>2</sup>), kiểu dáng đa dạng phong phú, làm bằng nhiều nguồn nguyên, vật liệu. Một số tạp chí châu Á và thế giới so sánh nơi đây giống như Puket của Thái Lan. Trung tâm sách Kỉ lục Việt Nam công nhận Bình Thuận là địa phương có resort - hotel nằm dọc biển nhiều nhất Việt Nam.

Số lượt du khách đến với Bình Thuận liên tục tăng qua từng năm. Từ năm 2016 - 2020, toàn tỉnh đón 28.000.000 lượt du khách, trong đó du khách quốc tế hơn 3.000.000 lượt. Khu du lịch quốc gia Mũi Né được quan tâm xây dựng và tiếp tục

giữ vững thương hiệu. Loại hình và sản phẩm du lịch ngày càng đa dạng như: Bảo tàng nước mắm Phan Thiết, Chương trình Huyền thoại Làng chài (Fishermen show), khinh khí cầu, lướt ván, điem tham quan Bồng lai tiên cảnh, Lâu đài rượu vang, Công viên tượng cát...



Mũi Né - Phan Thiết, nhiều năm qua trở thành trung tâm du lịch nổi tiếng của Việt Nam

*Phát triển kinh tế, chú trọng thể mạnh mang lại lợi ích cho nông dân*

Cuối năm 2006, hơn 7.000 ha thanh long được trồng tập trung ở Phan Thiết, Hàm Thuận Nam, Hàm Thuận Bắc, trong đó Hàm Thuận Nam chiếm diện tích lớn nhất là 4.127 ha. Lúc đầu, người dân chỉ sản xuất 1 vụ/năm (từ tháng 6 đến tháng 8), sau đó, nhờ áp dụng khoa học - kỹ thuật, thanh long ra trái quanh năm, không chỉ chiếm lĩnh thị trường trong nước mà còn được xuất khẩu ra thị trường quốc tế. Tháng 11-2006, thanh long Bình Thuận đăng ký sở hữu thương hiệu tại Cục sở hữu trí tuệ công nhận xuất xứ hàng hoá. Các khu resort chế biến thanh long thành món ăn độc đáo như: gỏi thanh long và rong nho, cơm chiên thanh long, canh thanh long, chè thanh long... Trung tâm sách Kỷ lục Việt Nam đã xác nhận kỷ lục Bình Thuận có diện tích trồng thanh long nhiều nhất.

Đến năm 2020, sản xuất thanh long theo tiêu chuẩn an toàn ngày càng được chú trọng, diện tích thanh long toàn tỉnh đạt 31.000 ha, tăng 18,9% so năm 2015; sản lượng thanh long đạt 680.100 tấn, tăng 45,2% so với năm 2015. Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có khoảng 10.500 ha thanh long được cấp chứng nhận VietGAP (chiếm 35% tổng diện tích thanh long toàn tỉnh).

Tỉnh đã nỗ lực đầu tư các công trình thủy lợi, trong đó, có nhiều công trình lớn như: Sông Quao, Cà Giây, Sông Lòng Sông, Đu Đủ, đập dâng Tà Pao... và nâng cấp nhiều công trình thủy lợi khác nhằm nâng diện tích chủ động nước, tạo điều kiện thâm canh tăng vụ, nâng cao hiệu quả cây trồng. Tất cả hệ thống hồ thủy lợi từ phía Bắc vào đến phía Nam tỉnh, từ vùng đồng bằng đến vùng sâu, vùng xa,

vùng căn cứ kháng chiến, miền núi được kết nối bởi những tuyến kênh thủy lợi. Mặc dù gặp nhiều khó khăn về địa hình, kinh phí thực hiện nhưng toàn tỉnh đã tạo được sự liên thông giữa các hồ và xây dựng hệ thống kênh mương đều khắp các vùng sản xuất. Nhờ vậy, công suất tưới thực tế của các hồ thủy lợi tăng từ 1,5 đến 2 lần công suất thiết kế. Diện tích lúa được tưới chủ động từ 8,4% (năm 1991) lên 80% (năm 2020) đem lại hiệu quả, đáp ứng sản xuất nông nghiệp của người dân Bình Thuận.

Kinh tế thủy sản phát triển, cả khai thác và nuôi trồng gắn với công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Đến năm 2020, toàn tỉnh có khoảng 6.800 tàu thuyền/1.080.000 CV, công suất bình quân đạt 175,6 CV/thuyền, trong đó tàu thuyền từ 90 CV trở lên có 3.400 chiếc. Sản lượng khai thác hải sản năm 2020 đạt 222.000 tấn, tăng 6,3% so năm 2015. Các tàu thuyền đóng mới từ chương trình khai thác xa bờ đã phát huy tốt. Nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh ở các vùng, địa phương với hình thức đa dạng theo quy mô hộ gia đình, như nuôi tôm sú, cá bống tượng, rô phi đơn tính, cá lóc, cá tra, cá mú... Nuôi tôm giống phát triển khá nhanh, mang lại nhiều kết quả khả quan; tiếp tục giữ vững uy tín thương hiệu tôm giống Bình Thuận. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 141 cơ sở sản xuất tôm giống/783 trại/80.600 m<sup>3</sup> bể ương, sản xuất theo quy trình công nghiệp; sản lượng sản xuất và tiêu thụ tôm giống năm 2020 ước đạt 24,5 tỉ post, tăng 14,6% so với năm 2015.

#### *Các dự án năng lượng và các khu công nghiệp hình thành*

Ngày 29-10-2003, Công ti Liên doanh dầu khí Cửu Long thu được dòng dầu từ mỏ Sư Tử Đen, đánh dấu sự hình thành một nền kinh tế mới đầy tiềm năng của tỉnh: dầu khí và dịch vụ dầu khí. Từ năm 2003 đến năm 2005, mỏ dầu Sư Tử Đen đã cho trữ lượng khai thác đạt 50.000 đến 80.000 thùng/ngày. Đến năm 2007, có 7 mỏ dầu đã và đang khai thác: Rạng Đông, Hồng Ngọc, Sư Tử Đen, Sư Tử Nâu, Sư Tử Trắng, Sư Tử Vàng và Emerald.

Các dự án sản xuất điện được triển khai tích cực. Năm 2014 hoàn thành đưa vào vận hành phát điện tổ máy số 1 (622 MW), tổ máy số 2 (622 MW) nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2. Năm 2019, tiếp tục hoàn thành và đưa vào vận hành nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 (2 tổ máy x 622 MW).

Năm 2019, có 6 khu công nghiệp đã và đang đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, với tổng diện tích 1.094 ha, thu hút 33 dự án đầu tư thứ cấp (trong đó có 11 dự án FDI), với tổng vốn đăng kí đầu tư 1.363 tỷ đồng và 57,9 triệu USD. Toàn tỉnh có 22 cụm công nghiệp thu hút 169 dự án đầu tư với tổng diện tích 219 ha, chiếm khoảng 31,45% diện tích đất công nghiệp; đã đầu tư hạ tầng tương đối hoàn chỉnh 3 cụm công nghiệp.





Điện gió Tuy Phong

*Hệ thống đường giao thông được đầu tư, kết nối đến các vùng trong tỉnh*

Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông được xây dựng đến tận các vùng, miền, cả các xã miền núi, đáp ứng khá tốt nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương. Các tuyến đường tại các thị trấn, các tuyến quan trọng giao lưu giữa các huyện đều được nhựa hóa. Các tuyến giao thông quan trọng phục vụ phát triển kinh tế của tỉnh như: Quốc lộ 28; Quốc lộ 55; đường Hàm Minh - Thuận Quý; đường Phan Thiết - Kê Gà - La Gi; Phan Thiết - Mũi Né - Hòa Thắng; Sông Mao - Phan Sơn; Chí Công - Bình Thạnh; đường ĐT 707 - Hàm Càn - Mỹ Thạnh, đường Phú Hội - Cẩm Hang - Sông Mao; đường ĐT 712 - Thị trấn Đức Tài, ; đường giao thông trên đảo Phú Quý; đường Hòn Lan - Kê Gà; các tuyến Lạc Tánh - Đức Phú, cảng Phan Thiết, cảng Phú Quý... đã được đầu tư làm mới và nâng cấp, hình thành nên mạng lưới giao thông khá hoàn chỉnh trên địa bàn tỉnh và kết nối các tỉnh trong khu vực. Loại hình phương tiện vận tải phát triển nhanh, trong đó vận tải xe buýt và vận tải đường sắt tuyến Phan Thiết - Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng tốt nhu cầu đi lại của nhân dân và khách du lịch. Vận tải đường biển tuyến Phan Thiết - Phú Quý duy trì hoạt động ổn định. Khối lượng luân chuyển hàng hoá tăng bình quân 10%/năm; luân chuyển hành khách tăng bình quân 8,8%/năm. Các tuyến giao thông đối ngoại và nội tỉnh tiếp tục được đầu tư; mạng lưới điện cao thế, trung thế đã phủ khắp; các công trình cung cấp nước sạch được đầu tư xây mới và nâng cấp; tiếp tục triển khai Dự án kè chống xói lở bờ biển khu phố 2 và 3 phường Hàm Tiến, Kè chống lũ gắn với cải tạo môi trường sông Cà Ty; tiếp tục đầu tư Khu neo đậu tránh bão cho tàu cá Phú Hải, dự án nâng cấp Cảng cá Phan Thiết.



Tàu chở khách đường biển Phan Thiết - Phú Quý

### *Giáo dục - y tế - văn hóa tiếp tục phát triển*

Hoạt động giáo dục - đào tạo chuyển biến tích cực; đã thực hiện tốt việc kiên cố hóa trường học, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học. Đến hết năm 2019, duy trì tốt việc đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, phổ cập trung học cơ sở mức độ 1. Tính đến tháng 6/2020, toàn tỉnh có 246/548 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, đạt 44,89%. Chất lượng các cấp học được nâng lên; đặc biệt, trong các năm gần đây, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông của tỉnh cao hơn tỉ lệ chung của toàn quốc. Bên cạnh đó, ngành Giáo dục tỉnh luôn chú trọng việc rà soát quy hoạch, sắp xếp mạng lưới trường lớp hợp lý; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá chất lượng giáo dục, phổ biến tinh thần giáo dục tích hợp: Khoa học - Công nghệ - Kỹ thuật - Toán (STEM), đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy học và quản lí. Thực hiện triển khai chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đại trà lớp 1 (từ năm học 2020-2021). Chú trọng bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm cho giáo viên ngoại ngữ các cấp học, chuẩn hóa năng lực ngoại ngữ của tất cả giáo viên tiếng Anh theo yêu cầu Đề án Ngoại ngữ quốc gia. Chú trọng xây dựng văn hóa học đường, trang bị kỹ năng sống cho học sinh, đảm bảo an ninh, an toàn trong nhà trường, lớp học. Các trung tâm giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp và dạy nghề ở các địa phương được sắp xếp hợp lý. Tiếp tục thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa, tạo điều kiện phát triển các trường, lớp tư thục, nhất là ở bậc học mầm non.

Mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở được củng cố và phát triển; trang thiết bị được đầu tư; đội ngũ thầy thuốc được đào tạo, bồi dưỡng... cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đến năm 2020, 100% xã, phường, thị trấn đều có trạm y tế hoặc phòng khám đa khoa khu vực. Tỉ lệ trạm y tế xã có bác sĩ đạt 100%; tỉ lệ trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi đạt 100%; đến cuối năm 2020, tỉ lệ trạm y tế xã đạt theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế đạt 100%. Từ đó, chất lượng khám bệnh, chữa bệnh tiếp tục được nâng lên. Đội ngũ thầy thuốc được chú trọng đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn gắn với giáo dục y đức theo phương châm

“sáng về y đức, sâu về y lý, giỏi về y thuật”. Năm 2019, Sở Y tế phối hợp, tổ chức đào tạo bác sĩ gia đình cho các đơn vị thuộc Sở. Năm 2020, tỉnh từng bước phát triển mô hình bệnh viện vệ tinh: Có 3 bệnh viện đang triển khai thực hiện: *Bệnh viện Đa khoa khu vực La Gi* là bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện Từ Dũ (nâng cao năng lực chuyên môn về các lĩnh vực sản phụ khoa, cấp cứu sản phụ khoa và cấp cứu sơ sinh); *Bệnh viện Đa khoa tỉnh và bệnh viện đa khoa An Phước* là bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện Chợ Rẫy (phát triển chuyên khoa tim mạch, tăng tỉ lệ điều trị hiệu quả các bệnh lý tim mạch, giảm tỉ lệ chuyển tuyến bệnh nhân cần can thiệp tim mạch, giảm tỉ lệ điều trị thất bại và tử vong do nhồi máu cơ tim, tai biến mạch máu não). Điều trị thành công và ngăn ngừa có hiệu quả sự lây lan của đại dịch Covid-19.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ ngày càng hướng mạnh về cơ sở, với việc tổ chức nhiều buổi văn nghệ, chiếu phim; triển lãm tài liệu, sách. Đến năm 2020, tỉnh phát triển thêm một số loại hình văn hóa, nghệ thuật thu hút nhân dân và du khách tham gia như chương trình sân khấu nhạc nước Huyện thoại làng chài, Công viên tượng cát, chương trình nghệ thuật vào các dịp lễ, Tết... Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, các lễ hội truyền thống được quan tâm thực hiện như: Lễ hội giỗ Tổ các vua Hùng tại Đền thờ Hùng Vương, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong được tổ chức từ năm 2016; lễ hội Tết Katê của đồng bào Chăm được tổ chức hàng năm. Đến năm 2020, toàn tỉnh hiện có 28 di tích cấp quốc gia, 2 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia; 42 di tích cấp tỉnh.

Các hoạt động thể dục - thể thao được đẩy mạnh. Thể thao thành tích cao đạt kết quả khá. Từ năm 2015 đến năm 2020, thể thao Bình Thuận nổi bật ở các môn Taekwondo, điền kinh, đua thuyền, canoeing... với 582 huy chương (trong đó 212 vàng, 173 bạc, 197 đồng). Một số vận động viên nổi bật được tham dự Seagame như: Nguyễn Thị Lệ Kim, Nguyễn Thị Kim Hà (Taekwondo), Nguyễn Tấn Công (Judo), Phạm Ngọc Sang (Canoeing). Bình Thuận còn đăng cai tổ chức thành công các giải thể thao quốc gia như: Bóng chuyền bãi biển, Taekwondo, bóng rổ, bóng ném, đua thuyền truyền thống, Vovinam, bóng đá hạng Nhì... Hoạt động thể thao quần chúng được chú trọng, phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” được tăng cường.

Thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, cùng với cả nước, Bình Thuận đã vượt qua không ít những khó khăn, thực hiện nhiệm vụ chính trị tạo sự chuyển biến tích cực trên nhiều mặt. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng; cơ sở vật chất và năng lực các ngành, các lĩnh vực được tăng cường; các hoạt động văn hóa - xã hội có những tiến bộ mới; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện, mức sống nhân dân được nâng cao; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ

vững; hệ thống chính trị ngày càng nâng cao hơn vai trò, hiệu lực, hiệu quả quản lý xã hội...Đó là những kết quả tạo nền tảng cơ bản, quan trọng để thúc đẩy nền kinh tế - xã hội tỉnh Bình Thuận phát triển nhanh hơn trong thời gian đến.

## 2. Các kì Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Thuận (1992 - 2015)

Thời gian	Đại hội
Từ ngày 29-12 đến ngày 31-12-1992	Đảng bộ tỉnh Bình Thuận tiến hành Đại hội lần VIII tại thị xã Phan Thiết. Đồng chí Đinh Trung được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Đặng Văn Hải được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Quang Tường được bầu làm Ủy viên Thường vụ trực Đảng.
Từ ngày 25-4 đến ngày 27-4-1996	Đảng bộ tỉnh Bình Thuận tiến hành Đại hội lần IX tại thị xã Phan Thiết. Đồng chí Đinh Trung, được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Đặng Văn Hải, Nguyễn Quang Tường được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.
Từ ngày 13-2 đến ngày 16-2-2001	Đảng bộ tỉnh Bình Thuận tiến hành Đại hội lần X tại thành phố Phan Thiết. Đồng chí Nguyễn Ánh Minh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương được Bộ Chính trị cử về làm Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Huỳnh Văn Tí được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.
Từ ngày 7-12 đến ngày 9-12-2005	Đảng bộ tỉnh Bình Thuận tiến hành Đại hội lần XI tại thành phố Phan Thiết. Đồng chí Huỳnh Văn Tí được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Huỳnh Tấn Thành, Lê Tiến Phương được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.
Từ ngày 27-9 đến ngày 30-9-2010	Đảng bộ tỉnh Bình Thuận tiến hành Đại hội lần XII tại thành phố Phan Thiết. Đồng chí Huỳnh Văn Tí được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng, Lê Tiến Phương được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.
Từ ngày 12-10 đến	Đảng bộ tỉnh Bình Thuận tiến hành Đại hội lần XIII

ngày 15-10-2015	tại thành phố Phan Thiết. Đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Huỳnh Thanh Cảnh, Nguyễn Ngọc Hai, Dương Văn An được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.
-----------------	--

**MỘT SỐ NHÂN VẬT LỊCH SỬ TIÊU BIỂU****1. Nguyễn Thông (1827 - 1884)**

Cụ Nguyễn Thông, tự Hi Phần, hiệu Kì Xuyên bảo nhân, biệt hiệu Độn Am, là quan nhà Nguyễn và là danh sĩ Việt Nam ở nửa đầu thế kỉ XIX. Ông sinh năm 1827 ở thôn Bình Thạnh, tổng Thạnh Hội Hạ, huyện Tân Thanh, phủ Tân An, tỉnh Gia Định (nay là xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành, tỉnh Long An). Năm 1844, Nguyễn Thông ra học ở Huế. Năm 1849, ông thi đậu cử nhân. Vì nhà nghèo không thể tiếp tục học, Nguyễn Thông nhận chức Huấn đạo tại Phú Phong, tỉnh An Giang. Năm 1856, ông được đề cử thăng “Hàn lâm viện tu soạn”, làm việc ở Nội các, tham gia biên soạn bộ “Nhân sự kim giám”<sup>(39)</sup>.

Năm 1859, khi thực dân Pháp đánh chiếm Gia Định, ông xin tòng quân và được cử làm tham mưu cho Thống đốc quân sự Tôn Thất Hiệp. Năm 1861, ông lui về Tân An tham gia chống Pháp ở địa phương. Năm 1862, sau khi Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Biên Hòa, Gia Định, Định Tường), ông ra “tị địa”<sup>(40)</sup> ở Bình Thuận nhưng chỉ ở đây một thời gian ngắn. Từ năm 1863 đến năm 1864, ông về Vĩnh Long giữ chức Đốc học<sup>(41)</sup>. Trong thời gian này, ông tích cực liên lạc với các tổ chức chống Pháp và giúp nhân dân trong việc giáo dục.

Năm 1867, khi 6 tỉnh Nam Kỳ (lục tỉnh)<sup>(42)</sup> mất trọn vào tay giặc Pháp, ông cùng một số sĩ phu theo đường biển “tị địa” ra Bình Thuận. Đến Bình Thuận lần này, với tầm nhìn xa, ông trèo non lội suối mở cuộc thám hiểm tận vùng thượng nguồn sông La Ngà (địa bàn thuộc huyện Tánh Linh ngày nay), nơi có thế rừng núi hiểm trở với tiềm lực kinh tế dồi dào có thể tạo thành căn cứ chống giặc lâu dài. Từ cuối năm 1867, Nguyễn Thông rời Bình Thuận đi nhận chức Án sát tỉnh Khánh Hoà<sup>(43)</sup>. Năm 1868, ông được điều về kinh làm Biện lý bộ Hình, sau đó lãnh chức Bố chánh Quảng Ngãi.

Năm 1873, do bệnh tình, ông xin cáo quan trở về Bình Thuận nghỉ ngơi an dưỡng. Tại đây, ông kết bạn cùng các thân hào trí thức địa phương, đồng thời thực

<sup>(39)</sup> “Nhân sự kim giám”: gương vàng soi việc người.

<sup>(40)</sup> Đến một vùng đất mới để lẩn tránh sự truy đuổi, bắt bớ của địch.

<sup>(41)</sup> Chức quan văn cấp tỉnh được lập thời Nhà Nguyễn. Quan Đốc học chỉ đạo việc giáo dục, học hành tại một tỉnh.

<sup>(42)</sup> Biên Hòa, Gia Định, Định Tường (Pháp chiếm 1862), Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên (Pháp chiếm 1867).

<sup>(43)</sup> Án sát: chức quan phụ trách các vấn đề an ninh, kiện tụng, kỷ cương của một tỉnh.



hiện các hoạt động khai khẩn. Năm 1874, triều đình cho phục chức, làm việc trong bộ Lễ nhưng khi đến Huế, ông lại bị bệnh nên phải cáo về. Năm 1876, ông lại được triệu về kinh, giữ chức Tu nghiệp Quốc Tử Giám. Thời gian này ông cùng với các quan trong triều khảo duyệt bộ Khâm định Việt sử Thông giám cương mục, nhân đó soạn Việt sử cương giám khảo lược (tức Việt sử thông giám cương mục khảo lược). Năm 1877, triều đình cử ông về làm Doanh điền sứ Bình Thuận, sau lãnh chức Bố chánh tỉnh Bình Thuận. Ông lại mở cuộc khảo sát dài ngày vùng núi phía Tây Bình Thuận, ông đến Núi Ông, núi Cà Tong, Biền Lạc, Võ Xu, Võ Đất, Mê Pu,... đặt kế hoạch khai thác, tận dụng nguồn lợi đất đai giúp cải thiện cuộc sống của dân; nhưng sau đó phải đình chỉ vì vấp phải sự phản kháng của thực dân Pháp.

Cuối năm 1877, Nguyễn Thông được cử chức Bố chánh Bình Thuận. Đồng bào địa phương nhắc đến ông bằng cái tên trìu mến “Ông Bố”, một vị quan thanh khiết, gần gũi với mọi người. Từ năm 1878, sức khoẻ giảm sút, ông lại lui về trại núi ở Vĩnh Hoà thuộc vùng Xa Ra, phủ Hàm Thuận để an dưỡng. Thời gian này, ông tập hợp dân “tị địa” ở Nam Kỳ ra, lập Đồng Châu xã, giúp họ ổn định cuộc sống nơi quê mới. Năm 1881, ông được bổ nhiệm Phó sứ Điền nông<sup>(44)</sup> kiêm Đốc học Bình Thuận; lập thi xã ngâm vịnh và dựng đền Ngụ hiền ở làng Long Khê, tổng Đức Thắng, huyện Tuy Lý và mua đất dựng nhà từ đường ở làng Thành Đức bên bờ hữu ngạn sông Phan Thiết. Cạnh nhà từ đường, ông cho cất thêm một cái gác nhỏ đặt tên là Ngoạ Du Sào (chỗ nằm chơi). Tại đây ông tu chỉnh các tác phẩm của mình tập hợp trong các bộ “Ngoạ du sào văn tập”, “Độn Am văn tập”, “Kỷ Xuyên văn sao”, “Dưỡng chính lục”,...

Với Bình Thuận, cụ Nguyễn Thông có mối lương duyên đặc biệt sâu sắc; phần lớn thời gian ông hoạt động ở Bình Thuận và coi đây như quê hương thứ hai. Trong thời gian nghỉ dưỡng, ông vẫn thường xắn xắn cho vận mệnh đất nước. Ông dành thời gian nhàn rỗi đi thăm các thắng cảnh ở địa phương và gặp gỡ chức sắc, dân lành. Ông đã viết nhiều bài thơ ca ngợi cảnh trí thiên nhiên của Bình Thuận. Ông mất năm 1884 tại Phan Thiết, phủ Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận. Mộ phần của ông đặt tại chân núi Ngọc Sơn (tức núi Cồ), thôn Ngọc Lâm, phía Đông phủ Hàm Thuận (nay là thôn Ngọc Hải, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết).

Cụ Nguyễn Thông là một nhà hoạt động chính trị, xã hội, nhà giáo dục, nhà thơ, nhà viết sử yêu nước, có quan điểm tiến bộ - đã đóng góp vào sự nghiệp cứu nước cũng như sự nghiệp phát triển kinh tế và văn hóa của đất nước cũng như Bình Thuận. Tên của ông được đặt cho nhiều tên đường, trường học ở Nam Bộ, Nam

<sup>(44)</sup> Công việc chính là xây dựng đồn điền một khu vực.

Trung Bộ. Tại Phan Thiết, tên ông được đặt cho tên đường và một ngôi trường Trung học cơ sở thuộc phường Phú Hải.



Cù Nguyễn Thông

## 2. Ung Chiếm (? - 1886)

Ông Ung Chiếm chưa rõ năm sinh, quê ở làng Lại An (nay thuộc xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc), là Chánh tổng Lại An (phủ Hàm Thuận). Ung Chiếm là người tinh thông võ nghệ, lại có tài mưu lược và tinh thần khí khái.

Năm 1885, hưởng ứng chiếu Cần vương, ông đã chiêu mộ nghĩa quân đứng lên đánh Pháp và tay sai. Nghĩa quân Ung Chiếm tập hợp được nhiều tầng lớp nhân dân, đóng căn cứ từ làng Tân Xuân, Khánh Tường, Thuận Sen đến rừng cát Thuận Mỹ, Long Thạnh và thường xuyên tập quân sĩ ở làng Kim Ngọc (nay thuộc địa phận xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc). Ông tự xưng là Chánh sơn phòng, còn chức Phó sơn phòng giao cho ông Từ Sĩ Vệ, người làng Sơn Thủy. Bộ chỉ huy nghĩa quân còn có Chánh lãnh binh Võ Cẩn, người làng Long Thạnh, thầy Tài - người làng Tầm Hưng và ông Huỳnh Hữu Trí, người làng Tùy Hòa. Nhờ sự ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân các địa phương, nghĩa quân Ung Chiếm đã bao vây, tiêu diệt bọn quan quân triều đình tại phủ Hàm Thuận (đóng trên đất làng Phú Tài cạnh Phan Thiết) và làm chủ trên một số địa bàn. Bất lực trước sức mạnh và thanh thế của nghĩa quân, bọn tay sai ở phủ và tỉnh Bình Thuận phải cầu viện binh từ Sài Gòn. Ngày 28-7-1886, thực dân Pháp cử tên thiếu tá Delorme và tên tay sai

khét tiếng Trần Bá Lộc chỉ huy đội quân lính khố đỏ tiến đánh vào Hàm Thuận. Tuy vũ khí còn thô sơ nhưng với lòng căm thù giặc sâu sắc, nghĩa quân Ung Chiếm đã dàn mặt trận từ vùng Bến Lội đến Lại An chống trả quyết liệt. Sau 3 ngày đêm chiến đấu, nghĩa quân bị tổn thất, ông Ung Chiếm cho rút quân qua vùng Dương Xuân, Phước Môn, trũng Ba Cơ; lấy sông Cái làm phòng tuyến cố thủ. Khi quân Pháp tràn qua sông, nghĩa quân Ung Chiếm lại rút sâu vào rừng, củng cố đội ngũ để tiếp tục chiến đấu chống giặc. Cuối cùng, do lực lượng không cân sức, nghĩa quân bị thua trận. Ung Chiếm và người con trai sa vào tay giặc và bị đưa ra xử chém. Giặc Pháp bỏ đầu ông vào giỏ treo nhiều ngày ở chợ Dinh (nay thuộc địa bàn trị trấn Phú Long) để uy hiếp tinh thần nhân dân. Những người thân cận của Ung Chiếm cũng bị truy lùng ráo riết và bị giặc giết hàng loạt sau đó. Tuy việc lớn không thành nhưng tinh thần yêu nước nồng nàn và dũng khí quật cường của nghĩa quân Ung Chiếm mãi mãi là niềm tự hào của nhân dân Hàm Thuận - Bình Thuận.

Để tưởng nhớ công trạng của ông, sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện Hàm Thuận đã đặt tên xã Lại An Hạ lúc bấy giờ là xã Ung Chiếm. Hiện nay, tên ông được đặt cho một thôn thuộc xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc và một con đường thuộc phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết.

### **3. Trương Gia Mô (1866 - 1929)**

Cụ Trương Gia Mô hiệu Cúc Nông, tên tự lúc đầu là Sư Thánh sau đổi là Sư Quán, biệt hiệu Hoài Huyền Tử, khi làm quan ở Huế, còn được gọi là Nghè Mô; là sĩ phu và quan đại thần triều Nguyễn và là nhà thơ Việt Nam ở những năm đầu thế kỉ XX. Ông sinh năm 1866, quê ở làng Tân Hào, huyện Bảo An, tỉnh Vĩnh Long (nay thuộc huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre). Cha ông là Trương Gia Hội, từng làm Tuần phủ Thuận Khánh (Bình Thuận - Khánh Hòa) dưới triều vua Tự Đức, nổi tiếng là người khảng khái. Từ thuở bé ông đã theo cha ra sống ở Bình Thuận, Khánh Hòa.

Sớm mồ côi cha, Trương Gia Mô lớn lên trong sự chăm nom, giáo dục chu đáo của mẹ. Ông vốn thông minh, học giỏi từ nhỏ và tìm đọc rất nhiều loại sách, kể cả sách khoa học, công nghệ, ngoại thương của phương Tây được dịch ra tiếng Hán. Nhờ đó, ông tinh thông văn thơ, sử địa, kinh tế, quân sự. Năm 1892, ông đến kinh đô Huế và được bổ dụng làm Thừa phái bộ Công dưới đời vua Thành Thái. Chính do có quan tước, lại làm việc ở kinh sư lại hiểu biết nhiều nên sau này người đời làm tướng, gán cho ông học hàm tiến sĩ gọi là “Nghè Mô” (mặc dù ông không đỗ tiến sĩ). Ngoài hai mươi tuổi, ông dâng lên vua bản điều trần gồm năm điểm nhằm bày tỏ tâm huyết của mình đối với vận mệnh chung của đất nước và dân tộc,

bộc lộ khuynh hướng duy tân và sau đó xin sung vào phái đoàn đi sứ sang Pháp nhưng cũng không được chấp nhận. Bất mãn, ông trao trả ấn tín, từ quan về sống, dạy học ở Tân An. Tại đây, ông giao du với những người như Trần Chánh Chiếu, Nguyễn An Cư, Nguyễn An Khương... để cùng vận động cải cách, canh tân cho nước nhà.

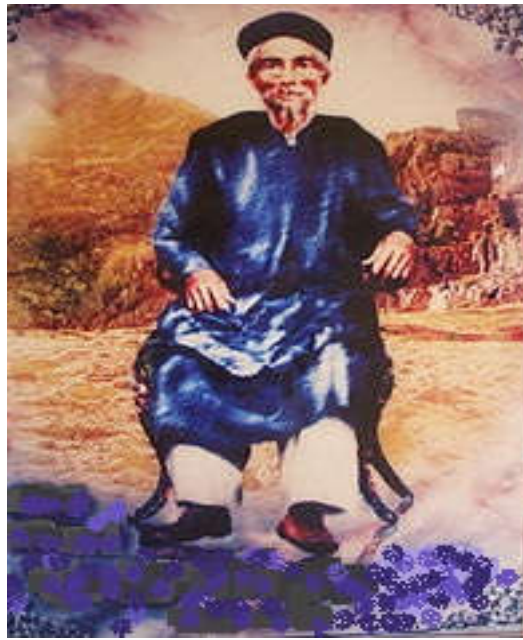
Khoảng trước năm 1905, ông quay về Bình Thuận ngụ tại làng Hà Thủy-Duông (xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận ngày nay). Năm 1904, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng “Nam du” để liên kết đồng chí chuẩn bị cho ra đời Hội Duy tân đã dừng chân ở Bình Thuận giao kết với Trương Gia Mô. Năm 1905, Trương Gia Mô còn là một trong những người sáng lập ra Hội Liên Thành và Trường Dục Thanh tại Phan Thiết, Bình Thuận nhưng về sau, khi bị bắt ông đã xóa tên cốt để tránh liên lụy đến hoạt động của tổ chức này.

Năm 1908, sau vụ chống thuế ở Trung Kỳ, hàng loạt nhân sĩ bị kết án, bị tử hình hoặc lưu đày. Trương Gia Mô cũng bị bọn cầm quyền Pháp kết tội tham gia vào tổ chức bí mật “đảng hội”, bị chúng bắt giam ở nhà lao Khánh Hòa. Không tìm được chứng cứ buộc tội ông, nên thực dân Pháp phải thả ông. Ông trở về lại Bình Thuận lúc đã ngoài 40 tuổi, làm nghề bốc thuốc chữa bệnh cho dân. Song ông vẫn bí mật liên lạc với Tri phủ Tôn Thất Doãn và các thành viên trong Hội Duy tân ngấm ngầm gây dựng lại phong trào.

Năm 1910, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành được cha là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc giới thiệu đến gặp cụ Trương Gia Mô ở làng Hà Thủy, tổng Đa Phước, tỉnh Bình Thuận. Nhận sự gửi gắm của bạn, lại thấy Tất Thành có chí hướng, nên ông giới thiệu Nguyễn Tất Thành với ông Hồ Tá Bang (một trong các sĩ phu sáng lập viên của công ti Liên Thành và trường Dục Thanh ở Phan Thiết) vào dạy học tại trường Dục Thanh. Năm 1911, ông cùng Hồ Tá Bang, Trần Lê Chất đưa Nguyễn Tất Thành vào Sài Gòn, rồi ở luôn trong Nam.

Những năm cuối đời, phần vì tuổi cao, nhiều bệnh, phần bị mật thám theo dõi rình rập, ông luôn sống trong tâm trạng phần uất của một người bất đắc chí. Vào cuối năm 1929, ông đã gieo mình xuống núi Sam, Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), kết thúc một cuộc đời đầy hoài bão và nặng lòng vì nước, vì dân.

Về tác phẩm, Trương Gia Mô có hai tập thơ chính là Gia Định Tam Tiên liệt truyện (chép tiểu sử và sự nghiệp của Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân, Hồ Huân Hiệp) và Thu hoài phú (nay đã thất lạc), tập thơ chữ hán Cúc Nông thi thảo gồm 35 bài và 10 bài thơ Nôm đăng trên báo Nam Phong. Tên ông được đặt cho một con đường thuộc phường Đức Nghĩa, thành phố Phan Thiết.



Cụ Trương Gia Mô

#### **4. Nguyễn Trọng Lợi (1871 - 1912)**

Ông Nguyễn Trọng Lợi (Nguyễn Trọng Lợi) tự là Trọng Canh, hiệu Lãn Viên, sinh ngày 15 tháng 02 năm Tân Mùi (1871) tại huyện Tuy Lý, phủ Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận. Ông là con trai trưởng của Bô chánh Nguyễn Thông và ở vào hàng thứ năm trong gia đình nên được quen gọi là Âm Năm. Thời trai trẻ, ông vốn chăm học nhưng không theo con đường khoa cử và cũng giỏi làm thơ. Tập “Lãn Viên thi thảo” của ông “tuy nói về cảnh gió trăng nhưng cảm khái về đất nước nước mắt còn cũng có lúc gởi gắm vào đó”. Nét nổi bật trong cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trọng Lợi là đã cùng em trai Nguyễn Quý Anh (1883 - 1938) sớm hưởng ứng cuộc vận động Duy Tân do Phan Châu Trinh khởi xướng, đứng ra sáng lập và trực tiếp điều hành Dục Thanh học hiệu (trường Dục Thanh-1907) tại Phan Thiết cùng với các tổ chức Liên thành thương quán (3/1906), Liên thành thơ xã (5/1906). Ông từ trần vào ngày 16 tháng 6 năm Nhâm Tý (1912). Nguyễn Trọng Lợi luôn tỏ rõ nhiệt tâm và nghị lực của mình, làm việc gì cũng đến nơi đến chốn, không ngại khó khăn, gian khổ. Tên của ông được đặt cho một con đường ở phường Xuân An, thành phố Phan Thiết.



Ông Nguyễn Trọng Lợi

### 5. Ngô Đức Tôn (1908 - 1931)

Ông Ngô Đức Tôn được sinh ra ở làng Tập Phúc, xã Tráo Nha, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Ông là người sáng lập Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở Bình Thuận. Ông xuất thân trong một gia đình nhà Nho giàu truyền thống yêu nước. Cha là Ngô Đức Thiệu, chiến sĩ kiên cường trong phong trào văn thân chống Pháp bị thực dân Pháp kết án khổ sai chung thân, mất tại nhà lao Thừa Phủ - Huế. Mẹ là Phan Thị Thuận, người phụ nữ Việt Nam giàu nghị lực, trong hoàn cảnh nhà cửa bị đốt phá, tài sản bị tịch thu, vẫn tần tảo nuôi 3 con thơ dại: một gái hai trai mà Ngô Đức Tôn là con út. Tuy cha mất sớm, Ngô Đức Tôn vẫn được cấp sách đến trường. Năm 1923, lên 15 tuổi, ông được người bác ruột là Ngô Đức Kế (nhà trí thức tiên bộ, đỗ tiến sĩ khi còn rất trẻ, có chân trong Đông Kinh Nghĩa Thục) chăm sóc dạy dỗ nên sớm hấp thụ tư tưởng cách mạng. Khi cụ Ngô Đức Kế hết hạn tù từ Côn Đảo trở về Hà Nội làm chủ bút báo Hữu Thanh, mở Giác quần thư xã, ông được giao một số công việc đầu mối liên lạc của tổ chức cách mạng.

Những năm 1925-1926, ông hăng hái đi đầu trong các cuộc bãi khóa của thanh niên học sinh đấu tranh đòi ân xá cụ Phan Bội Châu, truy điệu cụ Phan Châu Trinh nên bị đuổi học. Cuối năm 1926, Ngô Đức Tôn rời Hà Nội về quê nhà già từ mẹ để lên đường đi “vô sản hóa”. Tháng 6-1927, ông vào Quy Nhơn và đầu năm 1928 tới Phan Thiết. Tại đây, ông ở nhà cụ Lê Trọng Thiệu, nhà hoạt động cách mạng ở Hà Tĩnh bị địch khủng bố lánh vào Đại Nấm, Hàm Thuận sinh sống.

Hè năm 1928, ông vào học lớp sư phạm ngắn ngày ở Sở học chánh Bình Thuận rồi được bổ làm thầy giáo làng Tam Tân (nay là xã Tân Tiến, thị xã La Gi). Thời gian sống tại nhà cụ Lê Trọng Thiệu, Ngô Đức Tôn kết thân với Lê Trọng



Mân, con trai cụ Thiều, từ đó có mối quan hệ mật thiết với tổ chức Đảng Tân Việt mà Lê Trọng Mân là đảng viên Kỳ bộ Nam Kỳ. Năm 1929, Ngô Đức Tôn gia nhập Đảng Tân Việt. Đầu năm 1930, tổ chức cách mạng này đổi thành Đông Dương Cộng sản liên đoàn, sau đó được hợp nhất vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Cùng thời gian này, Dương Chúc, tức Trợ Châm, đảng viên cộng sản từ Khánh Hòa vào Bình Thuận gây dựng cơ sở Đảng. Qua liên hệ với gia đình cụ Lê Trọng Thiều, Ngô Đức Tôn được Dương Chúc kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ lúc tham gia tổ chức Tân Việt và trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Ngô Đức Tôn đã cống hiến hết mình vào việc tập hợp lực lượng cách mạng, xây dựng tổ chức quần chúng. Tại Tam Tân, ông gây dựng tổ chức “Phản đế Đồng minh hội”, tập hợp hơn 30 người với tâm huyết phản đế, bài phong, chống bất công, áp bức. Ông tuyên truyền giác ngộ phát triển được 6 đảng viên và cuối năm 1930 lập Chi bộ đầu tiên của Đảng ở Bình Thuận tại Dốc Ông Bằng, xã Tam Tân, huyện Hàm Tân, do ông làm Bí thư.

Giữa lúc hoài bão và chí lớn đang cháy bỏng thì ngày 8-5-1931 ông bị một cơn bệnh đột ngột và qua đời tại bệnh viện Phan Thiết khi mới 24 tuổi đời để lại sự tiếc thương vô cùng cho Chi bộ Đảng Tam Tân và đồng bào địa phương. Hiện nay, ông yên nghỉ tại khu vực cổng Chử Y, Phan Thiết. Tên của ông được đặt tên một con đường thuộc xã Phong Năm, thành phố Phan Thiết.

## **6. Hồ Quang Cảnh (1904 - 1933)**

Ông Hồ Quang Cảnh sinh năm 1904 tại Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An trong một gia đình nhà Nho yêu nước, cha ông là cụ Hồ Sĩ Lâm vừa là thầy dạy học vừa bốc thuốc chữa bệnh ở địa phương. Trong thời gian này, phong trào chống Pháp ở Quỳnh Lưu và nhiều nơi ở nước ta diễn ra mạnh mẽ song các cuộc đấu tranh đều bị địch đàn áp, nên không ít người muốn thoát khỏi sự kìm kẹp của kẻ thù ở địa phương ra đi tìm đến vùng đất mới. Khoảng năm 1910, gia đình cụ Hồ Sĩ Lâm vào Huế, sau đó vào Nam. Họ đã chọn Làng Rạng – Thiện Khánh làm nơi sinh sống (nay là phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết).

Lớn lên trên đất Bình Thuận, Hồ Quang Cảnh được cha kèm học chữ Nho, chữ Quốc ngữ ở trường làng. Năm 1920, ông được gia đình cho vào Phan Thiết học trường Pháp - Việt, thường ở trọ tại ngôi nhà số 6, đường Hàn Thuyên (ngày nay thuộc phường Lạc Đạo). Qua 6 năm học tại đây, ông thi lấy bằng tiểu học. Năm 1926, ông vào Sài Gòn tìm việc làm ở ga xe điện Tân Định. Tại đây, ông được tuyên truyền về đường lối cách mạng do Đảng Tân Việt tổ chức. Đầu năm 1930, 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam thống nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam, ông trở thành thành viên Đảng Cộng sản.

Tháng 7-1930, Xứ ủy Nam Kỳ cử ông về Bình Thuận hoạt động, chuẩn bị điều kiện phát triển phong trào cách mạng ở địa phương, ông thường xuyên về làng Rạng, tập hợp quần chúng tốt lập ra nhóm yêu nước, trong làng có 6 người tham gia. Thực hiện chủ trương của Đảng về tổ chức hoạt động nhân ngày thế giới chống chiến tranh đế quốc, ông cùng nhóm đảng viên ở Bình Thuận chuẩn bị in tài liệu, phân công người rải truyền đơn, cắm cờ. Từ tối ngày 14 rạng sáng ngày 15-8-1931, truyền đơn và cờ đỏ búa liềm tung bay trên nhiều tuyến đường. Tin ấy đã nhanh chóng truyền đi nhiều nơi trong tỉnh khiến địch hoang mang lo sợ, tìm mọi cách đối phó.

Tuần vũ Ngô Đình Diệm cùng quan phủ Hàm Thuận ra lệnh bắt cộng sản. Ngày 17-8, chúng bắt Hồ Quang Cảnh tại nhà và tìm thấy bọc truyền đơn còn chôn giấu quanh nhà. Biết ông là một người lãnh đạo cách mạng của tỉnh nên kẻ thù dùng nhiều cực hình tra tấn, đánh đập tàn nhẫn... nhưng ông quyết không khai báo, không đầu hàng giặc. Kẻ thù còn hèn hạ tra tấn cụ Hồ Sĩ Lâm trước mặt ông hòng lung lay tinh thần, ý chí của ông. Thương cha, nhưng để bảo vệ đảng, bảo vệ cơ sở cách mạng, ông chịu đựng vượt qua. Không thể khuất phục được ông và các đồng chí của ông, địch kết án một số người từ 1 đến 2 năm tù giam; riêng ông cùng một số người khác bị kẻ thù tuyên án 5 năm. Năm 1932, chúng đưa ông đi đày ở nhà tù Buôn Ma Thuật. Vào mùa hè năm 1933, trong khi đi làm khổ sai, Hồ Quang Cảnh bị địch đàn áp và đánh đến chết.

Tháng Tám năm 1945, để tưởng nhớ ông, một người lãnh đạo, một chiến sĩ cộng sản kiên cường, tỉnh Bình Thuận lấy biệt danh là tỉnh Hồ Quang Cảnh và xã Thiện Khánh cũng có thời gian được đổi tên thành xã Quang Cảnh. Tên ông được đặt tên một con đường và một ngôi trường trung học cơ sở ở xã Thiện Nghiệp, thành phố Phan Thiết.

### **7. Nguyễn Gia Tú (1907 - 2007)**

Ông Nguyễn Gia Tú lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo ở làng Tuy Hòa, Tổng Lại An, Phủ Hàm Thuận (nay là xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc). Ông sớm tham gia cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở quê nhà và là tổ trưởng Nông hội đỏ đầu tiên ở Bình Thuận với 4 hội viên. Qua hoạt động trong tổ chức, tháng 5-1931, Nguyễn Gia Tú được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Được phân công, Nguyễn Gia Tú tập hợp một số hội viên Nông hội các làng Tuy Hòa, Kim Ngọc, Thiện Mỹ, thành lập đội tự vệ bảo vệ các cuộc họp của Đảng, các cuộc đấu tranh của quần chúng. Đây có thể xem là tổ chức vũ trang cách mạng đầu tiên ở Bình Thuận. Sau cao trào 1930-1931, chính quyền

thực dân tăng cường đàn áp cách mạng. Cuối năm 1931, Nguyễn Gia Tú bị kết án 3 năm tù, đến tháng 2-1934 mới mãn hạn.

Ra khỏi nhà lao Phan Thiết, dù bị quản thúc, Nguyễn Gia Tú vẫn đi nhiều nơi ở Hàm Thuận, Hàm Tân, tìm cách liên lạc đảng viên, khôi phục phong trào cách mạng. Ông tích cực tham gia các cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ trên địa bàn tỉnh, trong đó có cuộc bãi thị kéo dài ba ngày ở chợ Phan Thiết vào dịp Thanh Minh tháng 4-1937. Sau thời kì mất trận dân chủ, cuối năm 1941, Nguyễn Gia Tú và nhiều đảng viên khác lại bị địch bắt, tra tấn. Đầu năm 1942, ông bị lưu đày đi trại tập trung Ly Hy (Thừa Thiên) đến tháng 4-1945. Về lại địa phương, Nguyễn Gia Tú tiếp tục tham gia thành lập các tổ Việt Minh chống Pháp. Sau khi giành được chính quyền ở tỉnh, ông được cử lên vùng rừng núi xa xôi hẻo lánh Tánh Linh, cùng Lê Văn Triều lãnh đạo nhân dân huyện giành thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám 1945.

Trong những năm 1945-1946, Nguyễn Gia Tú được cử làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời Hàm Thuận. Tiếp đó, với cương vị là Tỉnh ủy viên từ tháng 4-1947 và là Phó Bí thư Tỉnh ủy từ tháng 8-1952, ông đã góp phần lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp của quân dân Bình Thuận giành thắng lợi vào năm 1954. Trong những năm 1954-1970, ông tiếp tục đảm nhận cương vị Phó Bí thư, rồi Bí thư Tỉnh ủy, tiếp tục sâu sát với quần chúng nhân dân với phong trào, xây dựng lực lượng cách mạng trong tỉnh. Từ năm 1970 đến năm 1975, dù công tác tại Khu ủy Khu VI và Trung ương Cục miền Nam, ông vẫn luôn góp ý kiến cho phong trào cách mạng địa phương đến ngày thắng lợi. Sau năm 1975, dù tuổi cao, ông vẫn tiếp tục cống hiến đến tuổi 74 mới nghỉ hưu.

Là đảng viên đầu tiên của Đảng bộ Bình Thuận nhận Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng (2001), qua chặng đường dài hoạt động cách mạng, ông được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất và nhiều huân, huy chương khác. Tên ông được đặt cho tên đường thuộc phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết.



Ông Nguyễn Gia Tú

### **8. Nguyễn Tương (1910 - 1981)**

Ông Nguyễn Tương sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo ở làng Bình An 1, phủ Hàm Thuận (nay là xã Hàm Chính - Hàm Thuận Bắc - tỉnh Bình Thuận). Học xong chương trình sơ học yếu lược, vừa làm ruộng ông vừa học thêm nghề may để sinh sống. Được giác ngộ về lí tưởng cách mạng, Nguyễn Tương đã hăng hái tham gia và hoạt động trong tổ chức nông hội từ tháng 1-1931 và được cử làm tổ trưởng. Đến tháng 4-1931 ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Trong cuộc đấu tranh bằng rải truyền đơn nhân ngày Nhân dân thế giới chống chiến tranh đế quốc (ngày 1-8), ông bị bắt và bị kết án 3 năm khổ sai tại nhà lao Bình Thuận, trong tù ông đã nhiều lần tuyệt thực để đấu tranh. Khi thực dân Pháp tìm thấy bản thảo truyền đơn do ông soạn thảo thì chúng tăng án, đày ông đi nhà tù Buôn Ma Thuột. Đến cuối năm 1935, mãn hạn tù ông trở về quê hương, mang trong người nhiều thương tích, nhiều chứng bệnh nặng.

Năm 1939, ông tìm cách liên lạc với đồng chí Trần Hữu Dục, Xứ ủy viên Trung Bộ phụ trách các tỉnh cực Nam Trung Bộ để có kế hoạch xây dựng lại phong trào cách mạng ở Bình Thuận. Nhưng có kẻ phản bội khai báo cho địch bắt đồng chí Dục và tiếp đó bắt số cựu chính trị phạm khác, Nguyễn Tương lại bị án 5 năm tù khổ sai đày đi Buôn Ma Thuột lần thứ hai.

Sau cuộc Nhật đảo chính Pháp vào ngày 9-3-1945, Nguyễn Tương cùng với 7 người khác là đảng viên Đảng Cộng sản thoát khỏi nhà tù Buôn Ma Thuột trở về Bình Thuận, ông tham gia thành lập Ban lãnh đạo Việt Minh lâm thời tỉnh, phát động nhân dân nổi dậy giành chính quyền thành công vào ngày 24-8-1945 lịch sử. Nguyễn Tương được chính quyền cách mạng phân công làm Chủ nhiệm ủy ban Việt Minh và Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh. Trong cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ông đã đắc cử đại biểu Quốc hội tại Bình Thuận, tham gia Quốc hội cho đến khóa III.

Tháng 2-1946, thực dân Pháp đánh chiếm Bình Thuận. Để góp phần chống giặc, ông thành lập đơn vị tự vệ chiến đấu của tỉnh. Đơn vị tự vệ đã đánh địch nhiều trận ở Dân Thanh, Cốc Chua, Đá Ông Địa, động Bà Què... gây tiếng vang lớn. Nhân dân Hàm Thuận, Phan Thiết thường gọi đơn vị ấy với cái tên thân thương "Bộ đội Ông Tương". Sau tháng 7-1954, Nguyễn Tương được tập kết ra Bắc và góp công sức phục vụ công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa và còn là thành viên trong Ban thống nhất chi viện cho chiến trường cực Nam Trung Bộ, kiêm Trưởng ban Lịch sử Đảng (không chuyên) về Bình Thuận.

Trở về quê nhà Bình Thuận sau ngày miền Nam giải phóng, dù đã nghỉ hưu nhưng ông vẫn thường xuyên quan tâm đóng góp nhiều ý kiến xây dựng địa phương. Với khí phách kiên cường, trung thành vô hạn, ở cương vị công tác nào ông cũng phục vụ hết mình. Nguyễn Tương là một tấm gương sáng cho mọi người noi theo. Tên của ông được đặt cho tên một con đường thuộc phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết.



Ông Nguyễn Tương

### 9. Phạm Thị Ngu (1912 - 2002)

Bà Phạm Thị Ngu quê xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Mẹ là người phụ nữ duy nhất ở Bình Thuận được Đảng và Nhà nước phong tặng 2 danh hiệu cao quý: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo, cha mẹ mất sớm, từ nhỏ mẹ phải lao động vất vả để kiếm sống. Lớn lên, mẹ xây dựng gia đình cùng ông Bùi Dinh cũng là người nghèo khổ tha phương cầu thực từ Bình Định vào. Vợ chồng mẹ sinh được 8 người con cả trai lẫn gái.

Những năm đầu kháng chiến chống Pháp, gia đình mẹ là cơ sở cách mạng, cả hai vợ chồng đều tham gia đoàn thể cứu quốc. Mẹ là tổ trưởng phụ nữ chuyên vận động quyên góp tiền bạc, thuốc men, lương thực, thực phẩm ủng hộ kháng chiến. Nhà mẹ là nơi ẩn náu của các chiến sĩ cảm tử đội Phan Thiết và là đầu mối liên lạc của cán bộ hoạt động ở hai vùng du kích và sau lưng địch.

Năm 1960, chồng qua đời và lần lượt sau đó 7 người con của mẹ cũng hi sinh nhưng mẹ đã nén nỗi đau lao vào công tác, quên cả vất vả hiểm nguy. Xuân Mậu Thân 1968, mẹ là một nữ giao liên xông xáo đưa đường chỉ lối cho bộ đội tấn công nhiều cứ điểm quân sự của địch và vận động đồng bào tiếp tế cứu chữa thương binh. Từ năm 1969 trở đi, thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", địch đánh phá vùng ven rất ác liệt. Cán bộ bên ngoài không bám trụ được bên trong.



Trước tình hình đó, mẹ tích cực hoạt động chấp nối liên lạc giữa cán bộ bên ngoài với cơ sở nội thị và thức đêm canh gác để cán bộ đào hai hầm bí mật ngay trong vườn nhà mình làm nơi trú chân hoạt động. Mặc dù đời sống thiếu thốn, mẹ vẫn dành gạo nuôi cán bộ, du kích, trong đó có đồng chí Đặng Văn Lãnh (sau này là liệt sĩ, được Nhà nước tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang). Trong tình thế bị địch bao vây kinh tế và giăng mạng lưới thám báo nổi chìm khắp các ngã đường, làng xã, nhưng suốt 7-8 năm liền, bằng nhiều cách khôn khéo, mẹ Ngu cùng bà con cơ sở đã chuyển ra vùng căn cứ giải phóng hàng tấn lương thực, thực phẩm, thuốc men tiếp tế cho cách mạng, góp phần đáng kể vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ ở địa phương.

Với thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, ngày 6-11-1978, mẹ Ngu được Quốc hội và Nhà nước tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và ngày 11-7-1985 được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất. Với 7 người con thân yêu đã ngã xuống cho nền độc lập tự do của Tổ quốc, ngày 17-12-1994, mẹ Ngu được Nhà nước phong danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Tên mẹ Ngu được đặt cho một con đường thuộc xã Phong Năm, thành phố Phan Thiết.



Bà Phạm Thị Ngu

### **10. Đặng Văn Lãnh (1933 - 1972)**

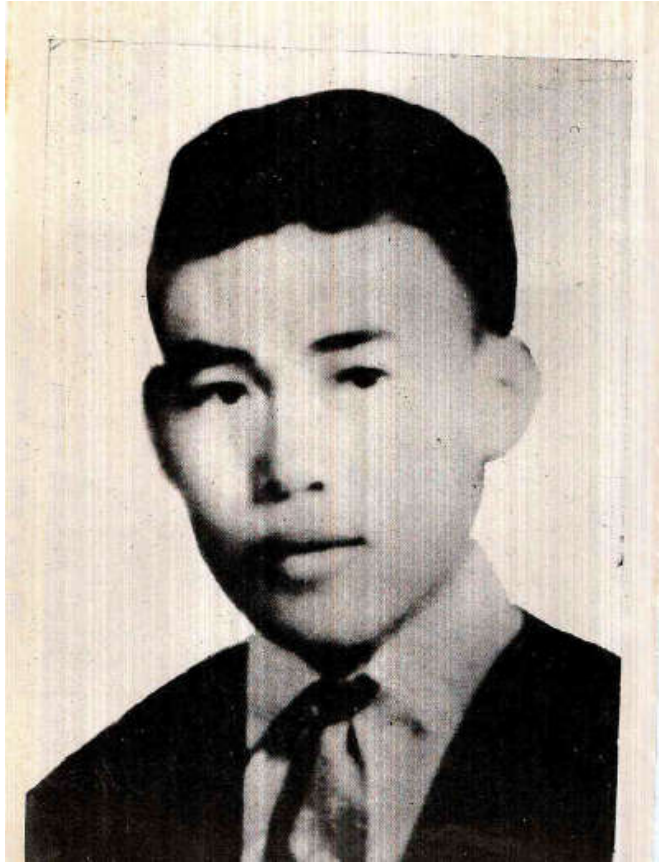
Ông Đặng Văn Lãnh sinh năm 1933, quê quán ở xã Phong Năm, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo, quanh năm túng thiếu, nên đồng chí phải bỏ học lúc 13 tuổi để đi ở đợ chăn trâu cho nhà

giàu và làm thuê kiếm sống qua ngày, mãi đến năm 20 tuổi mới trở về nhà theo cho học nghề thợ mộc. Cha của đồng chí là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ chống Pháp. Gia đình vợ của đồng chí Đặng Văn Lãnh cũng là gia đình cách mạng, có 4 người tham gia kháng chiến và đã có người hy sinh. Thừa kế truyền thống của gia đình, nên sau khi bị địch bắt đi quân dịch, đồng chí đã tìm cách thoát ra vùng du kích tham gia cách mạng.

Là một cán bộ đội công tác trưởng thành từ cơ sở lên; suốt 8 năm (tính từ ngày tham gia đội công tác (năm 1965) đến lúc hi sinh), đồng chí luôn luôn nhận nhiệm vụ ở những vùng có nhiều khó khăn, gian khổ, phức tạp và quyết liệt đồng chí đã cùng đồng đội xây dựng được 300 cơ sở cách mạng, 50 thanh niên ở vùng địch tạm kiểm soát thoát li tham gia hoạt động cách mạng; phát triển được 10 đảng viên, 30 đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Với lối đánh gan dạ, táo bạo, khôn khéo như bắn tỉa, thọc sâu vào vùng địch diệt gọn những tên ác ôn hay gài mìn đánh xe cơ giới, đồng chí đã diệt được 320 tên địch (trong đó có 40 tên Mĩ, 26 tên ác ôn), bắt sống 20 tên, phá hỏng và phá hủy 20 xe tăng và xe bọc thép, thu 3 súng. Đồng thời, đồng chí còn là một tâm gương trong cải tiến bom đạn của địch để đánh địch, như cải tiến bộ phận ngòi nổ của quả pháo 175 li đã diệt tại chỗ 12 tên Mĩ, làm bị thương 8 tên khác, bẻ gãy ngay từ đầu cánh quân của 1 đại đội địch khi chúng sục sạo vào vùng cách mạng; sẵn sàng đối diện với nguy hiểm để công thương binh, tử sĩ của mình ra vùng an toàn... Năm 1972, trong một lần đột nhập vào thị xã Phan Thiết, bị địch phục kích, đồng chí đã anh dũng hy sinh.

Quá trình công tác và chiến đấu, đồng chí Đặng Văn Lãnh đã được tặng thưởng 3 Huân chương chiến sĩ giải phóng (hạng nhất, hạng nhì, hạng ba); 3 lần đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua (1 danh hiệu cấp tỉnh, 2 danh hiệu cấp thị xã); 3 bằng dũng sĩ (dũng sĩ diệt xe tăng, dũng sĩ diệt Mĩ và dũng sĩ quyết thắng). Ngoài ra, còn được tặng 4 bằng và giấy khen các loại.

Ngày 6-11-1978, đồng chí Đặng Văn Lãnh được Quốc hội, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên dương danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.



Ông Đặng Văn Lĩnh

*Chủ đề 10***MỘT SỐ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN  
TỈNH BÌNH THUẬN****1. Di tích kiến trúc nghệ thuật Nhóm đền tháp Chăm Po Dam**

Tọa lạc dưới chân núi Ông Xiêm, thuộc địa phận xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong tỉnh Bình Thuận. Nhóm đền tháp Chăm Po Dam <sup>(45)</sup> có niên đại từ đầu thế kỷ VIII đến thế kỷ IX, là một trong những di tích kiến trúc cổ Chăm-pa, thuộc phong cách kiến trúc nghệ thuật Hòa Lai để thờ thần chủ Siva.

Vua Pô Tầm là con của vua Para Chanh, lên ngôi từ năm 1445 đến năm 1472. Khi vua Pô Tầm mất, Hoàng tộc Chăm đã xây đền thờ để thờ ông cạnh tháp thờ thần chủ Siva. Đầu thế kỷ XX, một số nhà khảo cổ, kiến trúc Pháp đến đây nghiên cứu, đã phiên âm chữ Pô Tầm thành Po Dam.

Với thời gian hơn 1200 năm nhóm đền tháp Chăm Po Dam có đầy đủ các giá trị lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, văn hóa. Trong đó có những giá trị đặc trưng mà các di tích khác không có. Rõ ràng Po Dam là di tích quan trọng nằm trong hệ thống những di sản văn hóa cổ kính còn lại của vương quốc Chăm-pa cổ và hiện nay là một bộ phận di tích kiến trúc quan trọng trong hệ thống di tích lịch sử văn hóa ở Việt Nam.

Với những giá trị và ý nghĩa tiêu biểu đó, nhóm đền tháp Chăm Po Dam đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng thắng cảnh cấp Quốc gia tại Quyết định số 1460/QĐ/VH ngày 28-6-1996.



Nhóm đền tháp Chăm Pô Dam dưới chân núi Ông Xiêm, thuộc địa phận xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong tỉnh Bình Thuận.

<sup>(45)</sup> Tên gọi Pô Ka Thít là một trong những giả thiết cho nguồn gốc địa danh Phan Thiết.

## 2. Di tích kiến trúc nghệ thuật tháp Po Sah Inur

Toàn bộ nhóm tháp tọa lạc trên đỉnh đồi Bà Nài, phía trên là “lầu ông Hoàng” thuộc địa phận phường Phú Hải (Phố Hải), thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, nên sau này còn có tên gọi là tháp Phố Hải. Tháp Chăm Po Sah Inur được người Chăm xây dựng từ nửa cuối thế kỉ VIII đầu thế kỉ IX để thờ thần chủ Shiva. Cũng như tháp Po Dam, đây là di tích kiến trúc cổ Chăm, thuộc phong cách kiến trúc nghệ thuật Hòa Lai.

Công chúa Po Sha Inur là chị ruột vua Po Dam và đều là con của vua Para Chanh. Sau khi công chúa Po Sah Inur mất, Hoàng tộc Chăm đã xây đền thờ để thờ Bà trong khuôn viên tháp Phố Hải. Khoảng thế kỉ XVI, đền thờ Bà bị hư hỏng, nên người Chăm sử dụng luôn tháp Chính vốn thờ thần Siva từ hơn 800 năm trước để thờ công chúa Po Sha Inur.

Nhóm đền tháp Chăm Po Sah Inur có 3 ngôi tháp (tiếng Chăm gọi là Kalăn). Đây là nhóm đền tháp cổ kính nhất ở Bình Thuận và là một trong những nhóm đền tháp cổ kính nhất của vương quốc Chăm-pa còn lại đến ngày nay ở miền Trung Việt Nam. Hàng năm, người Chăm thực hiện nhiều lễ nghi tôn giáo quan trọng ở đây như lễ Cầu đảo, lễ Tống ôn, Lễ Cầu mưa, Lễ Tạ ơn; tiêu biểu là lễ hội Ka Tê - lễ hội lớn nhất của người Chăm.

Nhóm đền tháp Chăm Po Sah Inur đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng di tích cấp Quốc gia tại Quyết định số 1371/QĐ ngày 03-8-1991.



Tháp Po Sah Inur trên đỉnh đồi Bà Nài kế bên “lầu ông Hoàng” phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết.

## 3. Thắng tích Hòn Bà (Đền thờ Thiên Y A Na)

Thắng tích Hòn Bà là sự tích hợp giữa thắng cảnh và ngôi đền thờ do người Chăm tạo dựng vào khoảng thế kỉ XV - XVI để thờ nữ thần Po Ina Nagar, là vị



thần được người Chăm tôn kính gọi là Mẹ Xứ Sở và người Việt gọi là Thiên Y A Na. Ngoài ra, còn thờ Chúa Chàng Râu (chồng Bà), 2 người con, người theo hầu Bà khi còn sống và các vị Tiên hiền, Hậu hiền đã có công khai phá vùng đất này.

Đền thờ Thiên Y A Na tọa lạc trên đỉnh của đảo Hòn Bà thuộc xã Tân Bình, thị xã La Gi. Đảo Hòn Bà nằm cách bờ biển Tân Bình khoảng 2 km và cách cửa biển Lagi 4,6 km về hướng Đông Nam. Tổng thể kiến trúc di tích đền thờ Thiên Y A Na ở Hòn Bà bao gồm các hạng mục: chính điện, võ ca, gian thờ, nhà khách, nhà khói và một số hạng mục phụ cận khác. Tất cả được phân bố ở mặt Bắc trên đỉnh hòn đảo, kiến trúc được tạo dựng theo phong cách của người Việt như chúng ta thường thấy ở một số đình làng, chùa, lăng vạ khác ở Bình Thuận. Lễ hội chính tại đền thờ Thiên Y A Na diễn ra hằng năm từ ngày 21 đến ngày 23-3 Âm lịch.

Thắng tích Hòn Bà đã được UBND tỉnh Bình Thuận xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 2153/QĐ-UBND ngày 30-10-2012.



Cổng Đền thờ Thiên Y A Na tại Hòn Bà, xã Tân Bình, thị xã La Gi

#### 4. Di tích lịch sử Đền thờ công chúa Bàn Tranh

Đền thờ do người Chăm xây dựng vào cuối thế kỉ XVI, hiện nay tọa lạc tại xã Long Hải, huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận. Theo truyền thuyết, Bàn Tranh là công chúa vương quốc Chăm-pa, do phạm tội đã bị vua cha đày ra đảo khi còn rất trẻ cho đến già cũng không một lần được trở về đất liền. Sau khi Bà mất được an táng tại đây. Khoảng đầu thế kỉ XVII ngôi đền được người Việt tiếp quản, gìn giữ và thờ phụng cho đến ngày nay.

Qua nhiều lần tu bổ, tôn tạo đến nay, đền thờ công chúa Bàn Tranh đã được khôi phục lại theo kết cấu và kiểu dáng vốn có của một ngôi đền thờ Chăm khá bề thế, trang nghiêm bao gồm: cổng chính, bình phong, cột cờ, võ ca, chính điện, nhà khách và nhà khói được phân bố trên khuôn viên có diện tích 2.928 m<sup>2</sup>. Lễ hội đền



thờ công chúa Bàn Tranh hàng năm diễn ra vào ngày mùng 3 tháng Giêng âm lịch, đây cũng là ngày kị của Bà.

Đền thờ công chúa Bàn Tranh đã được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích Quốc gia tại Quyết định số 227/QĐ-BVHTTDL ngày 28-01-2015.



Đền thờ công chúa Bàn Tranh, xã Long Hải, huyện Phú Quý.

### 5. Di tích lịch sử - văn hóa Lăng ông Nam Hải

Tọa lạc dưới chân đồi cát bay ở sát cạnh bờ biển thuộc thôn 3, xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Lăng ông Nam Hải được tạo dựng vào cuối thế kỉ XVIII để tôn thờ và thực hiện các lễ nghi liên quan đến tín ngưỡng thờ thần Nam Hải. Các hạng mục chính hiện nay gồm: cổng chính, võ ca, trung lăng, chính điện, gian thờ tiền hiền và nhà khói. Hàng năm tại lăng ông Nam Hải diễn ra một kỳ tế lễ chính vào ngày 15 đến 16 tháng 6 Âm lịch mà người dân địa phương quen gọi là lễ vía ông Nam Hải hay lễ cầu Ngư chính mùa. Ngoài ra, hàng năm tại lăng còn diễn ra một số nghi lễ nhỏ khác theo tập tục của địa phương.

Lăng ông Nam Hải đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 24-6-2011.



## 6. Chùa Phật Quang Phan Thiết, ba kỉ lục Guinness Việt Nam

Chùa Phật Quang<sup>(46)</sup> tọa lạc tại đường Trần Quang Khải, phường Hưng Long, thành phố Phan Thiết, là một trong những ngôi chùa sớm nhất của Bình Thuận khi được xây dựng vào năm Giáp Dần (1734). Chùa Phật Quang đã trải qua được 18 đời truyền thừa, dù được trùng tu nhiều lần nhưng chùa vẫn cố gắng lưu giữ lại những giá trị nguyên bản của mình là những pho tượng và pháp khí cổ.



Bộ kinh Pháp Hoa chùa Phật Quang

Chùa Phật Quang có 3 kỉ lục Guinness Việt Nam được công nhận. Đầu tiên phải kể đến, chính là bộ kinh Pháp Hoa được khắc ngược bằng chữ Hán trên 118 tấm gỗ, với hơn 60.000 chữ khắc hoàn toàn bằng chính bàn tay tài tình của ba vị thiền sư Pháp Không, Thiện Huệ, Bảo Hương cùng với 12 vị đệ tử trong suốt hơn 28 năm (từ năm 1706 - 1734). Trong đó có bản khắc cuối cùng ghi rõ Bộ kinh Pháp Hoa hoàn thành vào ngày mùng 1 tháng Tư năm Long Đức thứ 3 – tức năm Giáp Dần (1734). Quan trọng hơn nữa, đây là một trong ba bộ kinh Pháp Hoa cổ nhất trên thế giới hiện nay. Được bảo quản cẩn thận, bộ kinh Pháp Hoa vẫn giữ gần như là vẹn nguyên. Dù đã 300 năm tuổi đời nhưng từng tấm gỗ vẫn như thuở ban đầu, càng

ngày càng phát ra vẻ đẹp hiếm có của mình, từng nét chữ, nét vẽ đều tỉ mỉ, tinh xảo, làm cho ai cũng không thể rời mắt.

Ngoài bộ kinh Phật khắc bằng gỗ đầy đủ và cổ xưa nhất đã được công nhận kỷ lục Guinness, chùa Phật Quang Bình Thuận còn có hai kỷ lục khác là chuông Gia Trì và cặp mõ Gia Trì làm bằng gỗ lớn nhất Việt Nam. Trong đó, cặp mõ Gia Trì cao 80 cm, ngang 92 cm, được làm bằng gỗ mít Quảng Bình, do 3 thợ Quảng Nam phải mất 27 năm mới làm xong được. Về phần chuông Gia Trì thì cũng do thợ Quảng Nam thực hiện, cao 1 m, đường kính 1,2 m, nặng 400 kg, đúc vào năm Canh Ngọ (1750).

<sup>(46)</sup> Thuở mới tạo lập, chùa nằm giữa một bãi cát trắng rộng rãi, thoáng mát xung quanh chưa có nhà dân nên trong dân gian ngày trước gọi tên là chùa Cát.

## 7. Thắng cảnh Linh Quang Tự (Chùa Linh Quang)

Chùa Linh Quang được xây dựng năm 1747, tọa lạc trên một ngọn đồi thoai thoải giữa một khung cảnh trầm lặng, thuộc địa phận xã Tam Thanh, huyện Phú Quý. Trải qua nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử, chùa Linh Quang đã được trùng tu, tôn tạo nhiều lần và trở thành nơi sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng khang trang và bề thế. Quần thể kiến trúc chùa gồm có các hạng mục: chính điện, gian thờ Tổ, đại môn, hội quán, nhà Tăng; hiện nay chùa đang xây dựng ngôi Bảo tháp 9 tầng cao 27m và cảnh Đạo tràng Phật tích... tạo nên cảnh Phật tràng thanh tịnh và uy nghiêm. Chùa Linh Quang còn lưu giữ nhiều di vật cổ quý có giá trị về lịch sử, nghệ thuật như: đại hồng chung, trống đại phổ bát nhã, hoành phi, liễn đối, bao lam, sắc phong, gia phả, tư liệu Hán Nôm cổ; nhưng giá trị nhất là sưu tập tượng Phật cổ do các bậc tiền nhân tạo nên từ nhiều chất liệu khác nhau như đá, đồng, gỗ, đất nung và 5 sắc phong do các vua triều Nguyễn ban tặng cho chùa. Đặc biệt là pho tượng Bồn sư do các nghệ nhân trên đảo. Mùa lễ hội đến với nhà chùa và nhân dân vào các dịp tết Nguyên đán, lễ Phật đản vào rằm tháng tư âm lịch, Thanh minh, lễ Vu lan vào rằm tháng 7 và lễ rằm tháng 10 Âm lịch.

Với những giá trị và ý nghĩa tiêu biểu đó, chùa Linh Quang đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng thắng cảnh cấp quốc gia tại Quyết định số 51 QĐ/BT ngày 12-1-1996.



Cổng chùa Linh Quang Tự, xã Tam Thanh, huyện Phú Quý.

## 8. Di tích lịch sử Đình - Vạn Thủy Tú

Đình - Vạn Thủy Tú<sup>(47)</sup> - tọa lạc trên đường Ngư Ông, phường Đức Thắng, thành phố Phan Thiết. Đình - Vạn Thủy Tú là thiết chế văn hóa thuộc tín ngưỡng

<sup>(47)</sup> Cách gọi Vạn Thủy Tú - (Đình Vạn Thủy Tú) hay Đình - Vạn Thủy Tú đều đúng. Bằng công nhận di tích lịch sử - văn hóa được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp ghi “Đình - Vạn Thủy Tú”. Cách gọi “Đình - Vạn” là do vừa mang chức năng của Đình vừa mang chức năng của Vạn, vì trong quá trình hình thành của di tích này có sự thay đổi chức năng từ việc thờ Thành hoàng (chức năng của Đình) sang thờ “Thần Nam Hải” - thờ cá Ông (cá Voi) - thuộc chức năng của



dân gian của ngư dân Bình Thuận, một loại hình kiến trúc tôn giáo tạo lập vào năm Nhâm Ngọ (1762) để thờ thần Nam Hải. Vạn Thủy Tú thờ thủy tổ ngư nghiệp, đồng thời cũng chính là thủy tổ chung của các làng chài ở Bình Thuận. Đây là ngôi vạn cổ và có diện tích, tổng thể lớn nhất ở Bình Thuận từ xưa đến nay. Đình - Vạn Thủy Tú sử dụng lối kiến trúc “Tứ trụ”. Toàn bộ các vì kèo, rường cột, các gian đình đều xuất phát từ đỉnh của tứ trụ và hệ thống kết cấu gỗ ở đây đều được chọn các loại gỗ quý. Từ những cây cột lớn đến các cây kèo, trính, đòn tay, các chi tiết được lắp ghép trong ngôi vạn đều được trau chuốt, chạm khắc tỉ mỉ. Đến nay so với hàng chục ngôi vạn thờ Hải Thần (Thần Nam Hải) dọc bờ biển Bình Thuận thì vạn Thủy Tú là ngôi vạn có kiến trúc cổ còn giữ nguyên trạng; trong vạn còn lưu giữ 24 sắc phong của các vua Triều Nguyễn, nhiều di sản văn hóa Hán - Nôm liên quan đến nghề biển...

Song song với sự thay đổi từ việc thờ Thành hoàng sang thờ thần Nam Hải đã ảnh hưởng đến nghệ thuật trang trí cho phù hợp với nội dung cả ngoại thất và nội thất ở Vạn Thủy Tú. Nói cách khác đây là một chuyển biến của nghệ thuật trang trí trong kiến trúc. Hàng năm tại di tích diễn ra các kì tế lễ cụ thể như sau: tế Xuân vào ngày 20 và 21 tháng 2 Âm lịch, lễ hạ Nghê (xuống nghề, cầu ngư đầu mùa) vào ngày 20 và 21 tháng 4 Âm lịch. Lễ tế Thu vào ngày 20 và 21 tháng 6 Âm lịch và lễ mãn mùa vụ Nam vào ngày 20 và 21 tháng 8 Âm lịch.

Đình - Vạn Thủy Tú đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia tại Quyết định số 51/QĐ/BT ngày 12-01-1996.



Vạn Thủy Tú, phường Đức Thắng, thành phố Phan Thiết.

---

Vạn). Nghệ thuật trang trí ở Vạn Thủy Tú cũng đã thay đổi cho phù hợp với chức năng thờ (cả bên trong và bên ngoài).

## 9. Chùa Ông Phan Thiết, ngôi miếu cổ linh thiêng của người Hoa

Chùa Ông (tức Quan Đế Miếu) là ngôi miếu cổ nhất, có quy mô nhất của người Hoa ở Bình Thuận, xây dựng năm Canh Dần (1778) tại phường Đức Nghĩa, thành phố Phan Thiết.

Nằm trên một diện tích khá lớn, chùa này có lối kiến trúc và trang trí nghệ thuật đặc trưng của người Hoa (Trung Quốc). Các dãy nhà nối tiếp nhau tạo nên hình chữ Kim. Hệ thống cột, vĩ kèo chạm khắc rất công phu, tỉ mỉ, có phần giống kỹ thuật chạm khắc trong các ngôi đình chùa của người Việt. Các cột chính đều treo câu đối được chạm khắc, sơn son, thiếp vàng lộng lẫy. Bên trong có những bức tranh chạm gỗ miêu tả các điển tích xưa của người Hoa có niên đại thế kỉ XVIII. Nhiều bức hoành lớn được chuyển từ Trung Quốc sang ở thế kỉ XIX.

Chùa Ông hiện nay còn lưu giữ nhiều chiếc chuông cổ có giá trị về lịch sử và nghệ thuật, được đúc tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc và được chuyển sang từ triều đại nhà Thanh.

Sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* tập 12 gọi là Đền Quan Công đúng với tên của miếu. Thế nhưng trong dân gian từ xưa đến nay cả người Việt và người Hoa đều quen gọi là Chùa Ông. Ngày Tết Nguyên Đán, Chùa Ông là nơi mà nhiều người đến để cầu cho cuộc sống ấm no, hạnh phúc, làm ăn may mắn. Chùa Ông còn là trung tâm của Lễ hội Nghinh Ông Quan Thánh Đế Quân của cộng đồng người Hoa tại thành phố Phan Thiết.



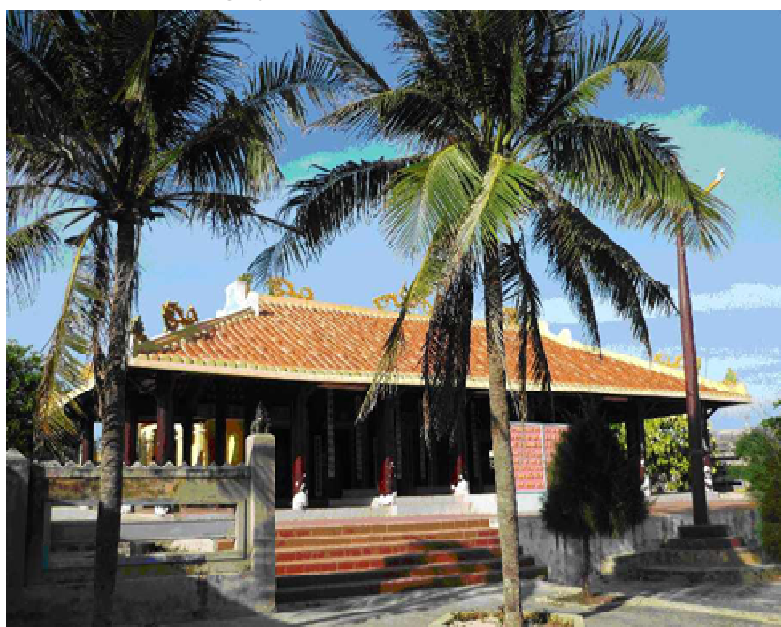
Chùa Ông ở Phan Thiết, phường Đức Nghĩa, thành phố Phan Thiết.

## 10. Di tích lịch sử Vạn An Thạnh

Tọa lạc ở làng Triều Dương, xã Tam Thanh, huyện Phú Quý. Di tích được tạo dựng vào năm Tân Sửu (1781) để tôn thờ cá Voi (cá Ông) mà các Vua triều Nguyễn ban sắc phong tôn vinh là “Thần Nam Hải” và thực hiện các nghi lễ liên quan đến tập tục, tín ngưỡng thờ cúng cá Voi của ngư dân. Vạn bao gồm các công

trình kiến trúc cổ hợp thành: chính điện, võ ca và tiền hiền được bố trí dạng chữ Tam. Vạn An Thạnh được xem như là một Bảo tàng văn hóa biển tồn tại đã 238 năm (tính đến năm 2019) với nhiều sưu tập những chủng loại cá voi và rùa da. Có thể xếp vào hạng các Bảo tàng về biển có niên đại cổ xưa trên thế giới. Hiện đang lưu giữ và phụng thờ trên 70 bộ xương cốt cá voi và một số sinh vật biển khác vốn được ngư dân tôn thờ (trong đó có bộ xương với chiều dài trên 17 mét). Hàng năm tại Vạn diễn ra 2 đợt tế lễ chính: tế Xuân từ ngày 10 - 20 tháng Giêng, tế Thu vào ngày 15 tháng 10 Âm lịch.

Vạn An Thạnh được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng di tích cấp Quốc gia tại quyết định số 51/QĐ/BT ngày 12-01-1996.



Vạn An Thạnh, xã Tam Thanh, huyện Phú Quý.

### **11. Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Xuân An**

Tọa lạc tại thị trấn Chợ Lầu, huyện lỵ Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, đình Xuân An là di tích kiến trúc và kiến trúc dân gian được tạo lập vào năm 1794 là một trong những ngôi đình có niên đại sớm ở Bình Thuận. Đình Xuân An có một lối kiến trúc dân gian độc đáo ở thế kỉ XVIII. Toàn bộ những công trình kiến trúc của đình đã hợp lại thành một tổng thể chứa đựng nhiều giá trị to lớn, phong phú và đa dạng; Đặc biệt, là các di sản văn khắc Hán Nôm như hàng chục cặp câu liễn, hoành phi, bài vị được lưu giữ từ nhiều thế hệ. Đây cũng là nơi lưu trữ nhiều hiện vật, văn sắc có giá trị về lịch sử, văn hóa, là nơi thờ cúng tôn nghiêm của nhân dân.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, đình Xuân An là cơ sở hoạt động của các chiến sĩ cách mạng trong nhiều năm và ngay trong lòng địch, đóng góp quan trọng cho cách mạng địa phương.



Với những giá trị về mặt lịch sử, kiến trúc nghệ thuật nói trên, đình Xuân An đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng thắng cảnh cấp quốc gia tại Quyết định số 2015/QĐ/BT ngày 16-12-1993.



Đình Xuân An, thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình.

## 12. Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Xuân Hội

Đình Xuân Hội, thuộc thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình kiến tạo vào năm Quý Hợi 1803. Đình Xuân Hội gồm 9 nóc; đình thờ Thần, đình thờ tiền hiền, hậu hiền, nhà thanh minh, nhà nhóm, nhà khách, nhà ống, nhà âm công, nhà trù và cổng tam quan. Ngoài ra, đình còn có những kiến trúc phụ như: cổng tiền, án phong, vòng thành, cổng hậu, cột cờ. Nội thất đình bài trí 10 khám thờ bằng gỗ, được chạm khắc, trang trí nghệ thuật, sơn son thiếp vàng, nổi lên với hình “Tứ linh”: Long, Lân, Quy, Phụng. Trên các khám thờ còn trang trí nhiều loại hoành phi, liễn đối cổ khắc bằng chữ Hán, nội dung ca ngợi công đức các bậc tiền bối của làng. Đồng thời ở đây còn lưu giữ một số hiện vật của người Chăm và 12 điều sắc thần của Triều Nguyễn ban tặng cho các vị thần ở đình làng Xuân Hội.

Nhà thờ tiền hiền, hậu hiền có diện tích tương đối rộng với 36 cột chia thành 5 gian thờ. Tiền hiền của làng là ông Lê Thái người có công lớn trong việc khai khẩn lập làng và dựng đình. Ngoại thất của đình Xuân Hội trên nóc gắn 2 con rồng đắp nổi bằng kỹ thuật dân gian, mảnh sứ, trên bờ nóc, bờ quyết cũng được gắn hình tượng giao long làm cho nóc đình vừa đẹp, vừa tăng tính oai nghiêm. Với kiểu kiến trúc nhà kép, xây dựng để thờ phụng thần thánh; đình Xuân Hội là một trong những ngôi đình cổ và là nơi sinh hoạt tâm linh của người dân địa phương.

Đình Xuân Hội được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích văn hóa kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia tại Quyết định số 2223-QĐ/BT ngày 26/6/1995.



Đình Xuân Hội thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình

### 13. Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình làng Đức Thắng

Tọa lạc trên địa phận khu phố 1, phường Đức Thắng, thành phố Phan Thiết, đình làng Đức Thắng là di tích kiến trúc nghệ thuật dân gian được tạo lập từ năm 1841 - 1847 mới hoàn thành để thờ Thành hoàng Bốn cảnh và các bậc tiền hiền, hậu hiền, đây là những người có công trong việc khai mở đất đai, tạo lập làng xã và xây dựng đình. Quần thể kiến trúc đình làng Đức Thắng đến nay vẫn còn bảo lưu các hạng mục kiến trúc gồm: cổng tam quan, võ ca, chính điện và gian thờ tiền hiền. Hàng năm tại đình diễn ra 2 đợt tế lễ chính: lễ tế Xuân vào ngày 15, 16 tháng 2 Âm lịch; lễ tế Thu và giỗ Tiền hiền vào ngày 15, 16 tháng 9 Âm lịch.

Với những giá trị và ý nghĩa đặc sắc đó, Đình làng Đức Thắng đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia tại Quyết định số 1371/QĐ ngày 03-8-1991.



Đình làng Đức Thắng, phường Đức Thắng, thành phố Phan Thiết.

### 14. Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình làng Đức Nghĩa

Đình làng Đức Nghĩa - Phan Thiết trước đây được xây cất vào năm Bính Ngọ (1846) bằng tranh lá đơn sơ. Đến đời Tự Đức năm Giáp Tý (1864) dân làng đời

đình về làng Thành Đức. Đình tọa lạc trên mỏm phía Bắc của đồi cát trắng động làng Thiêng, có khuôn viên rộng hơn ba ngàn mét vuông. Hướng đình quay về phía tây nhìn ra sông Cà Ty.

Quần thể kiến trúc đình làng Đức Nghĩa hình chữ đình (J), theo lối kiến trúc dân gian thế kỉ XVIII, XIX. Đối diện với đình từ tả sang hữu là nhà Tiền vãng, gian thờ Tiền hiền, đình thờ Thần bố trí thành hàng ngang. Nối liền đình thờ Thần về phía trước là nhà Võ ca. Toàn bộ nóc đình đều lợp ngói âm dương, nền lát gạch Bát Tràng. Tường được xây bằng đá, vôi vữa vững chắc. Kỹ thuật chạm trổ cũng như các họa tiết trang trí ngoại thất, nội thất thể hiện một cách sắc sảo, mềm mại, chứng tỏ tài nghệ của các nghệ nhân xưa, tạo nên những đường nét kiến trúc cổ hài hoà và đạt đến đỉnh cao so với một số ngôi đình trong thời kì này. Từ lúc tạo dựng đến nay, dù đã trải qua nhiều lần tu bổ nhưng toàn bộ công trình đình làng Đức Nghĩa vẫn bảo lưu khá nguyên vẹn.

Đình làng Đức Nghĩa có nhiều bức hoành phi, câu đối bằng chữ Hán, đặc biệt có 17 sắc phong của các đời vua triều Nguyễn từ Tự Đức năm thứ 7 (1854) đến vua Khải Định thứ 9 (1924) ban tặng cho Thành Hoàng làng cùng các vị thần khác, kể cả nữ Thần Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi của người Chăm. Đình hiện còn lưu giữ 3 tờ chiếu, dụ viết trên giấy lụa màu vàng đề năm Gia Long nguyên niên (1802) và hai tờ đề ngày 17 tháng 2 năm Tự Đức thứ 27 (1874). Ngoài các gian thờ còn có miếu thờ Sơn Quân (chúa Sơn Lâm) vì vùng đất Trung Bộ xưa kia có rất nhiều cọp, người dân thờ Sơn Quân để phù hộ và tạo niềm tin cho người đi khai hoang, lập ấp. Đình làng Đức Nghĩa còn là cơ sở Việt Minh thời kháng Pháp.

Năm 1991, Đình làng Đức Nghĩa được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.



Đình làng Đức Nghĩa, phường Đức Nghĩa, thành phố Phan Thiết

## 15. Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình làng Phú Hội

Tọa lạc tại xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Phú Hội có nghĩa là nơi hội tụ của những người giàu có. Đình tọa lạc ở vị thế cao ráo, trước đây cảnh quan xung quanh là rừng rậm bao phủ. Một quần thể kiến trúc có đến 9 nóc nhọn được bố trí dạng chữ Tam, mà mỗi nhà có chức năng thờ phụng và thực hiện các nghi thức hội lễ, sinh hoạt của làng được định sẵn. Quần thể kiến trúc di tích hiện nay chỉ còn lại 3 nóc gồm: chính điện, võ ca và nhà tiền tiền. Tại di tích còn lưu giữ nhiều hiện vật bao gồm hàng chục hoành phi và câu đối, câu liễn bằng gỗ quý, chạm trổ, điêu khắc đẹp, một số khám xà cừ. Ngoài ra tại đình Phú Hội còn lưu giữ 5 sắc phong do các đời vua sau phong tặng.

Đình Phú Hội đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia tại quyết định số 2233/QĐ/BT ngày 26-6-1995.



Đình làng Phú Hội xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận Bắc

## 16. Di tích lịch sử - văn hóa Đình làng Lạc Tánh

Ngôi đình tọa lạc giữa khu đất rộng ngay giữa trung tâm thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh trên trục lộ ĐT 720 quay về hướng Đông Nam. Đình làng Lạc Tánh có từ năm 1940 được làm bằng gỗ quý theo lối tứ trụ gồm 2 tầng mái chồng lên nhau, tầng trên thờ 2 sắc tứ vua ban, tầng dưới thờ Thành hoàng Bổn cảnh và các bậc tiền hiền đồng thời là nơi làm việc của Ban Ngũ hương làng. Đến năm 1950 đình bị cháy rụi hoàn toàn và mãi đến năm 1967 mới được xây dựng lại. Trong 17 năm (từ 1950 đến 1967) tuy không còn mái đình thực thụ nhưng những nghi thức tế lễ vào dịp rằm tháng hai hàng năm vẫn diễn ra đều đặn. Đây cũng là lý do mà đình làng Lạc Tánh được xem xét công nhận di tích lịch sử văn hóa bởi những giá trị văn hóa phi vật thể của nó. Đình làng Lạc Tánh không có những nét kiến trúc độc đáo như những đình làng cổ của Việt Nam, nhưng giá trị về mặt tâm linh rất lớn. Người dân quanh vùng luôn hướng về ngôi đình như một điểm tựa về tinh thần, theo tín ngưỡng dân gian lưu truyền thì Thành hoàng Bổn cảnh luôn phù hộ cho cư dân nơi đây được yên ổn làm ăn, tránh được thú dữ. Hàng năm cứ vào



dịp rằm tháng hai Âm lịch đình làng Lạc Tánh lại tổ chức lễ hội Kỳ Yên. Lễ diễn ra trong tiết xuân nên cũng được gọi là lễ tế xuân vào hai ngày 30 và 31-3-2010 nhằm ngày rằm và 16 tháng hai Âm lịch.

Giá trị văn hóa phi vật thể của đình làng Lạc Tánh được thể hiện rõ qua việc duy trì và tổ chức các lễ hội văn hóa dân gian truyền thống theo đúng tập tục và các nghi thức xưa. Đã có thời gian dài khi đình làng không còn hiện diện nữa thì các tập tục vẫn được duy trì, điều đó cho thấy tầm quan trọng của việc tế lễ đối với đời sống tinh thần của người dân địa phương. Lễ hội của đình làng Lạc Tánh không chỉ là lễ hội của người Kinh nơi đây mà còn là lễ hội chung của các dân tộc anh em Chăm, K'ho, Raglai bản địa hay từ các vùng lân cận. Đây là nét đặc sắc riêng hiếm thấy ở những đình làng khác, việc tham gia lễ hội chung của các dân tộc thể hiện sự đoàn kết gắn bó cũng như sự tiếp biến, giao lưu văn hóa giữa các dân tộc anh em.

Với những giá trị trên các mặt về lịch sử, văn hóa, đình làng Lạc Tánh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh tại Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 31-8-2009.



Lễ hội tại Đình làng Lạc Tánh, thị trấn Lạc Tánh, Tánh Linh

### **17. Di tích lịch sử - văn hóa Đình làng Võ Đất**

Đình làng Võ Đất được người dân địa phương tạo dựng vào năm 1968 để thờ phụng Thành Hoàng Bổn cảnh và các vị tiên hiền, hậu hiền có công khai khẩn đất đai, quy dân lập ấp và xây dựng cuộc sống trên vùng đất mới.

Trải qua gần nửa thế kỷ tồn tại, do điều kiện chiến tranh khốc liệt cùng với nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan tác động nên việc thờ phụng, tổ chức các nghi lễ và lễ hội của người dân địa phương tại đình làng bị gián đoạn. Kể từ khi được khôi phục năm 2010 đến nay, các lễ nghi và lễ hội truyền thống đã được

người dân địa phương phục hồi lại theo đúng tập tục xưa do cha ông để lại và trở thành nét văn hóa truyền thống gắn liền với đời sống tâm linh, tín ngưỡng của các thế hệ người dân địa phương.

Mặc dù có niên đại tạo lập khá muộn so với những ngôi đình làng ở các địa phương vùng đồng bằng ven biển trong tỉnh và phải hứng chịu sự tàn phá nặng nề của bom đạn chiến tranh nhưng với tâm huyết một lòng hướng về cội nguồn, thể hiện lòng biết ơn và sự tri ân đối với lớp người đi trước, các thế hệ người dân nơi đây đã không ngại khó khăn, cùng nhau đóng góp tiền của, công sức để giữ gìn và phục hồi lại ngôi đình để có nơi thờ phụng Thành hoàng, các bậc tiền hiền, hậu hiền và sinh hoạt tín ngưỡng của người dân địa phương.

Được xây dựng trên diện tích hơn 5.000m<sup>2</sup>, đình làng Võ Đất được thiết kế khá quy mô, bề thế theo lối kiến trúc dân gian truyền thống gồm các hạng mục: cổng chính, bình phong, cột cờ, tiền đường, chính điện, nhà khách, nhà khói... Nhằm tiếp tục giữ gìn và phát huy giá trị của di tích trong đời sống, sinh hoạt văn hóa của người dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã công nhận đình làng Võ Đất là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh tại Quyết định số 2134/QĐ-UBND ngày 04-9-2013.



Đình làng Võ Đất

## 18. Di tích thắng cảnh Cổ Thạch tự (Chùa Hang)

Tọa lạc tại xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong. Thuở sơ khai, Cổ Thạch tự là một thảo am đơn sơ trong hang đá, về sau giới tín đồ Phật tử mở rộng ra các hang đá gần đó để thờ Phật, Tổ và cho giới tín đồ Phật tử đến lễ Phật và tu hành. Mỗi hang đá là một công trình kiến trúc thạch động huyền bí, còn những tảng đá lớn lại có hình thù giống như những con vật trong huyền thoại Phật giáo như con cá chép khổng lồ (ma kiệt), con thuyền Bát nhã, con cóc lớn (thiên trùng) đang vươn lên đón trời. Trên hai tảng đá lớn xây dựng 2 công trình kiến trúc tháp Chuông, tháp Trống. Đặc biệt là hình tượng “tứ linh” (long, lân, quy, phụng) được thể hiện ở nơi tôn nghiêm nhất. Cả quần thể kiến trúc rộng lớn, nhiều vẻ, nhiều cảnh của chùa,



hang động, đồi đá nhấp nhô chen chúc với cây rừng; biển, bãi biển, dưới chân chùa là bãi tắm lí tưởng tạo nên cảnh đẹp nổi tiếng cho thắng cảnh Cổ Thạch tự. Hàng năm chùa Cổ Thạch diễn ra các lễ hội lớn vào dịp tết Nguyên đán, rằm tháng 4, tháng 7 và tháng 10 Âm lịch, và lễ giỗ Tổ vào ngày 25 tháng 5 Âm lịch.

Với những giá trị trên các mặt về lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh nói trên, chùa Cổ Thạch đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng thắng cảnh cấp quốc gia tại Quyết định số 1207/QĐ-BT ngày 11-9-1993.



Di tích thắng cảnh Cổ Thạch tự (Chùa Hang) tại xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong.

### **19. Di tích kiến trúc nghệ thuật Dinh Thầy Thím**

Tọa lạc giữa một khu rừng yên tĩnh có tên là rừng dầu Bàu Cái, nằm trên địa phận làng Tam Tân thuộc xã Tân Tiến, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. Dinh Thầy Thím được tạo lập vào nửa đầu thế kỉ XIX để tôn thờ vợ chồng người đạo sĩ giàu nhân đức được người dân địa phương kính trọng gọi là Thầy - Thím. Tổng thể di tích dinh Thầy Thím được chia làm hai bộ phận: Bộ phận thứ nhất là khu trung tâm bao gồm chính điện, võ ca, nhà tiền hiền, nhà hậu hiền, công chính, bình phong, khu mộ Thầy Thím và một số công trình phụ cận. Hầu hết đều được sử dụng lối kiến trúc “tứ trụ” - một mô hình kiến trúc tôn giáo rất phổ biến ở Bình Thuận trong các thế kỉ XVIII - XIX tạo nên nét độc đáo mang sắc thái riêng của Dinh. Tại Dinh và mộ Thầy Thím hàng năm diễn ra 2 lễ hội: lễ tảo mộ Thầy Thím vào mùng 5 tháng Giêng và lễ Giỗ tiền hiền, hậu hiền từ 14 - 16 tháng 9 Âm lịch.

Dinh Thầy Thím đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia tại Quyết định số 2890/QĐ-VH ngày 27-9-1997.



Công Dinh Thầy Thím (La Gi)

## 20. Thắng cảnh Chùa Núi (Chùa Linh Sơn Trường Thọ)



Tượng Phật “Thích Ca nhập niết bàn” trên chùa Núi Tà Cú (Hàm Thuận Nam).

Tọa lạc trên sườn phía Nam núi Tà Cú, thuộc địa phận thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Chùa Linh Sơn Trường Thọ là thắng cảnh thiên nhiên và kiến trúc phối hợp. Năm 1872, nhà sư Trần Hữu Đức (1812-1887), chọn hang đá trên núi Tà Cú để làm nơi tu hành và bốc thuốc chữa bệnh cho nhân dân. Sau nhiều lần tu bổ, chùa

trở nên kang trang, rộng rãi và to đẹp hơn, trong đó còn lưu lại nhiều hiện vật có giá trị, nổi bật nhất là pho tượng Phật khổng lồ “Thích Ca nhập niết bàn” trong tư thế nằm với chiều dài 49 m; cao 7 m tạo cho chùa Núi trở thành một danh lam thắng cảnh tuyệt vời thu hút du khách thập phương suốt quanh năm. Hàng năm, tại chùa Linh Sơn Trường Thọ diễn ra nhiều lễ hội như: lễ giỗ Tổ vào mùng 5 tháng 10 Âm lịch, lễ rằm tháng 4, tháng 7, tháng 10 và tết Nguyên đán

Với những giá trị trên, chùa Núi Tà Cú đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích danh lam thắng cảnh của quốc gia theo quyết định số 43/VH/QĐ ngày 7-1-1993.

## 21. Di tích lịch sử mộ cụ Nguyễn Thông

Khu mộ cụ Nguyễn Thông nằm trên đồi Ngọc Lâm, ở sát cạnh chân núi Ngọc Sơn, thuộc địa phận làng Ngọc Lâm thuộc phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Khu mộ cụ Nguyễn Thông xây dựng khá bề thế, trang nghiêm. Mộ đặt theo hướng Đông Bắc - Tây Nam xuôi theo hướng ngọn núi Ngọc Sơn. Nấm mộ đắp bằng vôi vữa và trau chuốt thành dáng hình một con kỳ lân trong tư thế nằm oai phong. Văn bia khắc trên một tấm đá màu xanh đen, trên mặt chính của văn bia

chạm chìm một bài kí bằng văn tự Hán cổ do chính cụ Nguyễn Thông soạn thảo trước khi ông qua đời vào ngày 7 tháng 7 năm 1884 (tức ngày 27/8 năm Giáp Thân). Là nhà trí thức yêu nước, nhà thơ, nhà văn và nhà hoạt động xã hội có ảnh hưởng lớn ở miền Nam nước ta nửa đầu thế kỷ XIX. Sau khi mất, theo nguyện vọng khi còn sống, ông được gia đình, bạn bè chôn cất dưới chân núi Cốc. Núi Cốc có nhiều cây cối, chim chóc, dưới chân núi là biển cả tạo nên phong cảnh sơn thủy hữu tình. Hàng năm, vào ngày 27 tháng 8 Âm lịch, gia đình và dòng tộc ở Phan Thiết tổ chức lễ giỗ cụ Nguyễn Thông tại khu mộ và nhà thờ cụ trong khu trường Dục Thanh.

Khu mộ cũng như Ngọa du sào và nhà thờ cụ Nguyễn Thông đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng di tích cấp quốc gia tại Quyết định số 05/1999-QĐ-BVHTT ngày 12-2-1999.



Mộ cụ Nguyễn Thông, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết

## 22. Hải đăng Kê Gà

Hải đăng Kê Gà (hoặc Khe Gà) ở mũi Kê Gà, thuộc thôn Văn Kê, xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận là một trong những ngọn hải đăng cao nhất và cổ xưa nhất Việt Nam. Theo lịch sử hàng hải ở khu vực này, Mũi Kê Gà được coi là một vị trí cực kì hiểm yếu của vùng biển từ Phan Rang đi Vũng Tàu. Ngay từ các thế kỉ trước đã có rất nhiều thuyền buôn qua lại nơi đây và bị đắm do không xác định được tọa độ, vị trí. Để đáp ứng nhu cầu vận tải của quân đội Pháp cũng như tàu buôn của nước ngoài qua đây, người Pháp đã nghiên cứu và cho xây dựng ngọn hải đăng Kê Gà. Hải đăng Kê Gà chính thức khởi công từ tháng 2 - 1897 đến cuối năm 1899, sau 3 năm khẩn trương xây dựng ngọn tháp đá hình bát giác mới hoàn thành và bắt đầu hoạt động từ năm 1900. Người khảo sát, thiết kế và trực tiếp hướng dẫn giám sát thi công là một kĩ sư người Pháp tên là Chanavat. Hải đăng có chiều cao 42,8 m tính từ mặt đất đến đỉnh đèn và tính từ

mặt nước biển lên đến đỉnh đèn cao 65 m. Trên đỉnh có 2 bóng đèn kích thước lớn, công suất 1000W/bóng.

Đây là một ngọn tháp cao thấp đèn dùng cho tàu thuyền giao thông trong khu vực, và đã được trung tâm sách *kỉ lục Việt Nam* xác nhận là ngọn hải đăng cao nhất và cổ xưa nhất Việt Nam). Có một tấm đá hoa cương lớn đặt ngay trước cửa vào Hải đăng khắc năm 1899. Tấm đá hoa cương này chưa biết người Pháp đưa từ đâu đến vì trong khu vực không có loại đá này. Không phải chỉ là những viên đá bình thường có 4 góc mà tất cả những khối đá hoa cương dùng xây Hải đăng đều đã được chạm, khắc thành từng ô, từng hình chữ nhật phẳng. Nghĩa là gần như có sẵn một ngọn tháp bằng đá đã được làm sẵn, khi xây dựng chỉ cần lắp đặt vào đúng thứ tự, góc cạnh từ dưới lên trên và không cần sử dụng vữa kết dính lại, các phiến đá khít khao, bền vững. Bên trong hải đăng có 183 bậc thang xoáy tròn ốc bằng thép dẫn đến đỉnh hải đăng cùng hàng chục bậc tam cấp dẫn lên đến đỉnh đèn. Xung quanh chân Hải đăng có hai hàng hoa sứ dọc theo lối đi do người Pháp trồng còn nguyên, toả bóng mát quanh năm. Vật liệu xây cất được đưa từ Pháp sang, kể cả ngọn đèn trên đỉnh và máy phát điện.



Hải đăng Kê Gà

### **23. Di tích lịch sử - văn hóa Trường Dục Thanh và Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Thuận**

Đây là các di tích lịch sử - văn hóa lưu lại dấu chân lịch sử của người thanh niên Nguyễn Tất Thành (sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh) trên con đường ra đi tìm đường cứu nước. Khu di tích tọa lạc trong khuôn viên nhà thờ cụ Nguyễn



Thông ở số 39 Trung Nhị, phường Đức Nghĩa, thành phố Phan Thiết. Trường được xây dựng năm 1907.

Tên gọi Dục Thanh có hàm ý đây là ngôi trường được mở ra để giáo dục lòng yêu quê hương đất nước, truyền đạt kiến thức, mở mang dân trí cho thanh thiếu niên ở Bình Thuận và các tỉnh lân cận hưởng ứng cuộc vận động Duy Tân vào đầu thế kỉ XX. Để tỏ lòng biết ơn Bác Hồ kính yêu và giáo dục truyền thống yêu nước cho các thế hệ đương thời và mai sau, trường Dục Thanh chính thức được trùng tu, tôn tạo vào năm 1978, trong đó có các hạng mục gắn bó với thầy giáo Nguyễn Tất Thành trong thời gian dạy học và sinh sống tại đây như: nhà Ngự, Ngọa du sào, cây khế, giếng nước... Bên cạnh trường Dục Thanh, nhà Bảo tàng trưng bày về tiểu sử và sự nghiệp của lãnh tụ Hồ Chí Minh và tượng đài về Người được xây dựng và khánh thành vào năm 1986.

Trường Dục Thanh đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng di tích quốc gia tại Quyết định số 235/VH/QĐ ngày 12-12-1986.



Di tích Trường Dục Thanh (Phan Thiết).

#### 24. Di tích lịch sử Tháp nước Phan Thiết



Tọa lạc trong khu vực công viên Vườn hoa Phan Thiết, bên bờ tả ngạn dòng sông Cà Ty thuộc phường Bình Hưng, thành phố Phan Thiết. Tháp nước Phan Thiết do Hoàng thân Xuphanuvông của Vương quốc Lào thiết kế và do nhà thầu Ứng Du (người gốc Huế) sinh sống và làm việc tại Bình Thuận đã trúng thầu và khởi công xây dựng vào năm 1928, đến năm năm 1934 thì công trình hoàn thành. Tháp nước Phan Thiết được coi là công trình kiến trúc nghệ thuật, mỹ thuật đặc sắc với hình trụ

bát giác cao 32 m, càng lên cao càng thu nhỏ dần theo dạng hình tháp. Điểm nổi bật xung quanh bầu đài Tháp nước có 8 hình tròn được đắp nổi bằng các mảnh sành sứ men xanh theo kiểu chữ Triện với 4 chữ Quốc ngữ UEPT, đây là 4 chữ đầu của chữ Pháp: “Usine des Eaux de Phan Thiet” (Nhà máy nước Phan Thiết). Dọc theo các cạnh của thân Tháp nước từ trên xuống chia làm 5 ô, mỗi ô trang trí các hoa văn chữ Triện gồm 5 chữ: “hỷ, phúc, thọ, kiết, lộc” với hàm ý là “chúc vui vẻ, hạnh phúc, trường sinh, thịnh vượng và no ấm”. Ngoài chức năng cung cấp nước sinh hoạt cho người dân nội thành Phan Thiết trước đây, trải qua hơn 80 năm ra đời và tồn tại, Tháp nước đã trở thành hình ảnh, biểu tượng quen thuộc, thân thương in sâu vào tâm thức của bao thế hệ người dân Phan Thiết, Bình Thuận và trở thành nguồn cảm hứng sáng tác của nhiều nhà văn, nhà thơ, các nhiếp ảnh gia, các họa sĩ...

Với ý nghĩa, giá trị đó tháp nước đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 2807/QĐ-UBND ngày 19-10-2018.

### **25. Di tích lịch sử - cách mạng Đốc Ông Bằng**

Tọa lạc tại khu vực ngãnh Tam Tân thuộc làng Tam Tân - nay là thôn Hiệp Tiến, xã Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. Đây là nơi ghi dấu sự kiện thành lập chi bộ Đảng Cộng sản Tam Tân - Chi bộ đảng đầu tiên của tỉnh Bình Thuận, gồm 7 đảng viên, do đồng chí Ngô Đức Tồn làm bí thư chi bộ. Nơi này, những người đảng viên cộng sản đầu tiên tại Bình Thuận chính thức giương cao ngọn cờ đấu tranh cách mạng cứu nước theo đường lối Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 vạch ra. Sự kiện này đánh dấu mốc son lịch sử chói lọi, hào hùng trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc tại Bình Thuận. Từ đây, phong trào yêu nước của Bình Thuận đã được tập hợp đấu tranh dưới sự lãnh đạo của tổ chức đảng cho đến thắng lợi cuối cùng.

Đốc Ông Bằng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 4566/QĐ-CTUBBT ngày 20-10-2004.

### **26. Khu căn cứ kháng chiến Lê Hồng Phong (Khu Lê)**

Khu căn cứ kháng chiến Lê Hồng Phong (còn gọi là Khu Lê) là một trong những căn cứ địa cách mạng của tỉnh Bình Thuận trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, được hình thành từ cuối năm 1950, có diện tích trên 600 km<sup>2</sup>, nằm trên địa bàn hai huyện Hòa Đa và Hàm Thuận (hiện nay thuộc 2 xã Hồng Phong và Hòa Thắng của huyện Bắc Bình).

Khu căn cứ kháng chiến Lê Hồng Phong là vùng đất phần nhiều là đồi cát, có những khu rừng rậm, nối liền nhau khá rộng với nhiều cây tạp, chiếm phần lớn là



cây ô rô (loại cây gai chằng chịt), lợi thế trong việc bố trí phòng ngự xây dựng căn cứ kháng chiến. Do nằm sâu trong vùng địch kiểm soát, nên luôn bị địch bao vây, phong tỏa, đánh phá ác liệt; chúng quyết biến mảnh đất này thành bình địa, không còn là chỗ dựa của cách mạng và nhân dân. Tuy nhiên, mọi âm mưu, thủ đoạn từ dụ dỗ, mua chuộc, khủng bố tinh thần đến uy hiếp bằng bom đạn, máy bay, xe tăng, đại bác, chất độc hóa học... của chúng vẫn không khuất phục được ý chí, tinh thần của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân vùng đất anh hùng này. Suốt những năm tháng khốc liệt ấy, khu căn cứ Khu Lê Hồng Phong không những không bị tiêu diệt mà vẫn tồn tại vững chắc như một tượng đài chiến thắng, như trang sử hào hùng, được xây dựng bằng ý chí, nghị lực phi thường, bằng niềm tin mãnh liệt vào Đảng, cách mạng của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân nơi đây - đã vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, ác liệt, hi sinh, chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, góp phần vào thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến.



Bàu Trắng - thuộc khu căn cứ Lê Hồng Phong trước kia, nay là thắng cảnh du lịch nổi tiếng

## 27. Khu di tích lịch sử Cát Bay

Tọa lạc trên đồng cát thuộc thôn Đông Bình (nay là thôn 1), xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Khu di tích lịch sử Cát Bay là nơi thờ phụng vong linh của 178 người con Bình Thạnh<sup>(48)</sup> đã bị sát hại trong vụ thảm sát Cát Bay của quân đội Pháp xảy ra vào ngày 20-2-1951. Bên cạnh đó, di tích còn là nơi thờ Bác Hồ, các anh hùng liệt sĩ, thần linh, những bậc tiền hiền và hậu hiền có công trong việc khai hoang, mở đất, tạo lập cuộc sống và xây dựng làng xóm ngày trước. Hàng năm, tại di tích diễn ra nhiều lễ nghi, lễ hội gắn liền với phong tục tập quán của người dân địa phương; trong đó quan trọng nhất là nghi lễ diễn ra vào dịp rằm tháng Giêng và đây được coi là ngày giỗ chung của những người dân Bình Thạnh đã bị giết hại trong vụ thảm sát năm xưa.

Khu di tích lịch sử Cát Bay đã được Nhà nước xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 14-12-2015.

<sup>(48)</sup> Số liệu theo cuốn Lịch sử Tuy Phong 1930-1954, tr. 249.

## **28. Di tích lịch sử cách mạng Hoài Đức - Bắc Ruộng**

Di tích lịch sử cách mạng Hoài Đức - Bắc Ruộng nằm trên địa bàn xã Bắc Ruộng, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vào tháng 9-1959, sau khi thành lập tỉnh Bình Tuy, chính quyền Việt Nam Cộng hòa thành lập một quận mới lấy tên là Hoài Đức; Bắc Ruộng là khu dinh điền, trung tâm quận lỵ quận Hoài Đức, nên gọi là Hoài Đức - Bắc Ruộng. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, địch đã lập Chi khu quận lỵ tại đây. Khu di tích lịch sử - cách mạng Hoài Đức - Bắc Ruộng được xây dựng trên diện tích 8.000 m<sup>2</sup> để ghi dấu sự kiện, con người và chiến trường trong chiến thắng Hoài Đức - Bắc Ruộng năm 1960. Tượng đài chiến thắng với 3 nhân vật đại diện cho ba mũi giáp công, đi đầu là tượng người chiến sĩ giải phóng - bộ đội chủ lực đang ôm súng xốc tới, một bên là tượng dân quân phát cao ngọn cờ chiến thắng và một bên là tượng nữ dân quân du kích - đồng bào dân tộc với đặc trưng trong trang phục và mang gùi tiếp lương tải đạn. Điểm nhấn là 3 nhân vật được tạo hình khá chân thật và sống động, cao 17,4 m. Khối ngang hai bên như trang sách mở ra một giai đoạn mới của lịch sử đấu tranh cách mạng, trong đó là hai mảng phù điêu tả cảnh quân và dân ta xông lên truy quét địch và cảnh nhân dân sản xuất, vận chuyển lương thực, vũ khí phục vụ chiến đấu.

Với những giá trị trên các mặt, di tích lịch sử - cách mạng Hoài Đức - Bắc Ruộng đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng di tích lịch sử - cách mạng cấp quốc gia tại Quyết định số 3211/QĐ/BT ngày 12-12-1994.

## **29. Di tích lịch sử cách mạng: Căn cứ Tỉnh ủy Bình Thuận trong kháng chiến chống Mỹ tại Sa Lôn, xã Đông Giang, huyện Hàm Thuận Bắc**

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, vấn đề xây dựng căn cứ địa cách mạng có tầm quan trọng đặc biệt. Đối với Đảng bộ và nhân dân Bình Thuận, việc xây dựng căn cứ địa cách mạng đã cho chúng ta nhiều bài học, kinh nghiệm thực tiễn phong phú không những trong các cuộc kháng chiến trước đây, mà còn có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng khu vực phòng thủ và thế trận lòng dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Trong hoàn cảnh cuộc kháng chiến chống Mỹ gặp nhiều khó khăn, gian khổ, Tỉnh ủy Bình Thuận đã sáng suốt lựa chọn một vị trí đứng chân thuận lợi để hoạt động và thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến. Địa thế đó đã đảm bảo hội tụ được các yếu tố “địa lợi và nhân hòa”, vững chắc trong việc bố phòng, thuận lợi trong công tác chỉ đạo tiến công, phát triển chiến tranh nhân dân, là yếu tố mang tính sống còn cho Đảng bộ và nhân dân tại thời điểm bấy giờ, trở thành một trong những khu căn cứ có vị trí và vai trò hết sức quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, được xem là “Thủ đô kháng chiến chống Mỹ” của tỉnh Bình

Thuận, là một biểu tượng sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, một nhân tố không thể thiếu, góp phần làm nên thắng lợi trọn vẹn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Tại đây, Tỉnh ủy Bình Thuận đã vượt qua bao khó khăn, gian khổ, hy sinh để lãnh đạo quân, dân tỉnh nhà kháng chiến chống lại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và tay sai, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước vào ngày 30-4-1975.

Di tích Căn cứ Tỉnh ủy Bình Thuận trong kháng chiến chống Mỹ tại Sa Lôn, xã Đông Giang, huyện Hàm Thuận Bắc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 3056/QĐ-UBND, ngày 25-10-2017.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Thuận (1993), *Chiến thắng Hoài Đức - Bắc Ruộng 31-7-1960*.
2. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Thuận Hải (1984), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thuận Hải (1930-1945)*.
3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận (1995), *Bình Thuận 10 năm phát triển (1992-2002)*.
4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận (1995), *Bình Thuận 20 năm xây dựng và phát triển (1975-1995)*.
5. Ban Tổng kết chiến tranh Quân khu 6, *Báo cáo tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường quân khu 6, tập 3 - lưu hành nội bộ năm 1986*.
6. Bùi Thiết (1996), *Vua chúa Việt Nam*, Nxb Văn hóa - Thông tin Hà Nội.
7. Đảng bộ huyện Bắc Bình (1991), *Những trận đánh tiêu biểu trên đất Bắc Bình (1945-1975)*.
8. Đảng bộ huyện Bắc Bình (1993), *Bắc Bình truyền thống đấu tranh cách mạng (1930-1975)*.
9. Đảng bộ huyện Bắc Bình (1999), *Bắc Bình lịch sử truyền thống lực lượng vũ trang nhân dân (1945-1975)*.
10. Đảng bộ huyện Đức Linh (1990), *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Huyện Đức Linh (1945-1975)*.
11. Đảng bộ huyện Hàm Tân (1993), *Hàm Tân 45 năm lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng (1930-1975)*.
12. Đảng bộ huyện Hàm Thuận (1988), *Hàm Thuận bất khuất kiên cường, tập 1 (1930-1954)*.
13. Đảng bộ huyện Hàm Thuận Bắc (1994), *Hàm Thuận bất khuất kiên cường, tập 2 (1954-1975)*.
14. Đảng bộ huyện Tuy Phong (1993), *Lịch sử Tuy Phong, tập 1 (1930-1954)*.
15. Đảng ủy, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Thuận (1992), *Bình Thuận 30 năm chiến tranh giải phóng*, Nxb Quân đội nhân dân.

16. Đảng ủy, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Thuận (2004), *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Bình Thuận (1945-2000)*, Nxb Quân đội nhân dân.
17. Đào Duy Anh (1996), *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb Thuận Hóa.
18. Hoàng Minh Đô (chủ biên), *Tín ngưỡng, tôn giáo trong cộng đồng người Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận*, Nxb Lý luận chính trị.
19. Lê Minh Đạo - Sáng kiến kinh nghiệm (2007, 2011): *Khái quát lịch sử - văn hóa Bình Thuận Cổ Trung đại*.
20. Lê Minh Đạo - Sáng kiến kinh nghiệm (2009): *Khái quát lịch sử địa phương Bình Thuận Cận Hiện đại*.
21. Lê Quý Đôn, *Phủ Biên tạp lục*, (triều Nguyễn).
22. Ngô Văn Doanh (1994), *Tháp cổ Chăm pa sự thật và huyền thoại*, Nxb Văn hóa thông tin.
23. Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn Tiệp, Nguyễn Văn Diệu (1998), *Văn hóa các tộc người thiểu số ở Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
24. Nguyễn Hồng Dương (chủ biên), *Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào Chăm ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận*, Nxb Khoa học - xã hội.
25. Nguyễn Siêu, *Phương Đình Diệm địa chí*, (triều Nguyễn).
26. Nguyễn Thế Sang (2005), *Luật tục Rắclây*, Nxb Văn hoá dân tộc.
27. Nguyễn Văn Huy (1998), *Bức tranh văn hóa các dân tộc Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
28. Phan Lạc Tuyên (1990), *Nông nghiệp cổ truyền của người Chăm ở Thuận Hải*, *Tạp chí Dân tộc học*, số 1.
29. Quốc Sử quán Triều Nguyễn (2006), *Đại Nam Nhất thống chí*, Nxb Thuận Hóa.
30. Quốc Sử quán Triều Nguyễn (1994), *Minh Mệnh chính yếu*, Nxb Thuận Hóa.
31. Sở Văn hóa - Thông tin Bình Thuận (2007), *Địa chí Bình Thuận*.
32. Tỉnh ủy Bình Thuận (1994), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận, tập I (1930-1954)*.

33. Tỉnh ủy Bình Thuận (2000), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận, tập II (1954-1975)*.
34. Tỉnh ủy Bình Thuận (2010), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận, tập III (1975-2005)*.
35. Trần Quốc Vượng, (1995), *Miền Trung Việt Nam và văn hóa Chămpa (một cái nhìn địa văn hóa)*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4.
36. Trương Hiến Mai, Sử Văn Ngọc (2002), *Hệ thống thủy lợi và nghi lễ nông nghiệp cổ truyền Chăm Ninh Thuận - Bình Thuận*.
37. Viện sử học Việt Nam (2001), *Việt Nam những sự kiện lịch sử (từ khởi thủy đến 1858)*, Nxb Giáo Dục.
38. Vũ Ngọc Khánh (2006), *Văn hoá lễ hội truyền thống cộng đồng các dân tộc Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân.
39. Vương Hoàng Trù (1978), “*Bước đầu tìm hiểu tín ngưỡng dân gian ở người Chăm tỉnh Thuận Hải*”, *Những vấn đề dân tộc học ở miền Nam Việt Nam, tập 2, quyển II*, Viện Khoa học xã hội tại Tp. Hồ Chí Minh.
40. [www.cucthongke.vn/ngtk/niengiam.htm](http://www.cucthongke.vn/ngtk/niengiam.htm)

**\* Ngoài ra còn sử dụng:**

- Một số bài viết của ông Trương Quốc Minh, ông Nguyễn Xuân Lý (Giám đốc bảo tàng Bình Thuận), ông Nguyễn Tiến Tùng, Đỗ Khắc Thử, Minh Chiến, đăng trong các báo Bình Thuận và sách “100 năm thị xã Phan Thiết”.

- Một số tài liệu nghiên cứu và kết luận về di chỉ khảo cổ Phú Trường của tiền sử Nguyễn Văn Cường (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam), Trương Đắc Chiến (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

**\* Các tư liệu ảnh sử dụng của:** Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận, Bảo tàng Dân tộc học, Báo Dân tộc và Miền Núi, Bảo tàng lực lượng vũ trang tỉnh Bình Thuận, Nhà truyền thống huyện Hàm Thuận Bắc, Nhà truyền thống huyện Bắc Bình, Nhà truyền thống huyện Đức Linh, Nhà xuất bản Giáo dục, Sở Văn hóa Thể Thao và Du Lịch tỉnh Bình Thuận; Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Thuận; Bảo tàng Chăm Bình Thuận, Phòng truyền thống Trường THPT Dân tộc Nội trú tỉnh Bình Thuận; Tranh ảnh của nhiều tác giả trong và ngoài tỉnh đã đăng trên nhiều số báo khác nhau của Báo Bình Thuận; Ảnh lưu giữ của gia đình Hoàng tộc Chăm.



**BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN TÀI LIỆU**

-----

1. Đồng chí **Huỳnh Thái Dương**, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, *Trưởng Ban Chỉ đạo*.
2. Đồng chí **Nguyễn Thị Toàn Thắng**, Phó Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo, *Phó trưởng Ban Chỉ đạo*.
3. Đồng chí **Trương Quốc Thế Minh**, **nguyên** Trưởng Phòng Tổng hợp - Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, *Thành viên*.
4. Đồng chí **Huỳnh Thị Thanh Thủy**, Chuyên viên Phòng Giáo dục Trung học – Giáo dục chuyên nghiệp – Giáo dục thường xuyên, Sở Giáo dục và Đào tạo, *Thành viên*.
5. Đồng chí **Nguyễn Thị Ngọc Hạnh**, Chuyên viên Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo, *Thành viên*.

**TỔ BIÊN SOẠN**

-----

1. Đồng chí **Lê Minh Đạo**, Giáo viên môn Lịch sử Trường THPT Phan Bội Châu, *Tổ trưởng*.
2. Đồng chí **Nguyễn Thành Tài**, Phó **phụ trách** Phòng Tổng hợp - Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, *Tổ phó*.
3. Đồng chí **Nguyễn Thị Thanh Thúy**, Tổ phó Tổ bộ môn Lịch sử của Sở GD & ĐT, Giáo viên môn Lịch sử Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo, *Thành viên*.
4. Đồng chí **Nguyễn Thị Xuân Trang**, Tổ trưởng chuyên môn Lịch sử Trường THPT Phan Chu Trinh, *Thành viên*.
5. Đồng chí **Nguyễn Thái Sơn**, Chuyên viên Phòng Tổng hợp - Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, *Thành viên*.
6. Đồng chí **Lê Minh Duy**, Chuyên viên Phòng Tổng hợp - Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, *Thành viên*.